



## Diễn biến hòa bình : nguy cơ hay hoả mù ?

NGUYỄN NGỌC GIAO

Theo các văn kiện chính thức và công khai của Đảng cộng sản Việt Nam đã được đưa ra thông qua ở hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ (tháng 1.1994), thì nước ta hiện đang phải đương đầu với 4 *nguy cơ* : **tụt hậu** (tức là bị các nước ASEAN và lân bang bỏ xa đằng sau), **chênh hướng**, **tham nhũng**, và **âm mưu diễn biến hòa bình** của các lực lượng thù địch. Tài liệu học tập do Ban văn hoá tư tưởng Trung ương phổ biến trong nội bộ đảng còn nhấn mạnh : trong 4 nguy cơ kể trên, nguy cơ *diễn biến hòa bình* là nghiêm trọng hơn cả.

(xem tiếp trang 9)

## mục lục

2. Bạn đọc và Diễn Đàn

### Thời sự, những vấn đề

1. Diễn biến hòa bình Nguyễn Ngọc Giao

4. Tin tức Việt Nam

10. Hệ thống y tế và phát triển Bùi Mộng Hùng

13. Quan hệ sản xuất, cơ chế thị trường và hình thái xã hội

Lê Văn Cường, Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm

### Hồ sơ đặc biệt

18. Trường hợp Vũ Đình Huỳnh

### Văn hoá, nghệ thuật

21. Thơ : *Điểm Châu dịch Roberto Juarroz, Phuotong Sinh,**Nguyễn Đình Thi, Chủ Văn Long*

22. Hội họa Việt Nam tại Pháp

Đặng Tiến

23. Võ Thị Hảo, vàng trăng mồ côi

Thuy Khuê

24. Đỗ Lang thang (không) Ka hát

Hàn Thuỷ

25. Đọc sách

Nguyễn Thắng

27. Cố Điện

Hoàng Xuân Hãn

30. Làng của danh nhân (truyện ngắn)

Nguyễn Khải



Kandinsky, Improvisation 18 (avec pierre tombale).

## Ngạc nhiên và không hiểu

Tôi ngạc nhiên và không hiểu vì sao, gần đây *Diễn Đàn* đăng một số bài (của người trong nước và của người ngoài nước) chứa đựng những khẳng định mà “độ đáng tin” (crédibilité) rất thấp. Vì không thể chiếm chỗ dài dòng, tôi chỉ xin trích nêu một thí dụ :

Trong bài “*Sự chấm dứt của huyền thoại xã hội đại đồng*” (phần 2, đăng trong *Diễn Đàn* số 29, trang 12, cột 2) tác giả Nguyễn Thu viết :

“*Ngoại sử ghi rằng Tân Thuỷ Hoàng (...) chỉ vào con ngựa trước mặt quần thần và nói : “Trông kìa một con hươu” và toàn thể triều đình đều cúi rạp và tung hô : “Tâu hoàng thượng chính là một con hươu” (...). Cũng chính vị hoàng đế thông minh và tàn bạo này (...) đã chống lại những tư tưởng pháp trị của Khổng tử (...).*”

Trong phần 2 của bài này, tác giả Nguyễn Thu không viết tiểu thuyết, cũng không viết một chặng từ về những điều mình đã hay đang sống, mà viết một bài lý luận, dùng những sự kể trên để minh họa cho lời khẳng định của mình (về một nền chuyên chính phong kiến cực kỳ tinh vi và tàn bạo, theo lời tác giả). Tôi dám chắc rằng các thành viên Ban chủ biên của *Diễn Đàn* đều biết rằng chuyện “ngựa – hươu” kể trên không xảy ra thời Tân Thuỷ Hoàng, mà ở thời Tân Nhị Thế và trong một bối cảnh hoàn toàn khác. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên : *Triệu Cao (đang làm thừa tướng, bè đảng rất mạnh) muốn làm phản, nhưng sợ quần thần không nghe, nên trước tiên phải thử. Y*

## Bản đọc



dâng Nhị Thế một con hươu, và bảo đó là con ngựa. Nhị Thế cười nói : “Thùa tướng lầm ! Sao lại gọi con hươu là con ngựa ? ” Rồi hỏi các quan xung quanh. Những người xung quanh, có người nói là “ngựa” để chiều lòng Triệu Cao, cũng có người nói là “hươu”. Nhìn thấy Triệu Cao để ý những người nào nói là “hươu” để tìm cách loại họ. Tôi cũng dám chắc là các thành viên Ban chủ biên của *Diễn Đàn* đều biết rằng Khổng Tử không thuộc phái pháp gia, mà ngược lại, những thừa tướng nhà Tần như Thương Uởng, hay Lý Tu, thừa tướng thời Tân Thuỷ Hoàng và đầu thời Tân Nhị Thế, mới thuộc phái pháp gia, mặc dù nhà nước của họ quan niệm không phải như *nước pháp trị* (Etat de droit) ngày nay. Vì thế cho nên tôi ngạc nhiên và không hiểu chủ trương của *Diễn Đàn* bây giờ là gì :

– Chắc không phải là *Diễn Đàn* muốn hạ uy tín của mấy người viết bài trước mắt bạn đọc. *Diễn Đàn* nể người viết nên không nỡ từ chối (mặc dù thấy “có nhiều điểm cần hiệu chỉnh hay thảo luận thêm” như có ghi chú) ? Vì là tác giả ở trong nước nên *Diễn Đàn* không đề nghị sửa được những chỗ sai ?

– Không lẽ *Diễn Đàn* bớt cảnh giác về hình ảnh của chính mình ? Ban chủ biên và Ban biên tập mỗi một nên không kiểm tra được chất lượng các bài như trước ?

Tôi thông cảm với hoàn cảnh của một số người sống trong nước, với những khó khăn về việc tìm tài liệu để kiểm tra chính xác những nguồn minh kẽ, với những chật vật o ép hàng ngày của cuộc sống, với những thất vọng chua xót của những ước mong không được thực hiện, v.v... Cho nên, tôi nghĩ rằng việc đề nghị các tác giả sửa bài cho nghiêm túc rồi mới đăng (như *Diễn Đàn* đã có lần giúp tôi sửa một vài lời vô ý, tránh được cho tôi sự có thể bị hiểu lầm là mỉa mai thiếu khiêm tốn, hay định “dạy đời” ...), phải chăng cũng là một cách giúp bảo vệ uy tín cho họ ? (Đối với vài tác giả ở nước ngoài, tôi tạm xin miễn bàn).

Tôi viết mấy dòng này, với sự thực lòng mong muốn *Diễn Đàn* là tờ báo mà độc giả (như tôi) tiếp tục tin cậy được về chất lượng dù có khi không đồng ý, và là tờ báo mà người viết (trong đó có tôi) có thể gửi đăng bài khi có dịp.

B.T.L. (vùng Paris, Pháp)

## CENTRE CULTUREL FRANCO-VIETNAMIEN

24, RUE DES ÉCOLES, PARIS 5, ☎ 43 29 60 89

ouvert tous les jours [sauf le lundi]

### calendrier de mai 1994 :

#### EXPOSITION de PEINTURES :

Georgein : RETOUR DE CHINE (vernissage : 29 avril)

#### EXPOSITION de PHOTOGRAPHIES :

Nair Gouasmi : APERÇUS VIETNAMIENS  
(à partir du 29 avril)

#### CONFÉRENCES :

7 mai, à 20h30 : INTRODUCTION À L'ART VIETNAMIEN, par Nguyễn Phuc Long, archéologue et historien d'art

#### DINER CONCERT

au profit de Pham, enfant leucémique :

Dimanche 8 mai, à partir de 18 h.

Samedi 14 mai, à partir de 18 h.

## DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường  
Tổng biên tập : Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,  
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,  
Thiệu Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,  
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,  
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,  
Hải Văn, Hoà Văn

❖ Xin cảm ơn anh đã nêu lên một vấn đề mà nhiều khi chúng tôi giải quyết chưa thỏa đáng. Thực chất vấn đề này là kết hợp hai yêu cầu của công việc biên tập : (1) tôn trọng tác giả và (2) bảo đảm tính chính xác của các thông tin chưa đựng trong các bài, trong phạm vi thời giờ cho phép và khả năng hiểu biết, kiểm chứng của biên tập viên (kiêm đánh máy hay lên khuôn). Để đáp ứng hai yêu cầu này, chúng tôi tôn trọng nguyên văn bản thảo các bài chúng tôi nhận đăng, chỉ sửa đổi các lỗi chính tả hoặc ngữ pháp ; còn về nội dung cũng như lời văn, chúng tôi chỉ sửa đổi nếu tác giả đồng ý, hoặc cho phép " tiền trảm hậu tấu ". Khó khăn đặt ra khi bài viết không phải là một bài nghiên cứu (loại bài này đòi hỏi tiêu chuẩn chính xác) mà là chứng từ hoặc phát biểu ý kiến, khi tác giả là người ở trong nước, việc liên lạc còn khó khăn hoặc có thể gây phiền hà cho đương sự. Trong trường hợp này, chúng tôi dành coi nhẹ yêu cầu (2) và khi thấy cần, thì lưu ý bạn đọc trong một dòi lời giới thiệu. Chúng tôi đã xử lý như vậy với bài mà anh nêu thí dụ, cũng như với một số bài khác. Có cách nào tốt hơn để kết hợp cả hai yêu cầu ? Rất mong được nghe ý kiến bạn đọc.

### Trình độ hay khẩu vị ?

Tôi đã trở thành độc giả liên tục của *Diễn Đàn* từ sáu tháng nay. Mỗi lần nhận được báo là một đêm thức khuya, suy nghĩ, buồn và xót xa.

Lần này nó đến muộn. Cũng hơi lo và nóng ruột, nhưng cũng may, vì sáng mai tôi phải thuyết trình ở xemina, thức đêm là điều không nên.

Xin các anh gửi cho tôi toàn văn bài Lữ Phương. Tôi rất thích đọc Lữ Phương, dù rằng phản bác anh ấy cũng không khó. Chẳng hạn kịch bản của anh ấy về việc " Đảng cộng sản tự hoá thân " thật là ngây thơ. Tôi thì trông đợi cái đảng ấy tự phân liệt và bộ phận tiến bộ trong nó sẽ thoát thai thành một đảng mới.

Tôi cũng xin được bày tỏ nỗi bực dọc : một truyện ngắn yếu kém về mọi phương diện như " Cô gái sơn cước " của Đỗ Kh. Tôi không rõ *Diễn Đàn* chọn đăng truyện này theo tiêu chuẩn nào ? Hay là tiêu chuẩn để tờ báo là diễn đàn của mọi trình độ ?

Nguyễn T.H. (London, Anh)

❖ Riêng về mặt văn nghệ, nếu anh cho phép thay chữ trình độ bằng khẩu vị, thì có lẽ thích hợp hơn cho tiêu chuẩn chọn bài của *Diễn Đàn*. Riêng về Đỗ Kh., chúng tôi cũng ý thức rằng " Cô gái sơn cước " không phải là truyện ngắn tiêu biểu nhất, nhưng chúng tôi đã không " dám " chọn đăng những truyện khác, theo ý chúng tôi là hay hơn nhiều, nhưng rất táo bạo. Đăng Tiến (số trước) và Hàn Thuỷ (số này) tiếp tục giới thiệu tác giả quan trọng này. Mong rằng hai bài ấy tạo ra một sự phản kháng nơi bạn đọc. Còn lại, là vấn đề khẩu vị, mân cảm thẩm mỹ của mỗi người.

Chúng tôi đã gửi anh toàn văn bài đàm thoại của anh Lữ Phương. Mong có dịp được nghe anh phát triển ý kiến về bài ấy. Thoạt trông, chúng tôi không thấy có mâu thuẫn giữa kịch bản của Lữ Phương và dự phỏng của anh.



### Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :	1/8 trang : 180 F
	1/4 trang : 300 F
	1/2 trang : 550 F
	1 trang : 1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

### Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %  
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hóa đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

### Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....  
Địa chỉ .....

.....  
.....Điện thoại : .....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF  
đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ :  
DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE  
(FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG

hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)  
TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 50 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo *Diễn Đàn*.

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ .....  
Địa chỉ .....

.....  
.....

# Tin tức Tin tức

## Y tế di đầu hợp tác Pháp - Việt

Trong năm 1993, nước Pháp đã bỏ ra 30 triệu quan cho hợp tác y tế với Việt Nam, trong đó khoảng một nửa được dành cho việc phục hồi và trang bị các bệnh viện, phần còn lại dành cho đào tạo và một số công tác đặc biệt trong các ngành truyền máu, sản khoa, nha khoa v.v... 500 phái đoàn y khoa Pháp đã tới thành phố Hồ Chí Minh, hơn 200 đoàn tới Hà Nội, theo những chương trình hợp tác nhà nước hoặc do sáng kiến của các tổ chức phi chính phủ và sáng kiến cá nhân. Đồng thời, 75 bác sĩ Việt Nam đã tới Pháp dự các khoá đào tạo đặc biệt. Trong năm 1994, số bác sĩ tham dự các khoá này sẽ lên tới khoảng 100 người (xem thêm phần tin ngắn)

Bộ trưởng y tế và xã hội Pháp, bà Simone Veil đã nhắc lại các con số đó trong một hội thảo về hợp tác đào tạo y khoa Pháp-Việt tại Hà Nội ngày 26.3 vừa qua. Trong chuyến công du 3 nước Đông Dương này, bà Simone Veil đã dành 3 ngày cho Việt Nam, tham dự hội thảo nói trên và đi thăm một số cơ sở y khoa như Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ em tại Hà Nội, bệnh viện Grall và Viện Tim tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại Hà Nội, bà cũng đã hội kiến với thủ tướng Võ Văn Kiệt, phó thủ tướng Nguyễn Khánh và phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình.

Tiếp theo bà Simone Veil, bộ trưởng Văn hoá và Pháp ngôn Pháp Jacques Toubon đã tới Hà Nội ngày 28.3, mở đầu một chuyến đi 10 ngày thăm ba nước Đông Dương để đẩy mạnh “ ảnh hưởng của tiếng Pháp ” trong vùng. Tại Hà Nội, ông Toubon đã đọc diễn văn khai mạc hội thảo quốc tế về Chính sách đô thị và việc bảo tồn di sản kiến trúc Việt Nam do UNESCO tổ chức với sự tài trợ của chính phủ Pháp. Ông khẳng định chính phủ Pháp sẵn sàng giúp đỡ Việt Nam trùng tu lại các di tích kiến trúc cổ ở Hà Nội và Huế. Cũng tại đây, ông Toubon đã trao cho Thư viện quốc gia Hà Nội danh mục các vi bản báo chí Việt Nam từ 1922 tới 1954, do Thư viện Quốc gia Pháp giữ, và hứa giúp đỡ nâng cấp các Thư viện quốc gia Việt Nam. Kho sách của Thư viện quốc gia Hà Nội có hơn một triệu ấn phẩm, trong đó khoảng 200 ngàn bằng tiếng Pháp. (AFP 26, 28.3, 4.4, Lao Động 3.4.1994)

## Thủ tướng Úc thăm Việt Nam

Trong khuôn khổ một chương trình di thăm các nước Đông Nam châu Á, và đáp lại chuyến đi Úc của thủ tướng Võ Văn Kiệt tháng 7 năm ngoái, thủ tướng Úc Paul Keating đã tới thăm Việt Nam ngày 10.4. Đây là lần đầu tiên một vị thủ tướng Úc tới thăm Việt Nam từ 1975, dù từ năm 1983 Úc đã là một trong số ít các nước Tây phương chủ trương bình thường hoá quan hệ với Việt Nam. Úc là nước đứng thứ ba trong số các nước đầu tư vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư tới nay là 620 triệu đôla Mỹ, chủ yếu trong các ngành viễn

thông và dầu mỏ. Tuy nhiên, khác với các chuyến đi Việt Nam của các nhà lãnh đạo nhiều nước khác, ông Keating không dẫn theo một phái đoàn doanh nhân nào.

Trong hai ngày ở Hà Nội, ông Keating đã hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt và chủ tịch Lê Đức Anh. Ông đã công bố quyết định tăng gấp đôi viện trợ cho Việt Nam, thành 200 triệu đôla Úc trong 4 năm tới, phần lớn sẽ được dành cho y tế, giáo dục và đào tạo. Úc cũng đã quyết định tài trợ 3 triệu USD cho việc nghiên cứu khả thi dự án xây dựng cầu Mỹ Thuận qua sông Tiền, trên quốc lộ số 1. Theo dự kiến, công trình cầu Mỹ Thuận sẽ khởi công xây dựng năm 1996, chủ yếu với vốn viện trợ không hoàn lại (khoảng 80 triệu đôla Úc) của Canberra.

Ngoài các vấn đề kinh tế và thương mại, hai thủ tướng Keating và Võ Văn Kiệt cũng đã thoả thuận để một “ phái đoàn tu vấn quốc hội Úc ” đi Việt Nam vào tháng 7 tới để thảo luận về các vấn đề nhân quyền và những vấn đề liên hệ. Phái đoàn bao gồm một số đại biểu quốc hội và chuyên viên ngoài quốc hội, trong đó có thể có mặt đại diện một số tổ chức Việt kiều tại Úc. (AFP 10, 11.4, AP 12.4.1994)

## Ngân hàng phát triển châu Á : Việt Nam tăng 9 % trong năm 1994

Theo báo cáo dự phóng kinh tế thế giới vừa được Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) công bố ngày 12.4 tại trụ sở ngân hàng ở Manila, khu vực châu Á-Thái Bình Dương vẫn tiếp tục giữ tốc độ phát triển cao nhất thế giới, ở mức trung bình 7,2 % trong hai năm tới (7,4 % năm 1993), so với trung bình toàn thế giới là 1,8 % năm 94 và 3 % năm 1995. Chi tiết hơn, những con số phát triển cao nhất thuộc về Trung Hoa (13,4 % năm 1993, 10 % năm 94 và 9 % năm 95) và Việt Nam (với các con số 8 %, 9 % và 10 %). Bốn “ con rồng châu Á ” (Hồng Kông, Nam Triều Tiên, Singapore và Đài Loan) tiếp tục giữ mức trên 6 %, trong khi Malaixia và Thái Lan sẽ đạt khoảng 8,5 % trong hai năm 94 và 95. Thỏa ước chung về quan thuế và mậu dịch (GATT) sau khi ký kết (15.4.1994 tại Marrakech, Maroc), theo ADB, sẽ có lợi cho châu Á nhiều hơn các khu vực khác, với mức tăng xuất khẩu 11,5 % và tăng nhập khẩu 13,9 % trong hai năm tới – Việt Nam chưa gia nhập GATT.

Tuy nhiên, vẫn theo bản báo cáo, nhiều khó khăn lớn còn tồn tại trong khu vực, điển hình là mức nghèo khổ tăng nhanh ở các đô thị nhiều nước như Bangladesh, Pakistan và Népal. Dịch SIDA cũng đang tràn tới khắp các nước trong khu vực, kể cả Trung Quốc, và cương vị xã hội thấp kém của phụ nữ khiến cho việc sử dụng các biện pháp phòng ngừa SIDA trong quan hệ tình dục gặp nhiều trở ngại. Thái Lan hiện là nước châu Á có nhiều người nhiễm vi khuẩn HIV nhất, với hơn 600 000 trường hợp được biết tới vào tháng 4.1994. Theo Tổ chức y tế thế giới (WHO), số người bị nhiễm vi khuẩn trên thế giới là 13 triệu người cuối năm 1992, có khả năng tăng lên từ 30 đến 40 triệu vào năm 2000, trong đó 90 % là người ở các nước chậm phát triển.

Đối với Việt Nam, ADB đã quyết định (ngày 15.4) viện trợ kĩ thuật 600 ngàn đôla cho một dự án phát triển các thị

trường tài chính. Một viện trợ khác được công bố ngày 19.4 : 700 ngàn đôla trong hai năm tới để hiện đại hoá hệ thống thống kê kinh tế. Mặt khác, ADB sẽ bảo trợ cho các dự án phát triển sông MêKông sẽ được thông qua sau một hội nghị cấp bộ trưởng các nước Campuchia, Lào, Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện và tỉnh Vân Nam Trung Hoa, sẽ họp tại Hà Nội từ 20 đến 23.4 tới. (AFP 12, 13 và 15.4.1994)

### **Việt Nam - Philippin : cộng tác quân sự**

Trong chuyến đi thăm Việt Nam của tổng thống Philip Fidel Ramos cuối tháng 3, như **Điễn Đàn** đã đưa tin trong số trước, hai bên đã dành nhiều thời giờ thảo luận về các vấn đề an ninh trong khu vực, đặc biệt liên quan tới những tranh chấp trên quần đảo Trường Sa. Tổng thống Ramos đã kêu gọi Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) sớm thu nhận Việt Nam làm thành viên chính thức. Theo ông, việc này “càng sớm càng tốt cho ASEAN” và là “một đòi hỏi cấp bách cho hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực”

Tổng thống Ramos đã đề nghị dành 10 chỗ hàng năm trong Học viện quân sự Philippin cho các sĩ quan Việt Nam, và tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quân sự giữa hai bên qua một số hình thức khác, kể cả việc hợp doanh sản xuất trang bị cho quân đội. Theo AFP, công ty Philip Floro International đã và đang tiếp tục mua của Việt Nam kho súng ngắn do Mỹ để lại năm 1975. (AFP 30.3, 5.4.1994)

### **Việt Nam - Campuchia**

Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt và hai vị đồng đẳng Campuchia Norodom Ranariddh và Hun Sen đã quyết định thành lập một ủy ban hỗn hợp phụ trách phân định đường biên giới giữa hai nước và một ủy ban khác có trách nhiệm giải quyết các vấn đề an ninh và cuộc sống của hơn 150 000 người Việt Nam sống ở Campuchia. Theo phía Campuchia, những người Việt Nam sẽ được đối xử “như những người nước ngoài khác sống ở Campuchia”. Bản thông cáo chung 14 điểm giữa các vị thủ tướng đã được đưa ra sau 24 giờ thăm hữu nghị Phnom Penh của ông Kiệt ngày 2.4.1994, còn nói về sự tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật giữa hai nước.

Trước chuyến đi của ông Võ Văn Kiệt, hai đồng bộ trưởng quốc phòng Campuchia Tea Banh và Tea Chom Rath đã đi thăm Việt Nam hai ngày 29 và 30.3 để bàn với phía Việt Nam về sự hợp tác quân sự giữa hai nước. (AFP 29.3, 2 và 4.4.1994)

### **Quan hệ Nga - Việt : món nợ 10 tỷ đôla**

Kỳ họp lần thứ ba của Ủy ban liên chính phủ Nga-Việt về hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học, kỹ thuật, tổ chức tại Hà Nội trong tháng 4, hứa hẹn gì về quan hệ giữa hai nước ? Sau khi Liên Xô tan rã, sự hợp tác giữa hai bên đã giảm sút tới mức thấp nhất trong suốt một thời gian, và trong một vài lãnh vực bị gián đoạn hoàn toàn. Vừa qua, cả Hà Nội lẫn Matxcova đã bày tỏ quan tâm khôi phục lại quan hệ kinh tế trên những cơ sở mới. Song trong những vấn đề mà quá khứ để lại và chưa được giải quyết, phức tạp và gay gắt nhất vẫn là khoản nợ 10 tỷ rúp “chuyển khoản” của Hà Nội mà Matxcova ước tính là 10 tỷ đô la.

Món nợ này hình thành trong những năm Liên Xô cũ cấp tín dụng cho Việt Nam cân đối những trao đổi hàng hóa song phương. Qua đó Việt Nam đã có thể thỏa mãn phần lớn nhu cầu về dầu, thép, thiết bị điện, xe ô tô, máy bay... Món nợ đối với Liên Xô còn xuất phát từ những khoản tiền Việt Nam vay qua con đường viện trợ kỹ thuật để xây dựng và hiện đại hóa 250 công trình, trong đó có các nhà máy thủy điện Hòa Bình và Trị An, nhà máy xi măng Bỉm Sơn, những mỏ than ở Quảng Ninh, những đồn điền cao su ở phía Nam...

Đến nay, Hà Nội và Matxcova chưa thoả thuận được với nhau về tỷ giá chuyển những đồng “Rúp chuyển khoản” (sử dụng trong quan hệ thanh toán giữa Liên Xô cũ và Việt Nam) thành đô la Mỹ. Một khó khăn khác là Hà Nội hiện nay không có khả năng trả những khoản nợ đã quá hạn. Tuy nhiên sau một thời gian chờ đợi, Hà Nội đã chính thức thừa nhận nước Nga là người thừa kế của Liên Xô về những món nợ của Việt Nam. Và từ năm 1992, Hà Nội đã bắt đầu trả nợ Matxcova bằng hàng hóa (nông sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng) và bằng dịch vụ cung cấp cho những tổ chức Nga ở Việt Nam. Hai bên còn thoả thuận rằng năm 1994, tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ Việt Nam cung cấp cho Nga để trả nợ vào khoảng 180 triệu đô la. Người ta chờ đợi rằng khối lượng hàng hóa và dịch vụ này sẽ tiếp tục tăng lên và trở thành một nguồn quan trọng và lâu dài về nguyên liệu, lương thực và hàng tiêu dùng cho nước Nga.

Thái độ của Nga đối với Việt Nam cũng đang thay đổi một cách đáng kể. Nếu trước đây một số nhân vật Nga đã lên tiếng đòi bán món nợ của Việt Nam cho một nước thứ ba dù là với giá rất rẻ thì hiện giờ Matxcova bắt đầu xem Hà Nội là đối tượng hợp tác đầy triển vọng. Cho nên người ta không loại trừ khả năng Nga sẽ lấy một phần nợ để tái đầu tư vào kinh tế Việt Nam nhằm củng cố vị trí của các công ty Nga trên thị trường Việt Nam.

(bài viết riêng cho **Điễn Đàn** của N.Ivanop ; Matxcova)

### **Một năm sau chế độ lương mới**

Một năm sau khi chế độ lương mới được nhà nước Việt Nam ban hành, một cuộc hội thảo do Liên đoàn lao động Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức cuối tháng ba vừa qua đã nhận định chế độ lương mới chưa được đồng đảo người lao động đồng tình và cũng vẫn chưa trở thành động lực phát triển kinh tế.

Điều bất hợp lý đầu tiên là mức lương tối thiểu, qui định là 120.000 đồng/tháng, quá xa rời thực tế cuộc sống. So với mức sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, lương tối thiểu này chỉ đủ để trả tiền nhà và điện nước của một hộ gia đình. Đa số các ý kiến trong hội thảo đề nghị một mức lương tối thiểu bằng 2/3 mức lương tối thiểu mà nhà nước đã qui định cho các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (30 đến 35 đô la/tháng), tức không dưới 200.000 đồng/tháng..

Mặt khác, trong chế độ lương mới, đồng lương không gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp mà bị áp đặt theo một thang bảng lương chung. Việc qui định giám đốc, phó giám đốc và kế toán trưởng hưởng lương theo vien chức

nà nước hoàn toàn không có cơ sở kinh tế. Chính vì những bất hợp lý trên mà hiện nay, mặc dù chế độ lương mới đã được chính thức áp dụng từ 1.4 1993, hầu hết doanh nghiệp vẫn nán ná chưa chịu thực hiện triệt để. (Lao Động 27.3.94)

## Đồng Việt Nam : phá giá hay không phá giá ?

Cuộc tranh luận về sự cần thiết phá giá hay không đồng bạc Việt Nam đang chia rẽ trầm trọng những người quyết định chính sách kinh tế ở Hà Nội. Từ hơn hai năm nay, so với đô la Mỹ, hối suất danh nghĩa đồng Việt Nam đã được ổn định ở mức trên dưới 10.500 đồng/một đô la. Nếu tính đến tỷ giá lạm phát ở Việt Nam cao hơn ở Mỹ thì giá trị thực của đồng Việt Nam đã tăng hơn 23% (và tăng gần 50% đối với thời điểm hối suất lên cao nhất – ở mức 14.000 đồng/dô la – trong năm 1991).

Đồng Việt Nam lên giá liên tục gây khó khăn không ít cho những nhà sản xuất hàng xuất khẩu. Riêng đối với nông dân, theo người trách nhiệm Viện quản lý kinh tế trung ương, ông Lê Đăng Doanh, cho biết, giá nông sản bán ra đã giảm 19% trong khi giá hàng công nghiệp và dịch vụ tăng 30% : “*không gì phải ngạc nhiên nếu nông dân khổn khổ*”.

Đồng Việt Nam lên giá cũng làm điêu đứng những nhà sản xuất công nghiệp phải cạnh tranh với hàng ngoại nhập. Tình hình trở nên nguy ngập từ khi Trung Quốc quyết định phá giá 30% đồng nhân dân tệ. Rẻ đi một nửa, và phần lớn là nhập lậu, hàng Trung Quốc đang giết chết hàng loạt mặt hàng công nghiệp Việt Nam. Theo một số chuyên gia kinh tế ở Hà Nội, đó là những lý do đòi hỏi chính phủ sớm có quyết định phá giá đồng bạc Việt Nam, 15% là tối thiểu.

Đến nay, chính phủ vẫn đặt ở hàng đầu mục tiêu chống lạm phát bằng một đồng Việt Nam “mạnh”, và trong chính sách ổn định hối suất lại không phân biệt giữa tỷ giá thực và tỷ giá danh nghĩa (Hà Nội đã chỉ đến 200 triệu đô la trong năm vừa qua để duy trì tỷ giá 10.500 đồng/dô la). Phản ánh quan điểm chính thức đó, người trách nhiệm Ban vật giá chính phủ, ông Lê Xuân Nghĩa, tuyên bố : “*Việt Nam không cần phá giá để cạnh tranh với các nền kinh tế khác. Chính phủ còn phải củng cố lòng tin của dân vào đồng bạc trong một vài năm nữa*”.

Cuộc tranh luận đã trở thành quyết liệt với sự tham gia của Ngân hàng thế giới (W.B.) bên cạnh phe phá giá : định chế tài chính quốc tế này không ngần ngại khuyến cáo Hà Nội phá giá 30% đồng Việt Nam. Có lẽ đó là lý do của tuyên bố nửa nạc nửa mỡ vừa qua của ông Trần Đức Nguyên, cố vấn kinh tế của phó thủ tướng Phan Văn Khải : “*Chúng tôi ý thức rằng đồng bạc Việt Nam hiện nay không đúng giá của nó, nhưng chúng tôi chủ trương điều chỉnh từng bước để giữ ổn định kinh tế*”. (theo FEER, 14.4.94)

## Ngoại hối : quy chế quản lý mới ?

“*Các loại tiền nước ngoài vào Việt Nam phải được quản lý theo qui định của nhà nước Việt Nam*” – ông Nguyễn Ngọc Minh (vụ trưởng vụ quản lý ngoại hối Ngân hàng nhà nước Việt Nam) đã khẳng định như vậy khi trình bày trên báo Tuổi Trẻ qui chế quản lý ngoại hối mới sắp ban hành. Theo ông Minh, trong hoàn cảnh hiện nay, khi ai cũng có thể được

giữ, được sử dụng ngoại tệ riêng, một lượng không nhỏ ngoại tệ được dùng để nhập lậu hàng, hoặc nhập hàng ngoài qui định. Thậm chí, một số ngân hàng thương mại không có báo cáo nên Ngân hàng nhà nước không nắm được tình hình huy động và sử dụng ngoại tệ, “*do đó biện pháp xử lý cũng chưa đề xuất kịp thời*”.

Giới thiệu qui chế quản lý mới, ông Minh cho biết :

– Ngân hàng nhà nước sẽ thu hẹp dần đối tượng được phép giữ ngoại tệ và thị trường mua bán ngoại tệ. Chỉ những doanh nghiệp xuất nhập khẩu và cung ứng dịch vụ cho người nước ngoài mới được tiếp tục nắm giữ ngoại tệ. Đối với những doanh nghiệp khác, nhà nước sẽ thu mua ngoại tệ và bán lại khi có nhu cầu chính đáng. Các ngân hàng thương mại sẽ là nơi trực tiếp giao dịch, chuyển đổi ngoại tệ. Thị trường liên ngân hàng về ngoại tệ (thành lập trong quý 2 năm nay) là nơi các ngân hàng thương mại sẽ bán ngoại tệ cho Ngân hàng nhà nước khi có thừa và mua khi thiếu. Mỗi ngày, Ngân hàng nhà nước sẽ công bố tỷ giá và căn cứ theo đó các ngân hàng thương mại sẽ tính tỷ giá riêng.

– Các cá nhân được tiếp tục giữ ngoại tệ, “*bởi vì có thể họ còn lo sợ tiền Việt Nam mất giá*”. Nhưng chủ trương của nhà nước là “*hướng dẫn người dân chỉ sử dụng đồng tiền Việt Nam trong nước*”, khởi đầu bằng việc chấm dứt những hoạt động của các điểm bán hàng thu ngoại tệ. Hoạt động kiểu hối cũng sẽ được tổ chức lại : các ngân hàng thương mại sẽ trực tiếp làm kiểu hối, những cơ sở kiểu hối hiện nay sẽ phải ngưng hoạt động hoặc trở thành đại lý của ngân hàng. (Tuổi Trẻ 26.3.94)

## Quảng Nam - Đà Nẵng : tham ô từ đầu tinh

Nhân hội nghị giữa nhiệm kỳ của đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam đã chỉ định ông Mai Thúc Lân, hiện là ủy viên thường vụ quốc hội, làm bí thư tỉnh ủy thay ông Nguyễn Văn Chì bị điều đi nơi khác. Ông Trương Quang Được, hiện là tổng cục trưởng hải quan, được chỉ định làm phó bí thư tỉnh ủy thay ông Trần Đình Đạm bị cho nghỉ vì “*lý do sức khoẻ*”. Theo bản báo cáo của hội nghị, lãnh đạo tỉnh “*đã lợi dụng sơ hở trong xây dựng cơ bản, quản lý nhà cửa để tham nhũng ; lợi dụng phương tiện, vốn của nhà nước cấu kết với phần tử buôn lậu*”.

Chỉ riêng về lãnh vực nhà đất, trong hai tháng 9 và 10 năm 1993, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã vung tay cấp đến 291 lô đất (hơn 3 ha) cho những đối tượng có quyền thế trong khi phần lớn đều đã có nhà trong thành phố. Chỉ riêng trong hai ngày trước khi có quyết định của chính phủ rút thẩm quyền cấp đất của thành phố, 154 lô đã được cấp như “*đất chạy tang*” theo lời của một tờ báo địa phương. Trong danh sách những người hiện nay bị buộc phải trả lại nhà đất có bí thư thành ủy, phó chủ tịch ủy ban thành phố, giám đốc sở công nghiệp... Ngoài ra nhiều cơ quan (như chi cục Kho bạc) và công ty (như Xí nghiệp bột cá, Công ty bia Minh Anh) đã được cấp đất trong những điều kiện mờ ám, mỗi trường hợp gây thất thoát cho ngân sách nhà nước từ 3 đến 4 tỷ đồng. (Thanh Niên 31.3 và Lao Động 31.3, 3.4.94)

☞ Dĩ nhiên, sự “bầu cử” các chức vụ quan trọng như bí thư và phó bí thư tỉnh ủy của các tỉnh luôn luôn được ban tổ chức trung ương đảng “chỉ đạo” xít xao, song về hình thức ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam không mấy khi trực tiếp và công khai can thiệp vào. Năm 1988, trong xí căng đan về nạn đói ở Thanh Hoá, ban bí thư đảng đã buộc lòng phải cách chức bí thư Thanh Hoá Hà Trọng Hoà về tội lạm quyền, sau nhiều tháng nhỉ nhằng trước những tiếng chuông phản đối từ cơ sở. Sự vỡ lở về tham ô của bộu xậu ban lãnh đạo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng hẳn đã tới mức không còn che đậy được nên bộ chính trị mới phải lấy quyết định đưa trên đây. Tuy nhiên, các bài báo trích dẫn không nói chức vụ mới mà ông Nguyễn Văn Chì được điều động tới là gì ! Và liệu “diễn hình” Quảng Nam - Đà Nẵng có được nhân lên “cao” hơn ?

## TIN NGẮN

✓ Theo một thông tư đề ngày 24.3.94, khi đầu tư về nước, Việt kiều – không phân biệt quốc tịch – được giảm 20% thuế lợi tức.

✓ Những tín phiếu kho bạc nhà nước (loại kỳ hạn 6 tháng) phát hành kể từ ngày 1.4.94 được hưởng lãi suất 1,7%/tháng.

✓ Ngân hàng ngoại thương Việt Nam vừa công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm (không thời hạn) bằng ngoại tệ áp dụng từ 1.4.94. Đô la Mỹ : 2 %/năm ; Franc Pháp : 3 %. Lãi suất cho vay bằng ngoại tệ của ngân hàng cũng được điều chỉnh. Đô la Mỹ : 7 %/năm ; Franc Pháp : 9,5 % (ngoài ra, ngân hàng thu thêm phụ phí 0,7 % trên số tiền vay).

✓ Trong ba tháng đầu năm 1994 ở Thành phố Hồ Chí Minh, hàng hoá đã tăng giá 4% (trong đó lương thực tăng 11%), dịch vụ tăng 23%, vàng tăng 20%, đô la tăng 3%. Nói chung, vật giá đã tăng gấp đôi so với quý 1 của năm 1993.

✓ Trong hai tháng đầu năm 1994, Việt Nam đã xuất khẩu 423,6 triệu đô la (tăng 25 % so với cùng thời kỳ năm trước), trong đó tăng nhiều nhất là chè (100 %), than (54 %), thịt chế biến (40 %), dầu thô (30 %), hàng dệt (24 %), thủy sản (21 %).

✓ Năm 1993, ngành thủy sản đã đạt kim ngạch xuất khẩu gần 370 triệu đô la (tăng 60 triệu so với năm 1992). Song giá trị tôm xuất khẩu của Việt Nam hiện thấp nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, bình quân 4,8 đôla/kg, chỉ bằng 63 % giá bình quân của Ấn Độ, 53 % của Trung Quốc, 43 % của Thái Lan, 35 % của Úc.

✓ Cơ quan US-ASEAN Council ở Washington vừa qua đã thực hiện một bản tổng hợp những nghiên cứu dự báo của 110 công ty Mỹ về khả năng xuất khẩu và đầu tư vào Việt Nam trong vòng 5 năm tới. Theo tài liệu dự báo này, trong hai năm 1994-1995, xuất khẩu và đầu tư của các doanh nghiệp Mỹ vào thị trường Việt Nam ước độ 2,675 tỷ đô la, và đến năm 1998, con số trên sẽ là 8,222 tỷ đô la/năm. Khoảng 50 công ty Mỹ đã tham dự hội chợ hàng Mỹ tại Hà Nội trong tháng 4.

✓ Từ tháng 4 này, hãng dầu Mỹ Caltex (một liên doanh giữa hai công ty Chevron và Texaco) bắt đầu mua dầu thô sản xuất từ mỏ Bạch Hổ. Đây là hợp đồng dầu đầu tiên giữa một

công ty Mỹ và Việt Nam kể từ khi lệnh cấm vận được bãi bỏ.

✓ Công ty dầu khí Mỹ Mobil Oil vừa cho biết đã mua lại 25 % cổ phần trong một mỏ dầu ở Việt Nam do công ty Nhật A.O.C. khai thác. Đây là giấy phép kinh doanh thứ hai của Mobil Oil ở Việt Nam. Mobil Oil chính là công ty đã tìm thấy dầu ở vùng mỏ này 20 năm trước.

✓ Đầu tháng 3 vừa qua, công ty Mỹ Hensel đã cùng với tỉnh Thừa Thiên - Huế cho ra đời liên doanh Amviet hoạt động trong ngành xây dựng, với vốn pháp định 5 triệu đô la trong đó phần của Mỹ là 70 %.

✓ Công ty Mỹ Bolsa Avenue (Westminster, California) đã cùng với một số xí nghiệp dược phẩm của các tỉnh Vĩnh Phú và Hà Tây cho ra đời liên doanh Vimisea sản xuất thuốc chữa bệnh. Vốn pháp định là 6 triệu đô la, phía Mỹ góp 70 %. Westminster là một tỉnh trong hạt Cam (Orange County), nơi có nhiều Việt kiều định cư.

✓ Cuối tháng 3 vừa qua, thành phố San Francisco (California, Mỹ) đã cử một đoàn đại biểu mười người, trong đó có năm thành viên người gốc Việt Nam và do giám đốc thương mại James Fang dẫn đầu, đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn đã trình bày một chương trình kết nghĩa với Thành phố Hồ Chí Minh của thị trưởng Frank Jordan gồm năm điểm : mở văn phòng đại diện thương mại và đầu tư, giao lưu văn hóa, xây dựng thư viện hữu nghị, hợp tác y tế, trao đổi nghiệp vụ quản trị.

✓ Công ty quốc doanh Việt Nam Vinafood sẽ xuất sang Mỹ khoảng 100 ngàn tấn trong năm nay. Đối tác phía Mỹ của Vinafood là công ty Comex Rice. Theo hợp đồng được ký vào tháng 2, vài ngày sau khi chính phủ Clinton bãi bỏ cấm vận, 45 000 tấn sẽ được xuất trước tháng 6, và một hợp đồng bổ sung trên 50 000 tấn sẽ được ký vào tháng 5 này.

✓ Sau 5 năm nâng cấp hệ thống đường sắt, thời gian hành trình của chuyến tàu Bắc-Nam đã được giảm từ 48 giờ còn 36 giờ. Từ đầu tháng 4, hàng tuần có hai chuyến tàu nhanh Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Từ trung tuần tháng 2.94, hệ thống điện thoại truyền hình (video phone) đã bắt đầu hoạt động giữa bốn địa phương ở trong nước là Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình và Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay dịch vụ điện thoại truyền hình đã mở ra nước ngoài với Úc và Mỹ. Giá cước : ngoài việc trả tiền một cuộc điện thoại bình thường, khách hàng video phone trả thêm 2500 đồng cho một cuộc gọi trong nước và một nửa đôla cho một cuộc gọi đi nước ngoài.

✓ Sau một năm hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, mạng lưới truyền hình qua viba (hệ thống MMDS) hiện nay chỉ phục vụ cho 100 khách hàng, hầu hết là cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện công ty nước ngoài, khách sạn quốc tế. Hàng ngày, hệ thống MMDS thu xuống từ vệ tinh và phát qua sóng vô tuyến viba 7 chương trình (CNN, CFI và 5 chương trình của Star TV). Được biết hợp đồng tiếp nhận truyền hình quốc tế này là 600 đô la và lệ phí hàng tháng là 50 đô la.

✓ Chỉ trong vòng một tháng rưỡi, ở tỉnh Sông Bé có đến năm cuộc **đình công** của công nhân. Đáng lưu ý là chỉ có một cuộc đình công xảy ra trong doanh nghiệp có vốn nước ngoài, số còn lại đều là doanh nghiệp trong nước.

✓ Giám đốc hải quan tỉnh Quảng Trị, ông Lê Văn Tới, đã bị khởi tố về tội thu lệ phí trái phép trên những xe gắn máy nhập qua cửa khẩu Lao Bảo. Với lệ phí từ 30.000 đến 70.000 đồng một xe, hải quan Quảng Trị đã thu bất chính trên 480 triệu đồng.

✓ Tỉnh Quảng Ngãi đã phát hiện một vụ buôn lậu đồ cổ và thu hồi một **pho tượng Chàm** phong cách Đồng Dương thế kỷ thứ IX, cao một mét, nặng 500 kg.

✓ Sau 3 năm vận động xóa mù chữ và **phổ cập tiểu học**, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạt tỷ lệ 83,7% của lứa trẻ độ tuổi 6-14.

✓ Tại đồng bằng sông Cửu Long, ba tỉnh giàu hàng đầu như An Giang, Cần Thơ và Đồng Tháp đang thiếu 4.100 **giáo viên tiểu học**, đồng thời có hơn 500 lớp ba ca, 2000 phòng học tre lá tạm bợ.

✓ Tại Thành phố Hồ Chí Minh, ở các trường phổ thông cấp 3, **tiếng Anh** chiếm 76% lớp ngoại ngữ, kế đến là tiếng Nga (16%) và tiếng Pháp (8%). Ở các trường cấp 2, tiếng Nga hầu như bị xoá sổ, cả thành phố chỉ còn có bốn lớp.

✓ Chính phủ Pháp đã quyết định viện trợ 10 triệu franc cho **bệnh viện** đa khoa tỉnh Trà Vinh mua sắm trang thiết bị và dụng cụ y tế. Ba bác sĩ của bệnh viện cũng sẽ được đào tạo trong vòng một năm tại Pháp.

✓ Trong chuyến đi Hà Nội, Bộ trưởng Văn hoá Pháp Jacques Toubon đã khánh thành trụ sở của văn phòng Châu Á-Thái Bình Dương của *Hiệp hội hợp tác Văn hoá và Kỹ thuật* (ACCT), một tổ chức liên chính phủ của 49 quốc gia sử dụng **tiếng Pháp**, và một trụ sở của *Hiệp hội các trường đại học có sử dụng một phần hay toàn phần tiếng Pháp* (AUPELF).

✓ Hội nhà văn Việt Nam đã tặng giải thưởng **văn học** về đề tài “lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng” cho : *Cuộc tình thế kỷ* (tiểu thuyết của Lê Tri Kỷ), *Ăn mày dì vắng* (tiểu thuyết của Chu Lai), *Phải lòng* (tập thơ của Văn Lê), *Về thôi, nàng Vọng Phu* (tập thơ của Vương Trọng).

✓ Trong những ngày cuối tháng 3 vừa qua, một trận lũ chưa từng thấy trong hai mươi năm qua ở Quảng Ngãi đã bắt ngay dâng cao nước hai con sông Vệ và Trà Khúc, cuốn trôi tài sản của dân trong vùng. Thiệt hại nặng nhất là những nông dân trồng lúa và nuôi tôm.

✓ **Nạn đói** đang đe dọa các dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai, nhất là các huyện Sapa, Than Uyên, Bát Sát. Theo chính quyền tỉnh, đã có 7800 hộ đói từ một đến ba tháng, 4900 hộ đói từ bốn đến sáu tháng nay. Nguyên nhân của tình trạng đói là nắng hạn kéo dài, ít mưa, người dân không trồng cấy được.

✓ Ngày 11.4.1994, tại làng Tro Sla bên bờ sông Bassac, Khmer đỏ lại tấn công những kiều dân Việt Nam, tàn sát 14

người phẫn lớn là đàn bà và trẻ em, và làm bị thương 27 người khác. Cuộc tàn sát này tiếp theo nhiều cuộc thảm sát khác Khmer đỏ đã tiến hành năm ngoái trong cuộc tổng tuyển cử ở Campuchia.

✓ 149 công ty Việt Nam và nước ngoài đã ghi tên tham dự đấu thầu về việc xây dựng lại những đoạn đường quốc lộ số 1, chia nhau 317 triệu đôla do Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và một số nước khác tài trợ. Trong số những công ty nước ngoài, có 7 công ty Mỹ, 5 công ty Pháp, 19 từ Nam Triều Tiên, 7 từ Trung Quốc, 6 Nhật và 2 Đài Loan.

✓ Trong chuyến đi thăm Việt Nam đầu tháng 4, thủ tướng Thụy Điển Carl Bildt đã cho biết ông gặp khó khăn trong những cuộc nói chuyện với các quan chức Việt Nam về các vấn đề nhân quyền. Theo ông, Việt Nam “quá chậm chạp” trong việc cải thiện tình hình về mặt này.

✓ Ngoài thủ tướng Thụy Điển, Hà Nội đã đón tiếp trong tháng 4 một đoàn đại biểu Tổ chức giải phóng Palestine do ông Farouk Kaddumi dẫn đầu (ngày 6.4); ngoại trưởng Cộng hòa Tiệp Josef Zelenies (ngày 16.4); phó thủ tướng Nga Youri Yarov (12.4) v.v... Ông Yarov sẽ tham dự lễ khánh thành công trình thuỷ điện Hoà Bình và một phiên họp của Ủy ban hỗn hợp Nga-Việt.

✓ Vương quốc Bỉ đã viện trợ cho Việt Nam 75 triệu franc Bỉ (gần hai triệu đôla) trong một chương trình chống sốt rét ở tỉnh Hoà Bình, kéo dài từ năm nay đến năm 1998. Việt Nam hiện có khoảng một triệu người bị sốt rét, và ngân quỹ nhà nước dành cho việc ngừa, chống bệnh này lên đến 50 tỉ đồng trong năm 1993.

✓ Sáu người Việt Nam, gồm 3 người đàn ông và 2 phụ nữ cỡ tuổi 32-35 và một em bé 6 tháng, sinh sống ở Bratislava đã bị ám sát mà cảnh sát Slovakia chưa biết được nguyên do.

✓ Cựu tổng thống Mỹ Richard Nixon đã từ trần ngày 23.4.1994, thọ 81 tuổi. Nixon là tổng thống Mỹ đã đề ra chủ trương “Việt Nam hóa chiến tranh” mà các nhà báo gọi nôm na là “thay màu da trên xác chết”, tìm cách rút lính Mỹ ra khỏi Việt Nam nhưng vẫn tiếp tục chiến tranh. Ông cũng là tổng thống Mỹ đầu tiên bị buộc phải từ chức vì vụ xì căng đan Watergate, đồng thời là người bình thường hoá quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc.

### Gần mực thì đen...

Trong chuyến đi thăm hữu nghị Việt Nam cuối tháng ba vừa qua, bộ trưởng ngoại giao Cuba Roberto Robaina tuyên bố : “*Kinh nghiệm đổi mới của Việt Nam rất bổ ích cho Cuba*”. Lời tuyên bố này đã được đưa lên tit một bài báo của một tờ báo lớn của Việt Nam.

Cuối tháng 4.1994, La Habana sẽ tổ chức một bàn tròn với đại diện các tổ chức kiều dân Cuba ở nước ngoài (chỉ trừ những tổ chức kêu gọi lật đổ chế độ bạo lực) để thảo luận về nhiều vấn đề liên quan tới đất nước và quan hệ với kiều dân.

Kinh nghiệm này có bổ ích cho Việt Nam ?

Tú xì gà

# Diễn biến hòa bình...

(tiếp theo trang 1)

Cuối tháng 3.94, mở đầu đại hội của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, trả lời phỏng vấn của báo *Sài Gòn giải phóng*, ông Võ Trần Chí (ủy viên Bộ chính trị, bí thư Thành ủy) cũng khẳng định :

« *Bốn nguy cơ đó đều quan trọng và có mối liên hệ tác động với nhau nên đều phải tập trung khắc phục. Nhưng với đặc điểm của thành phố, nguy cơ diễn biến hòa bình là đáng chú ý nhất. Các lực lượng thù địch với dân tộc ta thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình đối với cả nước, nhưng thành phố Hồ Chí Minh là trọng điểm vì ở đây hội tụ các điều kiện để chúng phá hoại cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng và tổ chức* » (*Sài Gòn giải phóng*, 29.3.94).

Ông Võ Trần Chí nói riêng về Sài Gòn, nhưng không quên nhắc lại là “âm mưu diễn biến hòa bình” của “các lực lượng thù địch với dân tộc ta” nhằm chung “cả nước”.

Điều này giải thích tại sao, từ mấy tháng nay, nhất là từ ngày Mỹ bắc bỏ cấm vận, các cơ quan an ninh, văn hoá tư tưởng đã tăng cường những biện pháp kiểm soát, trấn áp, biểu lộ rõ một tâm lý *co ro run lạnh* (frileux), trái nghịch hẳn với chính sách cởi mở kinh tế (đối nội cũng như đối ngoại) và ngoại giao vẫn tiếp tục được triển khai. Việc quản thúc ông Nguyễn Hộ tại một nơi không công bố, những cuộc khám xét ở cửa khẩu, việc huỷ bỏ một số chuyến đi (ra nước ngoài của người trong nước, vào Việt Nam của người nước ngoài), sự ngăn cấm những cuộc hội thảo nghiêm chỉnh (thí dụ : cuộc hội thảo về báo chí và phát triển của Hội nhà báo Việt Nam), thậm chí “hiền lành” (như dự định hội thảo về Kinh Dịch và văn hoá)... là những dấu hiệu hiển nhiên nhất của sự co cụm ấy.

Vậy thì *diễn biến hòa bình* là gì ? Nó được chính quyền nhận thức ra sao ? Khi rao giảng rằng *diễn biến hòa bình* là một *nguy cơ*, lãnh đạo Đảng cộng sản có thực tâm lo ngại trước một âm mưu có thực và thật sự nguy hiểm, hay đây chỉ là một mánh lối chính trị, một màn khói hoả mù, nhằm ngăn cấm mọi yêu cầu, đề nghị về dân chủ hoá đời sống chính trị, xuất phát từ xã hội dân sự, kể cả từ trong nội bộ đảng ?

Cả hai câu hỏi ấy (*diễn biến hòa bình là gì ? nguy cơ hay hoả mù ?*), đối với những người thiết tha với sự nghiệp dân chủ hoá và phát triển đất nước, thoạt trông, đều dễ trả lời : trong chừng mực nào đó, hỏi tức là trả lời. Và chuyện tào lao ấy không có gì đáng bàn.

Ngược lại, nếu chúng ta bình tâm phân tích ngôn từ và những thực tại mà những từ ngữ muốn diễn tả, thì câu chuyện *diễn biến hòa bình* lại là một dịp tốt để tiếp cận thực chất vấn đề chính trị Việt Nam.

Bốn tiếng *diễn biến hòa bình* đã xuất hiện lần đầu, không phải ở Hà Nội, mà ở Bắc Kinh, để dịch cụm từ chính trị mà tiếng Pháp gọi là *évolution pacifique*. Chắc không phải ngẫu nhiên mà người ta đã không dịch là *diễn tiến hòa bình*, chính hơn : chữ *biến* gợi lên khái niệm *sự biến*, gợi cho người nghe liên tưởng tới những *âm mưu*. Đường như cảm thấy có điều gì không ổn, có cái gì chướng chướng khi chống lại mọi sự *diễn biến hòa bình*, nên trong nhiều văn kiện, các nhà đứng đầu chính quyền đã thận trọng nối liền bốn tiếng ấy với bốn tiếng

khác, thành một cụm từ dài : *diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ*.

Thí dụ : Đại tướng Đoàn Khuê, uỷ viên Bộ chính trị, bộ trưởng Bộ quốc phòng. Trong một bài báo đăng trang nhất báo *Quân đội Nhân dân*, ông viết :

« Sau khi một số nước Đông Âu và Liên Xô bị đảo lật và rối loạn, chúng ta mất đi sự chỉ viện quốc tế rất quan trọng. Chỗ dựa về trang bị cho quân đội không còn. Trong khi đó, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội coi đây là thời cơ có một không hai để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chúng đã ráo riết hoạt động, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ từ bên trong. Trên thực tế, ba năm qua chúng đã liên tục tấn công ta từ nhiều phía, trên nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị – tư tưởng. Với chiêu bài dân chủ, nhân quyền chúng đã ra sức bôi đen chế độ xã hội chủ nghĩa, khoét sâu vào một số sai lầm và thông qua một số cán bộ, đảng viên thoái hoá biến chất để nói xấu và di đến hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng ta, từ đó hòng lôi kéo, kích động quần chúng đòi thiết lập chế độ da nguyên, đa đảng đối lập. Bọn phản động ở nước ngoài được sự hỗ trợ của các thế lực đế quốc, tìm mọi cách móc nối với các phần tử phản động ở trong nước để chống phá ta, kể cả việc đưa một số người có vũ trang về gây rối trật tự an toàn xã hội, làm mất ổn định, phá hoại công cuộc đổi mới của nhân dân ta. Nhưng cho đến nay, những mưu toan của kẻ thù đều chưa đạt được. Việt Nam không những không sụp đổ, mà ngược lại, càng giữ vững ổn định về chính trị, phát triển về kinh tế ngày càng vững chắc hơn » (*Quân đội Nhân dân*, 24.11.93).

Chúng tôi trích dẫn cả một đoạn dài, trước hết vì nó khá tiêu biểu, sau nữa, khi phân tích *siêu ngôn ngữ* (métalangue) của đoạn văn này, chúng ta có thể hiểu thêm nhiều điều. Song, đầu tiên, cần đưa ra một nhận xét : gán ghép *diễn biến hòa bình* với *bạo loạn lật đổ* chế độ từ bên trong, tác giả đã tự mâu thuẫn, hay đúng hơn, đã cố ý lẩn lộn hai quan niệm, hai chiến lược, hai phương pháp trái nghịch nhau : đấu tranh hòa bình và bạo loạn ; đấu tranh dân chủ, sử dụng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận... với hoạt động lật đổ. Đánh đồng những tiếng nói trong nước đòi dân chủ (mà ông gọi gộp là cán bộ, đảng viên thoái hoá biến chất) với những phần tử phản động, đồng dâng hoá những người ở nước ngoài muốn giao lưu về văn hoá, tư tưởng.. với mấy người đem chất nổ vào trong nước (mà bộ máy an ninh thừa sức ngăn ngừa, và trên thực tế đã nhanh lẹ phát hiện và tóm gọn), tác giả chắc muốn thuyết phục bộ máy quốc phòng và an ninh yên tâm trấn áp mọi tiếng nói dân chủ (= *bạo loạn lật đổ*), song ông lại vô tình chứng tỏ rằng *chống diễn biến hòa bình* chỉ là một phương sách để ngăn chặn sự hình thành và tự khẳng định của một xã hội dân sự tự lập, với những *thành phần tư tưởng* đa dạng — một xã hội dân sự không nằm trong khuôn phép *nhiều thành phần kinh tế* nhưng chỉ có một tư tưởng mà các nhà lãnh đạo thường lớn tiếng hô hào.

Tuy nhiên, dường sau sự lẩn lộn ý thức hoặc vô thức nói trên, người ta có thể cảm thấy một sự lo ngại thực sự, có cơ sở. Nhận ra thực chất sự lo ngại ấy, gọi đúng tên nó, cũng giúp chúng ta đặt đúng vấn đề, điều kiện tiên quyết để đi tìm hướng ra cho đất nước.[còn tiếp một kỳ]

Nguyễn Ngọc Giao

# Hệ thống y tế và phát triển

## I. Hoa Kỳ : tổng thống Clinton giữa khát vọng đại chúng và thế lực tài chính

b.s. bùi mộng hùng

Khi lên nắm chính quyền, ngay từ năm đầu chúng tôi sẽ đệ trình trước quốc hội một chương trình y tế và chúng tôi quyết đấu tranh cho dự án này được thông qua<sup>(1)</sup>. Chủ đề “sức khoẻ là một quyền công dân, không phải là đặc quyền đặc lợi” của Bill Clinton trong cuộc tranh cử tổng thống Hoa Kỳ đánh thẳng vào tim đen đại đa số nhân dân Mỹ : thăm dò dân ý năm 1990 cho thấy 60% người dân Hoa Kỳ có ý kiến cần phải cải tổ hệ y tế đến tận gốc rễ, 10% cho rằng chỉ còn cách là phá bỏ để xây dựng lại hoàn toàn<sup>(2)</sup>.

### Những mâu thuẫn trong hệ y tế Hoa Kỳ

Thật vậy, hệ y tế thiên về chủ nghĩa tự do kinh tế cực đoan đang đưa Hoa Kỳ vào một tình trạng nan giải, lúng túng giữa những mâu thuẫn tiềm tàng trong hệ thống.

Một mặt, bảo hiểm điều trị bệnh tật không bắt buộc. Đúng là đa số 258 triệu người dân Hoa Kỳ có bảo hiểm, do xí nghiệp đóng cho hay tự mình đóng lấy thật đó. Nhà nước lại gánh chịu chi phí về sức khoẻ cho 34 triệu người trên 65 tuổi (Medicare do ngân sách liên bang dài thọ) và cho 30 triệu người nghèo (Medicaid, ngân sách tiểu bang gánh một phần, một phần về ngân sách liên bang). Nhưng còn sót gần 15% dân số – 37 triệu người trong đó một phần tư là trẻ em – hoàn toàn không được bảo hiểm chút nào khi rủi ro mắc bệnh. Lại phải tính thêm 22 triệu người chỉ được bảo hiểm không đầy đủ, 63 triệu mất bảo hiểm một vài tháng trong năm.

Mặt khác, thiếu một hệ kiểm sát, chi phí y tế tăng nhanh đến choáng ngợp. Năm 1993, Hoa Kỳ tiêu 940 tỷ \$US về sức khoẻ, bằng 14% tổng sản lượng trong nước (GDP), so với 883 tỷ, 13,2% GDP năm 92, 666 tỷ, 12% GDP năm 1990. Cứ đà này thì đến cuối thập kỷ 90 chi phí về y tế sẽ chiếm 17% và đến năm 2020, 20% GDP.

Mâu thuẫn của hệ thống y tế lộ rõ : chi phí tăng vọt mà điện được che chở không ngót rút hẹp lại.

Số công dân Hoa Kỳ không còn thẻ bảo hiểm để được hoàn lại chi phí về sức khoẻ cứ đều tăng thêm 100 000 người mỗi tháng. Lý do : 1) nạn thất nghiệp và 2) các xí nghiệp, kinh khiếp vì mức giá tăng tiền đóng bảo hiểm mỗi năm cứ mỗi lần từ 15 đến 20% – năm 1992 bảo hiểm cho một công nhân viên tốn 3968 \$US – quyết định cắt không cho nhân viên của họ hưởng phúc lợi xã hội này nữa<sup>(3)</sup>.

Những ai chỉ được bảo hiểm một cách không đầy đủ, hay mất bảo hiểm trong thời gian ngắn hạn một hai tháng, nhiều khi ngã ngửa người lúc phải thanh toán những hoá đơn khủng khiếp : đi khám bệnh nhãn khoa (10 phút) phải trả 140 \$US (khoảng 840F Pháp) ; sinh đẻ nằm bệnh viện 2 ngày phải tính 8 000 \$US (khoảng 48 000F Pháp). Bác sĩ thường hay bị kiện

nên định giá khám bệnh cao : bệnh nhân phải chịu khoản trừ hao mọi phí tổn kiện tụng có khả năng xảy ra. Người thiểu bảo hiểm ngại tổn kém nên không đến viện để được chăm sóc thích đáng khi thai nghén. Vì đó bà mẹ và trẻ em không được bảo vệ tương xứng với trình độ phát triển. Tỷ số tử vong trẻ sơ sinh Hoa Kỳ (11/1000 trẻ sinh ra) cao hơn mọi nước phát triển khác (để so sánh, tỷ số của Pháp là 7,3/1000).

Những kẻ bị “lọt sổ” bảo hiểm không chỉ là người nghèo. Họ thuộc giới trung lưu, đa số làm trong các xí nghiệp nhỏ và vừa hoặc tự mình đứng ra kinh doanh.

Để thấy ảnh hưởng trên đời sống thường ngày của người dân xin nêu một ví dụ cụ thể trong muôn vàn : Bác sĩ Kimbaum hành nghề tại một phòng mạch chung ở Grand-Rapids bang Michigan. Ông được nhóm bác sĩ chủ trương phòng mạch chung đóng bảo hiểm cho. Năm 31 tuổi bị viêm não phải ngưng hoạt động ; các đồng nghiệp e phải đóng giá cao vội hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm. Bác sĩ Kimbaum chỉ còn cách đưa lưng gánh chịu phí tổn chạy chữa tại một trung tâm phục hồi chức năng 2000 đôla mỗi tháng. Bà vợ có được một khoản trợ cấp của liên bang nhưng không thấm vào đâu với chi phí điều trị. Bà ta nói : “Gia đình chúng tôi là một gia đình Hoa Kỳ không có vấn đề, cả hai vợ chồng đều tốt nghiệp đại học, có hai đồng lương, đóng thuế đều đặn. Thế mà đã phải bán cả nhà đi để chi trả vẫn còn thiếu nợ 30 000 đôla. Rõ là có gì không ổn trong hệ y tế”.

Bảo hiểm sức khoẻ bấp bênh, người làm thuê bất bình, thầy thuốc đòi cải cách – năm 91, thăm dò ý kiến 500 bác sĩ, 75% đòi thay đổi đến gốc rễ hoặc xây dựng hoàn toàn lại cả hệ y tế<sup>(4)</sup> – mà các xí nghiệp cũng chẳng mấy hài lòng với hệ hiện nay. Con số ước lượng là các công ty lớn đóng bảo hiểm cho khoảng 80% nhân viên của họ. Có những ngành như công nghiệp đóng xe ôtô, công đoàn buộc chủ nhân phải đóng cho công nhân viên của mình. Tính đỗ đồng 2 119 \$US mỗi đầu người, công ty General Motors (GM) phải đóng hàng năm 3,7 tỷ tiền bảo hiểm sức khoẻ cho 1,7 triệu người làm công, gia đình của họ và các nhân viên ưu trí của công ty. Các nhà lãnh đạo GM khẳng định rằng tính ra là 1469 \$US thêm vào giá thành mỗi chiếc xe GM, trong khi thuê công nhân không giá nhập công đoàn để lắp ráp xe ngoại quốc tại Hoa Kỳ chỉ tốn cho khoản này 300 \$US. Xí nghiệp nhỏ tránh không đóng bảo hiểm cho nhân viên, tỷ số là 52% được chủ bảo hiểm sức khoẻ trong các xí nghiệp dùng từ 25 đến 100 người làm công, và 23% trong các doanh nghiệp có dưới 10 nhân viên.

### Những hướng chính trong dự án cải tổ

Tổng thống giao trách nhiệm cho phu nhân, Hillary Rodham Clinton. Bà này uỷ quyền cho Ira Magaziner, cựu tham vấn và bạn thân của cặp Clinton, cùng một uỷ ban 500 người gồm nhân viên chính quyền, đại biểu quốc hội, giáo sư đại học và một số nhà tham vấn nhiệm vụ soạn thảo ra các đề nghị chính chắn và khả thi về phương diện tài chính. (Uỷ ban khá đông uỷ viên, nhưng lại thiếu mặt người trong ngành nghề y tế ; điểm sơ sót này bị chỉ trích gay gắt).

Dự án bảo vệ năm nguyên tắc lớn : 1) bảo đảm cho mọi người được chăm sóc sức khoẻ 2) làm chủ được chi tiêu y tế 3) thiết lập các chuẩn mực 4) khuyến khích y học tổng quát 5) trao cho các tiểu bang năm giềng mỗi hệ thống y tế. Điểm căn bản là mọi người đều phải được bảo hiểm y tế.

Có một thời, nhóm người thân cận tổng thống Clinton thiên theo hệ thống y tế Canada (xem khung dưới đây) : Nhà nước (liên bang và các tiểu bang) là “kẻ chi tiền duy nhất” thanh toán trực tiếp cho thầy thuốc và bệnh viện. Mặc dù 40% dân Hoa Kỳ tán thành “mô hình Canada” tổng thống Clinton phải bỏ ý định làm theo hướng đó : bắt cứ một chút gì gợi đến “hệ thống xã hội chủ nghĩa” cũng đủ làm cho các vị trong đảng cộng hoà đối lập này đom đóm mắt như bò gặp nhả tảng ; mà thiếu phiếu thuận của một số vị này thì tổng thống Clinton không mong gì dự án được quốc hội thông qua ! Tuy rằng, bình tâm mà nói như lời một chuyên gia thì “*hệ y tế Hoa Kỳ đã xã hội hoá từ lâu rồi vì người chi tiền cho chăm sóc sức khoẻ nhiều nhất chẳng ai khác là nhà nước liên bang*” : công quỹ hiện nay dài thọ 44% chi phí y tế, mà thật ra là 51% vì còn phải tính số tiền giảm thuế để khuyến khích bảo hiểm y tế (theo văn phòng ngân sách quốc hội Hoa Kỳ).

## Trong mạng lưới trò chống đối - ủng hộ

T háng 9.1993, tổng thống Clinton đề nghị một hệ thống 1) giữ nguyên tắc bảo hiểm do người làm công và chủ

### Hệ thống y tế Canada

*Hệ này bao gồm các chế độ của 10 tỉnh (provinces) và 2 hạt (territoires), tổng cộng 12 chế độ tuân thủ các nguyên tắc chung cho toàn thể quốc gia (miễn phí, mọi người đều được hưởng chăm sóc sức khoẻ...). Khi chấp nhận các nguyên tắc đó thì mỗi chế độ được chính quyền liên bang chuyển giao phần ngân sách chi phí y tế.*

*Chế độ quốc gia bảo đảm cho mọi cư dân chính thức được điều trị miễn phí (phòng đường bình thường, thuốc men và vật dụng y tế, chăm sóc nha khoa). Cụ thể thì người cư dân tại mỗi tỉnh – không kể là thu nhập thấp hay cao – đều có quyền cầm thẻ bảo hiểm y tế đến xin khám bệnh tại một bệnh viện hay phòng mạch một bác sĩ tự ý mình chọn lựa. Người đi khám bệnh không phải làm một thủ tục giấy tờ, không phải móc túi ra trực tiếp trả một món tiền nào và chi phí không bị giới hạn. Người thầy thuốc gởi hoá đơn cho chính quyền tỉnh thanh toán. Ngoài những dịch vụ được chế độ quốc gia bảo đảm, mỗi tỉnh còn có thể tự bổ sung thêm dịch vụ khác. Nhưng từ ngày ngân sách tài trợ của chính quyền liên bang giảm\* thì các dịch vụ bổ sung riêng của các tỉnh cũng có xu hướng bớt dần.*

*Đại đa số 60 000 bác sĩ y khoa trong các bệnh viện, đường đường hay phòng mạch đều thuộc khu vực tư nhân và được chính quyền tỉnh trả thù lao theo số lượt khám bệnh. Bằng giá thù lao là do các cuộc thương thảo giữa các hiệp hội nghề nghiệp và chính quyền hàng tỉnh quyết định.*

*Kinh phí y tế lấy từ 1) thuế do người dân đóng 2) suất đóng góp xã hội của người chủ đứng thuê công nhân viên, và 3) thuế đóng trên mãi số. (Xin lưu ý là người dân không đóng bảo hiểm, phần này đã tính gộp trong suất thuế)*

*Năm 1992, Canada dành 9,9% tổng sản lượng trong nước (GDP) cho chi phí y tế, so với 13,2% của Hoa Kỳ như đã nói ở trên. Tính theo đầu người thì Hoa Kỳ phải chi cao hơn Canada 34% : 2817\$US một đầu dân Hoa Kỳ so với 2110\$US cho một người Canada.*

\* Năm 1986 dân biểu phe bảo thủ chiếm đa số trong quốc hội viện có thiểu hụt ngân sách đã quyết định rút bớt dần ngân sách liên bang trợ cấp cho các tỉnh về y tế.

nhân đóng, 2) điều tiết chi phí y tế nhờ “cạnh tranh có tổ chức” (managed competition). Hướng chung là khuyến khích hình thành thành những “hợp tác xã tiêu thụ” đủ sức nặng để thương thuyết với các công ty bảo hiểm cho được giá hời. Các công ty bảo hiểm cũng sẽ liên kết lại thành những nhóm lớn, khoảng mươi lăm nhóm trên toàn thể nước Hoa Kỳ.

Thế là nguyên tắc thiêng liêng tự do kinh tế được tôn trọng ; những đại biểu quốc hội, dân chủ cũng như cộng hoà, cương quyết không cho “hơi hướng xã hội chủ nghĩa” của mô hình Canada ảnh hưởng vào kinh tế thị trường được hài lòng. Tuy nhiên một số tổ chức gồm công đoàn, hiệp hội người có tuổi, hiệp hội người tàn nguyễn... tin chắc rằng dù có tăng thêm cạnh tranh đi nữa cũng không giải quyết nổi vấn đề của một hệ thống tự do kinh tế chủ nghĩa cực đoan đang phá sản. Họ e chung quy lại chỉ lợi cho các công nghiệp kinh doanh y tế : từ 1972 đến 1992 “Các xí nghiệp được phẩm lớn tăng lãi 280%, lãi các công ty dịch vụ y tế tăng trên 190%, lãi các công ty bảo hiểm tăng 220%, trong khi đó thì có thêm 10 triệu người dân Hoa Kỳ bị mất bảo hiểm y tế”.

Để chặn không cho mức tiêu thụ y tế tăng quá đáng, tổng thống Clinton đề nghị phổ biến phương thức trả mão chi phí chăm sóc sức khoẻ kiểu các “tổ chức chăm sóc sức khoẻ tổng hợp” (HMO, Health Maintenance Organization). Các tổ chức này kiêm nhiệm hai chức năng thường tách rời nhau : bảo hiểm và dịch vụ chăm sóc. Thành viên của tổ chức, mỗi năm trả mão trước một số tiền tương ứng với loạt dịch vụ qui định trong hợp đồng gia nhập thì được bảo đảm sử dụng không trả thêm tiền các dịch vụ đó. Đề nghị của tổng thống Clinton tiềm tàng điều kiện thuận lợi cho năm công ty bảo hiểm, cùng một số tập đoàn tài chính khổng lồ đứng sau, hiện đã nắm phần lớn HMO lấn chiếm toàn thể thị trường sức khoẻ.

Đưa dự án ra tổng thống Clinton toàn tính sẽ được sự ủng hộ của : 1) các công ty bảo hiểm lớn (phần thu của họ sẽ không giảm mà lại tăng nhờ lấn chiếm thị trường của khoảng 1500 công ty cò con) 2) các công nghiệp lớn (được quyền tổ chức “hợp tác xã người làm công lành mạnh” họ sẽ thương thuyết được giá hời với các công ty bảo hiểm) 3) các xí nghiệp được phẩm lớn. Trước đây, lúc chính quyền nói đến chuyện kiểm tra giá cả thuốc men nhóm này đứng vào diện chống đối. Nhưng được biết tổng thống đã dứt khoát từ bỏ ý định này rồi, tin rằng bảo hiểm được phổ biến hơn, mức tiêu thụ thuốc sẽ tăng, giá cả không bị kiểm tra, công nghiệp được phẩm dự trù lợi nhuận còn tăng thêm, và giới này đã thay đổi thái độ.

Hai lobby (nhóm áp lực chính trị) có ảnh hưởng mạnh vận động chống lại cuộc cải tổ của Nhà Trắng : Tổ chức của các xí nghiệp cỡ nhỏ và trung (PME) Liên đoàn quốc gia các doanh nghiệp độc lập (National Federation of Independent Business) qui tụ 600 000 PME và Hiệp hội y học Hoa Kỳ (AMA, American Medical Association). Khoản chi phí trời thêm để đóng bảo hiểm cho nhân viên (ước lượng 7% quỹ lương) làm các xí nghiệp PME e ngại.

Lobby AMA chống việc nhúng tay của chính quyền liên bang, viện cớ rằng sẽ giết chết tự do hành nghề y. Họ e chính sách kiểm sát chi phí y tế làm giảm thu nhập của giới bác sĩ và chống chính sách khuyến khích tăng tỷ số bác sĩ tổng quát giảm tỷ số 70% là bác sĩ chuyên khoa như hiện nay.

Còn phải kể thêm lobby các công ty bảo hiểm nhỏ. Ba lobby này được một số đại biểu dân chủ bảo thủ và đa số đại biểu cộng hoà ủng hộ. Họ khai thác xu hướng chống nhà nước xen vào mọi lĩnh vực, chống tăng thuế. Họ reo rắc nghi ngờ tính khả thi của các phương sách tài chính để phổ biến bảo hiểm y tế cho mọi người dân Hoa Kỳ.

**Q**uả là hai câu hỏi : 1) tài trợ công cuộc cải tổ bằng cách nào ? 2) ảnh hưởng trên công ăn việc làm ra sao ? là những vấn đề lớn trong cuộc thảo luận.

Tùy theo cách ước lượng, việc tiếp thu 37 triệu người không được bảo hiểm vào hệ thống mới tốn mỗi năm từ 30 đến 150 tỷ \$US.

Hệ thống hiện hành rất nặng nề, loại bỏ được nạn giấy tờ hành chánh – cần thiết là vì hiện nay số tác nhân tham dự quá đông – sẽ tiết kiệm hàng năm được đến 100 tỷ \$US<sup>(5)</sup>. Tổng thống Clinton dù trù lầy một phần kinh phí từ suất đóng góp của các chủ nhân chưa đóng bảo hiểm cho nhân viên. Phần còn lại bằng thu thuế. Vừa học được những kinh nghiệm chưa cay khi trình kế hoạch ngân sách trước quốc hội, tổng thống biết không thể mong đa số thông qua phương sách đánh thuế trên giá trị thêm vào (tính thuế suất 5% sẽ thu được 100 tỷ \$US). Vì vậy giới thân cận tổng thống trù tính tăng suất thuế thuốc lá và rượu, loại “ thuế đánh vào tội lỗi ” này dễ được chấp thuận hơn.

Công ăn việc làm là một vấn đề chính trị gay cấn. Để xoa dịu giới chủ nhân xí nghiệp nhỏ và vừa đang tiên đoán phải giảm bớt 3,2 triệu việc làm vì bị buộc đóng bảo hiểm cho toàn thể nhân viên, tổng thống Clinton hứa sẽ trợ cấp và giảm thuế tổng cộng lên đến 70 tỷ \$US để bù trừ vào món chi trả này.

Cuộc tranh luận – rất chính đáng – về giá phải trả cho cuộc cải tổ hệ y tế, về phương thức tài trợ, về tính cách bấp bênh của các biện pháp làm chủ chi phí y tế đang đẩy xu thế tìm cách vá víu cho hệ thống hiện hành lên mạnh. Và đánh lạc hướng mất vấn đề căn bản : quyền được chăm sóc sức khoẻ của người dân nước giàu có nhất thế giới.

Tranh luận sẽ còn nhiều sôi nổi trong năm 1994 này, kết quả ra sao phải đợi hạ hồi phân giải.

## Trông người lại ngẫm đến ta

Cuộc tranh luận nói trên tuy xa xôi đối với người Việt thật nhưng nhắc nhở cho ta đôi điều. Những điều tuy rõ như ban ngày nhưng tưởng nhắc đi nhắc lại cũng không phải là thừa :

**1** Phát triển chỉ đạt đầy đủ ý nghĩa của nó khi nào các mặt căn bản trong đời sống xã hội (sức khoẻ, giáo dục, văn hoá, môi sinh...) được song song phát triển đồng đều. Thiên về phát triển kinh tế đơn thuần tạo ra những điều kiện vô nhân đạo làm cho bất cứ một ai cũng có thể thành kẻ sa cơ, và khi đó rơi vào những tình thế vô cùng bất nhẫn.

**2** Hệ thống y tế quan hệ mật thiết với phát triển kinh tế trên nhiều phương diện, khuôn khổ hạn hẹp bài này không cho phép vào chi tiết. Cuộc tranh luận hé cho thấy quan hệ chồng chéo giữa hệ y tế với sức cạnh tranh của các xí nghiệp, với công ăn việc làm. Xin nhắc nhở điểm : Bè gì tổng thống Clinton cũng buộc phải cải tổ hệ thống y tế Hoa Kỳ. Không nhanh chóng chặn đứng nổi mức tăng chi phí y tế cứ không ngừng tăng vọt gấp đôi mức lạm phát như hiện nay thì nền kinh tế của nước giàu có nhất thế giới không kham nổi.

Cứ đà này, chi phí y tế là yếu tố phá vỡ chương trình giảm thiểu thiếu hụt ngân sách – một chương trình mấu chốt trong kế hoạch kinh tế của Bill Clinton.

**3** Không phải cứ đổ tiền vào là có được hệ thống y tế tốt lành. Mức chi cho y tế của Hoa Kỳ là vô địch thế giới. Xin được nhắc lại những con số : 940 tỷ \$US năm 1993, 14% tổng sản lượng trong nước (GDP). Mà những chỉ tiêu căn bản về sức khoẻ người dân Hoa Kỳ lại yếu kém khác thường. Xin so sánh : Pháp tiêu cho y tế khoảng 10% GDP, tuổi thọ trung bình người Pháp, phụ nữ 81,1 nam giới 73,0 tuổi, cao hơn tuổi thọ trung bình người Hoa Kỳ và tỷ số trẻ sơ sinh tử vong Pháp thấp hơn Hoa Kỳ như đã nói ở trên.

**4** Không phải rằng cứ có y học hiện đại, có bệnh viện tối tân là đủ. Người dân Hoa Kỳ phải cay đắng mà than rằng : “ Có nền y học giỏi nhất thế giới làm chi để mà mỗi khi dùng đến thì tang gia bại sản, để mà Hoa Kỳ đứng hàng thứ 20 trên thế giới về tử vong trẻ em (xếp hạng năm 1991) đồng hạng với Cuba ? ” Xin được miễn bàn tới ý kiến sôvanh về y học Hoa Kỳ, bình tâm mà nói thì y học các nước phát triển ngày nay chẳng nhượng y học Hoa Kỳ chút nào. Nhưng lời than của người dân Hoa Kỳ làm nổi lên điểm căn bản : kỹ thuật tiên tiến, bệnh viện tối tân không đủ làm nên một hệ thống y tế bảo đảm hữu hiệu cho sức khoẻ người dân. Còn cần một hệ thống phối hợp hài hoà y tế điều trị với y tế dự phòng. Cần tính cách tiện lợi, gần kề và rộng mở, cho mọi người dân của cả hệ y tế.

**5** Vấn đề sức khoẻ là vấn đề của toàn dân. Vì thế mà phải có thảo luận sâu rộng. Để cho ở mức độ toàn dân các điểm căn bản : nguyên tắc, mục tiêu, phương tiện, kế hoạch, kiểm tra... được rõ ràng và trong suốt.

Việt Nam vừa vượt qua được một số khó khăn kinh tế. Đến lúc cần bình tâm thảo luận về dự phóng tương lai cho dân tộc. Mà văn hoá, giáo dục, sức khoẻ là những phần cơ yếu dan chéo với kinh tế, chính trị, thể chế...

## bùi trọng hùng (3.1994)

(1) Bill Clinton và Al Gore, *Putting People First* (Đưa người dân lên trên hết) Times Books, New York, 1992, tr. 108.

(2) Blendon RI và ctv, *Satisfaction with health system in ten nations..* (Độ thoả mãn về hệ y tế trong 10 quốc gia) Health Aff. 1990, 9 : 185-193.

(3) Serge Marti, *La réforme du système de santé aux Etats-Unis* (Cuộc cải tổ hệ thống y tế ở Hoa Kỳ) Le Monde 14.9.1993.

(4) Hoy EW và ctv, *Change and growth in managed care* (Thay đổi và phát triển của phương thức chăm sóc có tổ chức) Health Aff. 1991, 10 : 18- 36.

(5) Woolhandler S và ctv, *Administrative cost in US hospitals* (Giá công tác hành chính trong các bệnh viện Hoa Kỳ), The New England Journal of Medicine, 329 : 400-403 ; 5.8.1993.

Đón xem những phần tiếp theo:

## Hệ thống y tế và phát triển

**II. Pháp** : những nguyên tắc nhất quán trong một hệ thống phức tạp

**III. Việt Nam** : giá phải trả cho một hệ thống y tế mất chủ đích

# Quan hệ sản xuất, cơ chế thị trường và hình thái xã hội

Lê Văn Cường  
Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm

Nói đến quan hệ sản xuất là nói đến ba vấn đề :

- a) hình thái chiết hưu và kiểm soát tư liệu sản xuất,
- b) tổ chức sản xuất và phân công lao động,
- c) phân phối thu nhập và sản phẩm xã hội.

Theo Mác xít kinh điển, cách giải quyết vấn đề a) quan trọng hàng đầu : tầng lớp nào nắm tư liệu sản xuất thì nó chỉ phổi b) và c), quyết định tính chất của chế độ xã hội. Từ đó có hệ luận : công hữu hoá, kinh tế kế hoạch tập trung và nhà nước chuyên chính vô sản là những điều kiện cần để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mô hình đó đã phá sản. Ngày nay, với sự mở rộng của cơ chế thị trường ở Việt Nam, quyền sở hữu đang được đặt lại, nghĩa là những kết cấu mới về quan hệ sản xuất đang tìm hướng để định hình. Cùng lúc, cấu trúc xã hội cũng chuyển động. Trước thực tế đó, bài viết thủ đưa ra vài suy nghĩ, bổ sung và triển khai một số luận điểm đã được trình bày trong bài “*Có nên chọn học thuyết马克思 ?*” cùng chung hai tác giả.

Nhưng trước hết, cần khoanh lại định nghĩa của những khái niệm chính được dùng ở đây. Khác với quan điểm cho rằng khi nói đến các vấn đề b) và c) của quan hệ sản xuất là chủ yếu nói đến những tương quan giữa tư bản / lao động trong quá trình làm ra, phân chia của cải vật chất và giá trị gia tăng, bài viết này cho những vấn đề trên một nội dung rộng hơn. Nó bao gồm những tương quan giữa ba tác nhân — nhà nước / tư sản / lao động — và giữa ba định chế — nhà nước / thị trường / xã hội dân sự. Điều này dựa vào các luận cứ sau : mác xít kinh điển quan niệm rằng thực chất nhà nước luôn luôn là nhà nước giai cấp nên nó không thể có một vị thế nào khác nằm ngoài sự phân ranh giữa tư sản và lao động. Và cũng vì cho rằng xã hội dân sự thoát thai từ những vận động nội thân của tư bản nên xã hội dân sự vẫn có tính chất tư sản. Ở một mức độ khác, vai trò của người tiêu dùng cũng bị phủ nhận như một chức năng riêng và bị đồng hoá với tư sản, vì lao động — theo lập luận “bần cùng hoá” — chỉ đủ khả năng thu nhập để tái tạo lại sức lao động. Tóm lại, tương quan tư bản / lao động biến thành cái trực chính chỉ phối vận hành xã hội. Trong bối cảnh ngày nay, cách nhìn đó không còn phù hợp nữa : tư sản và lao động đều là người tiêu dùng (sức mua nói chung được phân bổ rộng hơn ở mặt xã hội) và là người sản xuất (tư sản đưa vốn, lao động đưa sức lao động). Từ đó, xã hội dân sự, ngay cả khởi sinh từ cơ chế thị trường, vẫn có năng lực để thoát ra khỏi thuộc tính tư sản (câu hỏi là làm thế nào để thúc đẩy năng lực đó). Ở khuôn khổ đó, vai trò của người tiêu dùng cần phải được đặt ra trong quá trình sản xuất, lao động và phân phối thu nhập, sản phẩm nói riêng và trong quan hệ sản xuất nói chung. Trong chiều hướng đó, nhà nước, dù vẫn mang tính là nhà nước giai cấp, phải trở thành những thiết chế điều phối lợi ích của tầng lớp nắm quyền và lợi ích của toàn xã hội. Nói cách khác, trong quan hệ sản xuất, nhà nước là một thực thể có những chức năng đặc thù chứ không thể

đồng nhất nó với giai cấp nắm quyền nhà nước.

Đặt lại vấn đề như trên cũng chính là trở về với luận điểm của Mác cho rằng “sản xuất là sản xuất xã hội” : nói đến quan hệ sản xuất không phải chỉ là nói đến những phạm vi thuần kinh tế, những tính toán vi mô của việc tổ chức và kỹ thuật quản lý thị trường, xí nghiệp. Quan hệ sản xuất liên quan và ảnh hưởng cơ bản đến các vấn đề vi mô như việc hình thành các chính sách kinh tế nói riêng và phương thức xây dựng hình thái xã hội nói chung, nghĩa là những tương quan giữa các định chế nhà nước / thị trường / xã hội dân sự. Vẫn nói theo một quan điểm của Mác, vì “sản xuất xã hội đồng thời là tái sản xuất xã hội” nên qui trình c) của quan hệ sản xuất (phân phối thu nhập và sản phẩm xã hội) không thể chỉ giới hạn trong việc phân chia tiền lương / lợi nhuận và trao đổi / tiêu thụ hàng hoá mà còn là việc tái phân phối ở quy mô toàn xã hội, nghĩa là việc phân bổ phúc lợi và bảo trợ vật chất và tinh thần nhằm tạo điều kiện cho việc phát triển xã hội. Cũng từ đó, vai trò của người công dân trong việc giám định những kết cấu và vận trình của quan hệ sản xuất cần được đặt ra.

Mấy dẫn nhập trên là những công cụ khai phá cần thiết để nắm bắt các luận đề chính của bài viết.

## 1) Ba vấn đề, ba tác nhân, ba định chế

Đối với nhiều người, khi kinh tế vận động theo cơ chế thị trường, quyền tư hữu là một đòi hỏi tất nhiên. Nhưng đó không phải là một hệ luận tự nhiên. Trước hết nên đặt câu hỏi là một nền kinh tế tập trung cao độ có thể vận hành tốt hay không ?

Thuần về lý thuyết, một nền kinh tế tập trung có thể vận hành tốt nếu :

- nhà nước biết rõ các nhu cầu của toàn xã hội,
- những người trách nhiệm xí nghiệp vì một lý do nào đó (lý tưởng ? ...) không bao giờ gian lận, lừa dối, sẵn sàng “dốc sức” mình để hoàn thành tốt kế hoạch,
- những người lao động cũng làm việc hết sức mình để đạt hiệu quả kinh tế tối đa vì một lý do nào đó (tin rằng mình làm chủ xã hội ? ...).

Các tiền đề nói trên đã không thực tế trong các nước cũ xã hội chủ nghĩa vì :

- không thể nào có được một tổ chức đủ khả năng nắm bắt rõ mọi nhu cầu của toàn xã hội,
- muốn các giám đốc xí nghiệp và người lao động dốc sức mình vì lý tưởng thì ít nhất phải có gì bù đắp tương xứng : công bằng xã hội ? dân chủ ? Những sự bù đắp này không có trong các xã hội nói trên,
- kỳ vọng quá nhiều vào sự “trong sáng” của các tác nhân kinh tế mà quên rằng con người vẫn là con người với tất cả bản năng của nó.

Nền kinh tế tập trung ở các nước ấy đã bộc lộ nhiều nhược điểm : phí phạm, sản xuất không đáp ứng nhu cầu. Vậy phải thay vào đó một cơ chế kinh tế như thế nào ?

Câu trả lời dễ nhất là tư hữu hoá toàn bộ kinh tế : người chủ xí nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm về vốn liếng, tìm cách tối đa hoá lợi nhuận, luôn luôn nhạy bén chạy theo thị hiếu của người tiêu dùng (tìm cách giảm giá thành, nâng chất lượng để thu hút khách hàng, và tăng giá nếu nhu cầu tăng). Một cơ chế như vậy dựa trên thị trường được xem như là nơi giải quyết quan hệ cung-cầu, và cũng là nơi người chủ xí nghiệp tối đa hoá lợi nhuận qua quan hệ cạnh tranh. Quan hệ giữa chủ xí nghiệp và người lao động là một quan hệ mua bán sức lao động.

Nhưng một số nước cũ xã hội chủ nghĩa đã phi tập trung

hoá nền kinh tế không qua tư hữu hoá, mà bằng cách giao quyền tự chủ trong sự quyết định sản lượng, lượng lao động, lượng đầu vào... cho các giám đốc xí nghiệp, khuyến khích các xí nghiệp đi sát với thị trường (quan hệ cung cầu, cạnh tranh) bằng một số hình thức kích thích động cơ các giám đốc xí nghiệp (thu nhập là tỷ lệ thuận với lợi nhuận).

Ở đây ta có thể đặt câu hỏi : phải chăng ở các nước cựu xã hội chủ nghĩa, nhà nước không từ hữu hoá các xí nghiệp vì muốn giữ lại khái niệm “tầng lớp lao động — qua sự đại diện của nhà nước — làm chủ tư liệu sản xuất”?

Trong một xí nghiệp tư, tư nhân làm chủ tư liệu sản xuất vì họ quyết định mức sản xuất, lượng lao động cần thiết, khối lượng vốn cần thiết (với những ràng buộc của thị trường lao động, thị trường vốn) với mục đích là tối đa hoá lợi nhuận. Quan hệ giữa tư sản và người lao động là bóc lột thặng dư / đấu tranh giai cấp để chia phần một cái “bánh”.

Trong một xí nghiệp nhà nước, có hai trường hợp :

1) trường hợp cực đoan : nhà nước giao cho ban trach nhiệm xí nghiệp quyền tự chủ hoàn toàn với mục tiêu là tối đa hoá lợi nhuận. Trong trường hợp này, quan hệ giữa người lao động và xí nghiệp không khác gì quan hệ người lao động và người tư sản. Muốn tối đa hoá lợi nhuận, xí nghiệp có thể buộc lòng phải sa thải, giảm lương thực tế v.v... Tầng lớp lao động, rốt cuộc, chỉ có ảo tưởng làm chủ tư liệu sản xuất để chấp nhận mình tự bóc lột mình.

2) ban giám đốc xí nghiệp có quyền tự chủ với điều kiện phải thực thi một số mục tiêu để đáp ứng một số chỉ tiêu xã hội (giảm thất nghiệp, làm “đầu tàu” để kinh tế có thể tăng trưởng...). Trong trường hợp đó, hiệu quả kinh tế (tối đa hoá lợi nhuận) không phải là mục tiêu hàng đầu. Nhưng tầng lớp lao động chỉ thực sự làm chủ của mình nếu họ có thể, với một hình thức nào đó, kiểm chứng là những chỉ tiêu xã hội đề ra đáp ứng đúng nhu cầu của họ và đã được thực hiện đến mức nào. Nếu không, “tầng lớp lao động làm chủ tư liệu sản xuất” chỉ là một câu nói suông.

Như vậy, muốn biết ai làm chủ tư liệu sản xuất thì trước hết phải nhìn vào quá trình phân phối thu nhập và sản phẩm xã hội theo nghĩa đã nói ở đầu bài : không giới hạn trong việc phân chia tiền lương / lợi nhuận và còn là việc phân bổ phúc lợi và bảo trợ vật chất và tinh thần nhằm tạo điều kiện cho việc phát triển xã hội.

Rốt cuộc, công hữu và tư hữu chỉ là những biện pháp để kinh tế vận hành theo, hay không theo, một số chỉ tiêu xã hội chứ không phải là một nhân tố quyết định tính chất của chế độ.

Từ đó, theo ý chúng tôi, tính chất của quan hệ sản xuất phụ thuộc vào cách giải quyết các vấn đề b) và c), và cách giải quyết này sẽ làm rõ nội dung của cách giải quyết vấn đề a). Nói khác đi, muốn phát huy tính nhân đạo của chế độ xã hội chịu sự tác động của cơ chế thị trường thì việc chính yếu là điều tiết những mối tương quan giữa người và người trong quá trình sản xuất, lao động và phân phối thu nhập, sản phẩm chứ không phải là bám víu vào hình thức của việc “làm chủ tư liệu sản xuất”.

Cần phải rách rời quan điểm trên để góp sức tháo gỡ những vướng mắc hiện nay trong thực tiễn lẫn lý luận ở Việt Nam. Một thí dụ : phải nhìn nhận rằng quan hệ sản xuất tập trung bao cấp trước đây đã kìm hãm phát triển. Cần phá bỏ nó đi để lực lượng sản xuất bung ra. Song nếu chỉ dừng ở nhận định đó thì vô hình trung vẫn mắc phải sai lầm là tách rời quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất : lực lượng sản xuất chẳng bao giờ chuyển động giữa hư không. Vậy khi đã phá bỏ quan hệ sản xuất cũ thì cái mới hiện nay đang được kết cấu ra sao và có khả năng biến thể thế nào? Chính vì vấn đề này còn là một mảng trống về

mặt lý luận mà nhận thức vẫn còn quanh quẩn trong những định kiến cũ về chế độ chiếm hữu (mà những hạn chế của luật đất đai vừa ban hành có thể xem như điển hình). Hệ quả của điều này là trong thực tiễn sự nhập nhằng giữa các chức năng lãnh đạo, quản trị hành chính và quản lý kinh doanh cũng như những phân chia giả tạo giữa các quyền sở hữu, sử dụng và kiểm soát vẫn tiếp tục kéo dài. Tình trạng này là mẹ đẻ của một phong thái sản xuất đan xen rất nhiều hình thái, từ quan liêu của quyền, phong kiến gia tộc sang đến tư bản hoang dại.

Để rõ những ý nêu trên, cần phân định nội dung chủ yếu của ba vấn đề cấu thành quan hệ sản xuất như sau :

a) **hình thái chiếm hữu và kiểm soát tư liệu sản xuất** : vấn đề đặt ra không còn là những tranh cãi trong các khuôn sáo cũ về sự đối kháng giữa công hữu / tư hữu mà là định chế hoá rõ ràng vị trí và chức năng của mỗi loại hình sở hữu để việc sử dụng các tư liệu sản xuất đạt hiệu quả cao nhất cho quốc kế dân sinh. Nói cách khác, mục đích là làm thế nào để tạo ra sự cộng hưởng giữa các hình thái sở hữu khác nhau và phát huy tối đa hiệu năng của nó. Trên cơ sở đó, pháp chế nhà nước phải bảo hộ minh bạch quyền tu hữu hầu mọi tế bào kinh tế an tâm tích lũy, đầu tư sản xuất lâu dài.

b) **tổ chức sản xuất và phân công lao động** : nếu ở a) quyền sở hữu chủ được bảo hộ đàng hoàng thì ở b) các quyền sản xuất/lao động/tiêu dùng phải được phát huy nhằm tạo một thế đối xứng trong “cân cân lực lượng” giữa các tác nhân khác nhau. Mục đích là biến những mâu thuẫn tiềm tàng trong xã hội thành động lực của phát triển chứ không phải là khuếch trương nó ra thành những bùng nổ đối kháng một mất một còn.

c) **phân phối và tái phân phối thu nhập, sản phẩm xã hội** : mục đích của phân phối là mở rộng môi trường thuận lợi cho việc phát triển kinh tế. Mục đích của tái phân phối là gầy dựng một xã hội mỗi ngày mỗi mang, nghĩa là phát triển xã hội. Vấn đề đặt ra là kết hợp hai mục đích này. Từ đó, chức năng của c) vừa là tạo điều kiện để tăng cường hiệu quả kinh tế vừa tạo cơ sở vật chất, phân bổ phúc lợi xã hội nhằm nâng cao phẩm chất đời sống, phát huy nhân cách và nhân quyền của mỗi con người trong cộng đồng dân tộc. Trong chiêu hướng đó, một trọng tâm mà c) cần phải nhắm đến là đầu tư vào “chiến lược con người”, đặt nền móng cho việc phát triển lực lượng sản xuất.

Phân định như trên nội dung của ba vấn đề cấu thành quan hệ sản xuất đồng thời là vạch ra cách kết cấu của những quan hệ tương tác giữa ba tác nhân — nhà nước / tư sản / lao động — và giữa ba định chế — nhà nước pháp quyền / xã hội dân sự tự quản / thị trường có luật định :

a') **minh định rõ các quyền sở hữu** (bao gồm ba yếu tố : làm chủ và sử dụng ; hưởng lợi ; gánh chịu thiệt thòi mất mát) trước hết là nhằm tạo cơ sở thực tế cho thị trường vận hành đúng “luật chơi”. Bằng không, khi những cơ chế cạnh tranh được bung ra trong một nền kinh tế mà quyền sở hữu còn nhập nhằng thì đấy chỉ là môi trường của những tệ nạn và dịp cho những tầng lớp dựa vào thế quyền “mượn đầu heo (nhà nước) nấu cháo (tư nhân)”. Cùng lúc đó cũng là một động cơ tích cực của việc mở rộng đầu tư sản xuất nội địa, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và lớn mạnh của tầng lớp tư sản bản xứ có khả năng chịu toàn vai trò súc bát cần thiết trong quá trình phát triển. Đó cũng là tiền đề cơ bản cho việc hoàn chỉnh một hệ thống pháp chế (luật công ty, luật đầu tư, luật thuế, luật chống độc quyền... các tòa án, bộ phận thanh tra...) nhằm điều hợp các khu vực và các thành phần kinh tế. Đó còn là những khế ước khung để công dân, thông qua những tổ chức dân lập tự quản và các cơ quan chức trách, có cơ sở mà thẩm định và kiểm soát

nhiệm vụ của nhà nước trong việc cai quản tài sản công cộng và chăm lo kinh tế quốc dân. Tóm lại, minh định các quyền sở hữu là cái trực chính của một hệ thống tương tác giữa thị trường / tư sản / nhà nước / xã hội dân sự.

**b') tư hữu hoá là một tiến trình tích cực thúc đẩy đầu tư sản xuất.** Nhưng nếu không có những lực lượng đối trọng, nó có thể trở thành nền tảng cho sự khuynh loát của tư bản và của thị trường. Do đó cần thiết phải mở ra những cơ chế để lao động, công nhân, người tiêu dùng tác động trực tiếp lên các qui trình sản xuất, lao động và bảo vệ quyền lợi của mình : công nhận quyền bình công, biểu tình, hội họp, tập hợp hội đoàn, công đoàn độc lập, tổ chức dân lập... đồng thời với việc hoàn thiện những cơ quan nhà nước có chức năng hoà giải, trọng tài, giám sát những tương quan giữa tư bản và lao động, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa quyền lợi kinh tế và quyền lợi con người trong khuôn khổ một hệ thống pháp chế minh bạch. Đó là phương thức để việc tổ chức sản xuất và phân công lao động được tiến hành một cách tương đối ổn thoả nhất nghĩa là trên cơ sở của những thương thảo và những thoả hiệp tạm thời giữa những tác nhân khác nhau của toàn xã hội. Trong bối cảnh đó, qui trình sản xuất và phân công lao động không đến từ những quyết định đơn phương mà là phải được định hình từ những tương tác giữa nhà nước / tư sản / lao động, giữa nhà nước pháp quyền / thị trường có luật định / xã hội dân sự tự quản.

**c') trong qui trình phân phối và tái phân phối thu nhập và sản phẩm xã hội, nhà nước / tư sản / lao động vừa là tác nhân vừa là người thụ hưởng.** Để hạn chế những khả năng cấu kết làm lệch đi chức năng và mục tiêu của qui trình này, cần thiết có những hệ thống phân quyền như sau : việc phân phối được thực hiện thông qua những thương thảo và hợp đồng giữa tư sản / lao động, giữa sản xuất / tiêu dùng trong khuôn khổ những thiết chế của thị trường có luật định và nhà nước pháp quyền. Việc tái phân phối được đặt dưới sự chủ trì của nhà nước pháp quyền nhưng nó phải chấp nhận những cung cách hạch toán của thị trường trong việc điều hành để tránh phung phí và chịu sự giám định của xã hội dân sự để ngăn ngừa thiên vị.

Từ những vận trình của các sơ đồ nói trên (chủ yếu là ở b) b') và c) c')) thì tầng lớp tư sản, dù có nắm chắc quyền sở hữu trong tay, cũng không thể mặc nhiên khống chế quan hệ sản xuất. Nhưng lô gic đó vẫn còn ở dạng lý thuyết và không phải là không gây thắc mắc. Hãy gọi lại trí nhớ để thấy rõ trọng tâm của vấn đề : lịch sử về sự thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở nhiều nơi đã cho thấy rằng nó được hình thành không phải chỉ thông qua việc chiếm hữu tư liệu sản xuất mà còn là thông qua sự lũng đoạn nhà nước và lộng hành ở xã hội dân sự. Do đó, bài toán phải tính từ các sơ đồ nói trên là làm thế nào để xã hội dân sự không bị thao túng bởi thị trường và nhà nước không bị khuynh loát bởi tư sản ? Hãy thử hình dung vài dự phóng sau đây.

## 2.Kinh tế định hướng xã hội

Đối với quan điểm thị trường tự điều chỉnh theo luật cung cầu, mỗi người trong xã hội đều có quyền ảnh hưởng lên sản xuất với điều kiện nó là người tiêu thụ : muốn có tác động trên cái "cung" nó phải có khả năng kinh tế để thể hiện cái "cầu" của nó. Bằng không, nó không có trọng lượng gì trong vận hành của kinh tế thị trường. Trong quá trình đó, xã hội dân sự chỉ thật sự hiện hữu thông qua hiện hữu của thị trường và xã hội tiêu thụ : con người chỉ hội đủ quyền công dân khi nó có khả năng hoà nhập vào xã hội tiêu thụ điều hợp bởi thị trường. Thế lực công dân của nó lớn mạnh tỷ lệ thuận với mài lực tiêu dùng của nó. Ngược lại, nó bị thị trường loại ra bên lề của xã hội. Ở đó,

quyền sống của nó còn không được thừa nhận, khoan nói đến quyền công dân !

Ở hoàn cảnh đó, con người trong xã hội chỉ có thể tác động lên sản xuất ở khâu "đầu ra", nghĩa là thông qua sự lựa chọn những sản phẩm của thị trường. Nó không có tiếng nói trong sự hình thành các chính sách, cấu trúc, và tiến trình của sản xuất. Nghĩa là những khâu của "đầu vào" tuỳ thuộc vào sự chi phối của những người nắm tư liệu sản xuất, của tư sản. Phải đợi đến khi những hậu quả của việc tổ chức sản xuất lộ ra mồn một — chẳng hạn như những di hại đến môi trường sinh thái — thì lúc ấy xã hội dân sự ở các nước phát triển mới lên tiếng về "di sản chung" của loài người !

Những điều vừa nói cho thấy rằng "qui luật thị trường" chẳng phải tự trời rơi xuống : quá trình hình thành của nó là quá trình trừu tượng hoá quan hệ giữa người và người trong sinh hoạt kinh tế. Nói cách khác, thị trường là sản phẩm của việc trao đổi xã hội để tồn sinh. Nó là kết cấu của những mối liên hệ giữa các tác nhân xã hội có vị thế và diệu kiện khác nhau. Bỏ qua tính chất đó của nó tức là biến thị trường thành một thực thể có nội lực riêng, vượt lên trên sự giám sát của công dân, thoát ra ngoài sự kiểm tra của xã hội : nó trở thành guồng máy phi nhân, lạnh lùng vì nó bị thao túng bởi tư bản đã chủ động nắm những khâu quyết định vận trình của quan hệ sản xuất. Tóm gọn, cái vẫn thường được gọi là mục tiêu riêng của thị trường thực chất là mục tiêu của tư bản : chạy theo lợi nhuận !

Do đó, chuyển một nền kinh tế thị trường có mục đích vì nó thành một nền kinh tế phục vụ con người, nghĩa là một nền kinh tế có định hướng xã hội, trước hết là phải kéo toàn bộ các qui trình b) và c) của quan hệ sản xuất ra khỏi sự kiềm tỏa độc quyền của tư bản và đặt nó vào trong sự giám định của toàn xã hội, của môi công dân. Nói rộng hơn, vấn đề là phải tạo môi trường (giáo dục, văn hoá) và những thiết chế dân chủ cụ thể để con người trong xã hội ảnh hưởng lên các chính sách kinh tế với tư cách là công dân chứ không phải đơn thuần như là người tiêu dùng và người sản xuất. Muốn thế, đầu tiên là nó phải có quyền đòi hỏi được thông tin đầy đủ từ "đầu vào" đến "đầu ra" của việc sản xuất.

Cũng từ đó vấn đề mục đích của sản xuất và cứu cánh của kinh tế mới được đặt ra rõ ràng : câu hỏi trọng tâm của xã hội không còn chỉ làm thế nào để tăng hiệu năng sản xuất và hiệu quả kinh tế mà chính là làm như thế để phục vụ cái gì ? Bỏ quên nội dung đó là tạo dịp cho con người tự tha hoá lấy mình, tự phủ nhận lấy vai trò công dân, chủ thể của mình để chỉ chạy theo những lợi ích trông thấy ngay của người sản xuất và người tiêu dùng.

Chia sẻ quyền hạn cũng là phân chia nhiệm vụ : có quyền tác động trực tiếp lên quan hệ sản xuất nói riêng và chính sách kinh tế nói chung, công dân phải gánh chịu phần trách nhiệm của mình — ít ra là về mặt tinh thần, đạo lý — trong những vận động của kinh tế thị trường. Từ đó, nó phải dần dần tự tập cho nó cái nhìn dài hạn. Điều đó sẽ trở thành những giới hạn cho tính ăn xổi ở thi của một thị trường đơn phương chi phối bởi tư bản. Học thuyết mác xít đã nhấn mạnh đến ảnh hưởng của sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà tư sản lên các chu kỳ kinh tế có thể tạo ra khủng hoảng. Xét cho cùng những cạnh tranh nói trên thể hiện việc chạy theo lợi nhuận trước mắt mà bỏ quên cái nhìn dài hạn cho toàn xã hội. Trong kinh tế toàn cầu có một bài tính tăng trưởng tối ưu trong đó chỉ có một người tiêu dùng và một người sản xuất (nghĩa là không có cạnh tranh) với kết quả như sau : nếu người tiêu dùng chú trọng đến tương lai, kinh tế về lâu về dài sẽ ổn định ; ngược lại nếu họ quá chú ý đến hiện tại, kinh tế có thể trở nên hỗn loạn. Thí dụ này cho thấy ảnh hưởng của người tiêu dùng lên kinh tế : tiêu dùng vừa phải

để tiết kiệm có thể đưa vào đầu tư sẽ thúc đẩy sản xuất ; tiêu dùng trước mắt quá nhiều có thể làm kinh tế suy sụp. Song muốn người tiêu dùng và người sản xuất chú tâm đến hậu vận thì phải tạo điều kiện để họ vượt thoát ra được tầm nhìn ngắn hạn của một xã hội doanh thương mà ở đó tính cách công dân, như đã nói ở trên, chỉ được thể hiện thông qua mài lực và cạnh tranh.

Tìm hiểu quá trình sản xuất cũng là phương thức để đánh giá trở lại những nhu cầu của chính mình : trong xã hội tiêu thụ những sản phẩm được tung ra trên thị trường có khả năng tạo ra những nhu cầu giả tạo. Nghĩa là, nhìn ở mặt nhân sinh, chúng có khả năng tha hoá con người. Do đó, nắm rõ những yếu tố cấu thành sản phẩm cũng là thâm nhập vào tính chất của quan hệ giữa cung và cầu ; là cách để thẩm định phẩm chất của môi trường sống ; là dịp để đặt lại vấn đề đối với những giá trị phổ cập của xã hội. Trên cơ sở đó, những đòi hỏi của người lao động, công nhân trong việc ấn định các qui chế lao động và sản xuất mới đạt được nội dung tiến bộ của nó : mọi đấu tranh nhằm cải thiện qui trình phân công lao động, sản xuất sẽ mang tính cục bộ, phuộc hội và không có ý nghĩa cải tổ tích cực khi mà rốt cuộc người lao động phải bán mình như hàng hoá để hòa nhập vào một xã hội đã bị chiếm lĩnh bởi thị trường, bởi những quan hệ lối lõi, hơn thua, sống chết mặc bay !

Rốt cuộc, kéo các qui trình b) và c) của quan hệ sản xuất ra khỏi sự chi phối đơn phương của tư bản là thúc đẩy sự hình thành một xã hội dân sự thật sự tự chủ, vượt thoát ra khỏi những hấp lực đồng tâm của xã hội buôn bán, tiêu thụ. Có lẽ cần nhắc lại ở đây lịch sử của xã hội dân sự ở các nước Tây Âu phát triển để thấy rõ hơn điều vừa nói : xã hội dân sự ở các nước đó xuất hiện và phát triển song hành với sự khẳng định và lớn mạnh của các tầng lớp tư sản. Và chính là nhờ cái xã hội dân sự đó mà tư sản đã lật đổ nhà nước phong kiến, bành trướng thị trường và biến quan hệ sản xuất tư bản cũng như hệ tư tưởng tư sản thành một hệ thống chiếm lĩnh và nhất quán. Trong vận trình đó, xã hội dân sự trở thành một thực thể gắn bó hữu với nhà nước tư sản. Vô hình trung, các công đoàn và các đảng phái tiến bộ hoạt động công khai sau này trong khuôn khổ những thiết chế pháp định của tư bản, tự biến thành những tác nhân điều tiết những mâu thuẫn xã hội, những cơ chế khách quan góp phần vào sự tái tạo mở rộng của trật tự tư bản.

Hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam có phần khác biệt : nhà nước trên nguyên tắc vẫn đề cao đường hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, với sự bành trướng của kinh tế thị trường, nhà nước cần mở rộng xã hội dân sự để tạo thế đối trọng với những quyền lực mới nảy sinh từ thị trường và cùng lúc ngăn ngừa những khuynh hướng lũng đoạn bộ máy chính quyền. Bằng không, thị trường và tư bản, thoát thai từ chính guồng máy nhà nước, sẽ dần dần thiết lập một xã hội dân sự đồng minh của chúng, từ đó không thể trở lại nhà nước một cách hiệu quả hơn, tạo điều kiện cho việc pháp quy hoá những quan hệ sản xuất nằm trong quỹ đạo của một chủ nghĩa tư bản lệ thuộc. Trong quá trình đó, ngăn cấm không cho công nhân thành lập những tổ chức tự quản để trực tiếp bảo vệ quyền lợi của mình, chèn ép quyền tự do tư tưởng, ngôn luận của công dân, trù dập, "uốn nắn" trí thức... chính là những việc làm nguy hại cho sự tiến bộ của chế độ vì nó có công dụng là giữ trật tự cho tư bản mặc sức tung hoành. Nhưng ngược lại, nhà nước cũng không nên tự khung mình như là một người chỉ phục vụ giai cấp công nhân. Một khi đã công nhận cơ chế thị trường và thành phần tư sản, nhà nước phải công nhận rõ ràng vai trò tích cực của tư sản và những quyền lợi đúng đắn của họ. Vấn đề là kết hợp các quyền lợi mâu thuẫn giữa các tác nhân kinh tế để tạo sự hiệp thương giữa các tầng lớp khác nhau nhằm thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tóm lại, nhà nước Việt Nam cần mở rộng pháp chế ngay từ bây giờ để xã hội dân sự được thành hình từ ý thức công dân một cách tự chủ, tự lập và tự quản chứ không để nó lén lút từ mài lực của thị trường, của tư sản. Đó là phương thức để xây dựng một hình thái xã hội với đủ ba định chế đối trọng có khả năng kiến tạo những quan hệ sản xuất vì con người, vì xã hội chứ không thuần tuý vì lợi nhuận, vì tích lũy tư bản.

### 3. Từ “nhà nước giai cấp” đến “nhà nước của toàn xã hội”

Từ “bàn tay vô hình” của Adam Smith đến lý thuyết “kinh tế tự điều tiết” của trường phái tân cổ điển, vai trò chính yếu của nhà nước giới hạn trong việc ngăn chặn những tiêu cực ngoại vi của thị trường (*externalités négatives*) và thực hiện những công trình mà thị trường không thấy có lợi riêng. Do đó, trong quan hệ sản xuất, chức năng của nhà nước không có tính chủ động mà chỉ là người trợ thủ của kinh tế thị trường và trật tự tư sản : nó vừa là “nhà nước cảnh sát” vừa là y tá chữa bệnh ngoài da, xoa dịu phần nào những tác hại của một nền kinh tế hoàn toàn bị chi phối bởi “qui luật thị trường”.

Theo mô hình của Keynes, nhà nước có nhiệm vụ phân phối thu nhập để nâng mức nhu cầu và qua đó thúc đẩy sản xuất. Trong chiều hướng đó “nhà nước bảo trợ” cải thiện rất nhiều đời sống xã hội. Nhưng sự bành trướng của nó kéo theo một guồng máy hành chánh công quyền nặng nề và có hậu quả là huỷ hoại tính tự chủ của công dân, của xã hội : xã hội dân sự chủ yếu biến thành một mạng lưới chằng chịt tập hợp vô số những tổ chức phuộc hội, bảo vệ những quyền lợi cục bộ, phe nhóm và trông chờ vào sự “rộng rãi” của nhà nước. Đồng thời, chính sách tăng trưởng kinh tế bằng cách tăng tiêu dùng nhà nước và nhu cầu cá nhân đã thúc đẩy sự lan tràn của xã hội tiêu thụ, tạo môi trường thuận lợi cho việc phô biến những cái nhìn ngắn hạn trong sinh hoạt thị trường. Tóm gọn, nhà nước của Keynes vẫn là một nhà nước phục vụ cho nền kinh tế thị trường vận hành trong quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, dù nó có khác với nhà nước tân cổ điển là nó chủ động và tích cực can thiệp vào những qui trình của quan hệ sản xuất : nó điều hợp sự thoả hiệp giữa tư sản và lao động và tăng cường phúc lợi xã hội không phải vì con người mà vì đó là những biện pháp để tăng trưởng kinh tế (mặc dầu vẫn có những phái cánh tả dựa vào Keynes để thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội).

Với sự phâ sản của nhà nước tập trung bao cấp ở các nước cũn xã hội chủ nghĩa cũng như những khùng hoảng của các nhà nước xã hội – dân chủ theo mô hình Keynes, các chính sách kinh tế tân tự do ngày càng lan rộng : nhà nước nhường chỗ cho thị trường ! Chính xác hơn, đó là nhà nước bị thị trường hoá : không những nhà nước phải mở cửa cho nguyên tắc tư lợi thâm nhập vào những khu vực trước đây thuộc diện công quản hoặc bán công (y tế, giáo dục, bảo hiểm lao động và xã hội...) mà còn phải nhân danh hiệu năng và hiệu suất kinh tế can thiệp thẳng vào các qui trình của quan hệ sản xuất (qui chế lao động, định chuẩn mức lương, phân bổ sản xuất, chi viện ngân sách...) nhằm tạo điều kiện cho thị trường trở thành guồng máy vận nòng và thống lĩnh. Xét cho cùng, những biện pháp “giải lệ” (*déréglementation*) không phải chỉ là để thu nhỏ vai trò của nhà nước mà thực chất là biến nhà nước thành một công cụ trực tiếp của chủ nghĩa tư bản nhằm thị trường hoá các vận hành và quan hệ xã hội, kể cả những vận hành và quan hệ nằm ngoài phạm trù kinh tế.

Dù tinh vi và ít thô bạo hơn nhiều so với nhà nước chuyên chính vô sản, tính chất giai cấp của các nhà nước nói trên vẫn không thể che giấu. Từ đó cần phải nhận định sòng phẳng :

trong một xã hội có giai cấp thì dù muôn dù không nhà nước vẫn mang tính giai cấp. Nhưng xã hội chỉ có thể phát triển nếu giai cấp nắm quyền thống nhất được lợi ích, trước mắt và trong tương lai, của họ với lợi ích của toàn xã hội.

Muốn thế cuối cùng không có cách gì khác là phải đặt nhà nước (cơ chế, chính sách, hoạt động, nhân sự) trực tiếp và công khai dưới sự kiểm sát, giám định, phản biện của công dân, của xã hội. Nói khác đi, đó phải là nhà nước được xã hội hoá : mọi thể chế dân chủ đều là hình thức nếu bên cạnh bộ máy cầm quyền không có những thiết chế pháp định rõ ràng, cụ thể hầu công dân và xã hội có thể thực hiện quyền dân chính đối trọng (*contre-pouvoir civique*) của mình để thường xuyên kiểm tra nhà nước. Có như thế thì mới mong nhà nước cố gắng chu toàn chức năng và vị thế của nó trong quan hệ sản xuất. Nếu không thì dù nó là một nhà nước pháp quyền nó vẫn có khả năng bị lũng đoạn bởi những thành phần nắm quyền sở hữu. Bởi vì, theo Mác, luật pháp vẫn có thể là công cụ chuyên chế, dù dấy là một công cụ "văn minh".

Cũng chính thông qua hệ thống đối trọng đó mà xã hội dân sự rèn luyện ý thức và năng lực công dân, vô hình trung tự biến thành một định chế gắn bó hữu cơ với nhà nước, nếu nhà nước đó thật sự vì lợi ích công cộng, toàn dân. Tương quan biện chứng giữa nhà nước và xã hội dân sự — nói theo Hê ghen và Mác — cũng nhở thế mà được thể hiện : nhà nước khác với xã hội dân sự nhưng lại thoát thai từ nó, là đại diện của nó, là thiết chế nhờ đó mà nó điều hợp những lợi ích chung và riêng, những mâu thuẫn giữa tập thể và đoàn thể, những đối kháng giữa giai cấp và nhân dân, những dằng co giữa cá nhân và cộng đồng.

#### 4. Hình thái xã hội và lực lượng sản xuất

Mỗi phương thức phát triển đều chứa trong lòng nó một mô hình chế độ xã hội. Lựa chọn đường lối phát triển, do đó, không phải chỉ là những chuyện chuyên ngành nặng tính kỹ thuật mà là một vấn đề nhân văn : chọn lựa một hình thái xã hội khai phóng con người ! Trong chiều hướng đó, điều phải nói thêm ở đây là việc phát triển lực lượng sản xuất. Trong hoàn cảnh thiếu thốn và nghèo nàn của Việt Nam rõ ràng là vô cùng cần thiết. Nhưng theo Mác, khái niệm lực lượng sản xuất bao gồm cả phương tiện vật chất lẫn con người lao động. Từ đó, phát triển lực lượng sản xuất trong mối tương quan biện chứng với quan hệ sản xuất là gì nếu không phải là phát triển con người lao động, cho nó có điều kiện để nó tự chủ lấy tương lai của nó và tham gia vào việc quyết định vận mệnh chung của cộng đồng ? Ngược lại, bỏ quên con người để chỉ chú tâm vào phương tiện trong lúc mà vốn liếng của tuyệt đại đa số nhân dân là sức lao động — chân tay và trí óc — làm thuê thì đó là khởi điểm của một quá trình đưa đến việc thiết lập những quan hệ sản xuất gia nô hoá con người, mở đường cho tư bản toàn cầu biến đất nước thành thị trường, dân tộc thành hàng hoá !

Lê Văn Cường và Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm  
Paris – Bruxelles, 2.1994

#### Tóm tắt bài "Có nên chôn học thuyết mác xít ?"

"Có nên chôn học thuyết mác xít ?" gồm 2 phần. Nội dung chính của phần một : dựa trên quan điểm mác xít, khái niệm "lực lượng" được hiểu rộng ra như một phương tiện tái tạo lao động vật chất và tinh thần. Đồng thời, từ khái niệm "thuế", vấn đề quyết định sử dụng thặng dư và kiểm tra việc sử dụng đó được đặt ra. Gắn liền "lực lượng" và "thuế" với hai khái niệm "đấu tranh giai cấp" và "bóc lột thặng dư" sẽ thấy hiện ra những vai trò và động cơ vừa đối chọi vừa cần thiết cho nhau giữa ba tác nhân : nhà nước / tư sản / lao động. Quá trình phát triển kinh tế – xã hội tuỳ thuộc vào tính chất của những mối

tương quan giữa ba tác nhân trên : trên cơ sở của việc "chia cái bánh" — do quá trình sản xuất tạo ra — bóc lột / đấu tranh / thỏa hiệp tạm thời là những động lực giúp cho xã hội đi lên cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, nghĩa là có thể vừa tăng trưởng kinh tế vừa tăng trưởng về văn hoá, dân chủ.

Nội dung chính của phần hai : trái với trường phái "tân tự do" cho rằng xã hội dân sự hoàn toàn tách biệt với nhà nước, một đường hướng mác xít quan niệm xã hội dân sự không nằm ngoài mà chính là vẫn nằm trong phạm trù nhà nước được xem như là một chỉnh thể pháp định. Từ đó, lộ rõ sự khác biệt giữa hai cách nhìn : một bên cố biến xã hội dân sự thành đồng minh của thị trường nhằm o ép nhà nước ; một bên đặt xã hội dân sự tự quản, nhà nước pháp quyền và thị trường có luật định là ba thực thể nằm trong khuôn khổ một pháp chế quốc gia, bổ sung và hỗ trợ cho nhau, cái này vừa thúc đẩy tính năng động vừa làm đối trọng cho cái kia.

Cuối cùng, ghép lồng những ý chính của phần một và hai, bài viết đưa ra một luận đề : nếu các mối quan hệ tương tác giữa nhà nước pháp quyền / xã hội dân sự tự quản / thị trường luật định họp thành cái khung pháp định cho quá trình đổi kháng giai cấp và bóc lột giá trị thặng dư giữa tư sản / nhà nước / lao động thì việc "chia cái bánh" có thể tiến hành một cách tương đối ít bất công nhất, ít hao tổn nhân lực nhất.

L.V.C. và T.T.N.K.T.

Tìm đọc

## Hợp Lưu

Tạp san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

- \* Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
- \* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277, Garden Grove  
CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Tìm đọc Tạp chí

## Đối Thoại

Thảo luận về những vấn đề Việt Nam

P.O.Box 4692 Garden Grove, CA 92642

Tel : (714)509 7253

Chủ bút : Nguyễn Hương

Giá báo 1 năm :

Bắc Mỹ : USD 36 (hạng tư), USD 48 (hạng nhất)

Các nước khác : USD 48 (đường thuỷ), USD 60 (đường bay)  
(Số hai, tháng 4.1994 với những bài của Hà Nghiệp, Phan Huy Đường, Phạm Trọng Luật, Đặng Phong, Trương Vũ v.v... đã phát hành)

**ĐƠN YÊU CẦU  
DƯA RA  
XÉT XỬ CÔNG KHAI  
VỤ ÁN " XÉT LẠI CHỐNG ĐẢNG "  
của  
công dân PHẠM THỊ TÈ**

Hà Nội, ngày 20. 02. 1994

Kính gửi :

Ông chánh án Toà án nhân dân tối cao.  
Ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Đồng kính gửi :

Ông chủ tịch Quốc hội.  
Ông tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam.  
Ông Thủ tướng Chính phủ.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội luật gia Việt Nam, các cơ quan truyền thông, các bạn tù Sơn La, họ hàng và bạn hữu... (Để biết và cho ý kiến)

Kính thưa các quý ông,

Tôi là Phạm Thị Tè, 83 tuổi, giáo viên đã nghỉ hưu  
Hiện ngụ tại 5 Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tôi làm đơn này yêu cầu các cơ quan pháp luật nhà nước đưa ra xét xử công khai vụ án phi pháp : " Vụ xét lại chống Đảng " (còn gọi là vụ Hoàng Minh Chính), mà chồng tôi là một trong những nạn nhân.

Chồng tôi — Vũ Đình Huỳnh — nguyên thành viên tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, nguyên đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (1930), nguyên bí thư cho chủ tịch Hồ Chí Minh, nguyên giám đốc công thương liên khu III – IV, nguyên vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ ngoại giao, nguyên Vụ trưởng Ban thanh tra Chính phủ, huân chương Kháng chiến Hạng Nhất, nghỉ hưu từ 1964 và đã mất tại nhà riêng ở Hà Nội 03. 05. 1990.

Tháng 10. 1967, do có những bất đồng quan điểm với nghị quyết IX của Ban chấp hành Trung ương Đảng, nhà tôi bị bắt giam cùng với hàng chục cán bộ trung, cao cấp khác, bị biệt giam 6 năm, quản thúc 3 năm, tới 1975 mới được thả về.

Tất cả các cuộc bắt bớ, giam cầm này đều thực hiện một cách bí mật, hoàn toàn trái với pháp luật. Tất cả các nạn nhân đều bị đưa đi biệt giam trong nhiều năm mà không hề có một toà án nào xét xử, không hề được biện minh cho mình như luật định.

Gần 30 năm đã trôi qua mà vụ án phi pháp này vẫn bị vùi trong bóng tối, khi mà ông Lê Đức Thọ — trưởng ban " kết tội và xét án " của Ban chấp hành Trung ương Đảng, người chịu trách nhiệm chính trong vụ này — cũng đã chết.

Tôi lấy ông Huỳnh vì yêu mến lý tưởng mà ông ấy theo đuổi : đấu tranh chống chế độ thực dân để giành quyền độc lập tự do cho dân tộc. Trong những năm trước Cách mạng, gia đình tôi là cơ sở tin cậy của Đảng tại Hà Nội. Một mình tôi vừa làm ăn buôn bán nuôi con, chu cấp cho chồng và đóng góp cho tổ chức, tôi luôn tin vào ngày nước nhà độc lập.

Cách mạng thành công, nhà tôi được Bác Hồ chọn làm bí thư riêng và đã giúp Bác đắc lực trong những năm sau đó. Kháng chiến bùng nổ, theo Đảng, theo Bác, gia đình tôi bỏ Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, rồi phiêu bạt xuống Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá. Tuy khó khăn gian khổ về vật chất nhưng lại là những năm tháng thật đẹp : không có đặc quyền, đặc lợi, cấp trên cấp dưới đâu ra đấy mà vẫn thương yêu nhau hết mực...

Năm 1954, hoà bình lập lại, gia đình tôi trở về Hà Nội mà lòng tràn ngập tin tưởng và vui sướng. Ước mong mà cả gia đình theo đuổi đã thành sự thật. Cuộc sống đã mở ra viễn cảnh tốt đẹp cho gia đình tôi.

Sau này, tôi cũng được nghe đôi điều về những bất đồng với lãnh đạo của ông Huỳnh trong vụ Cải cách ruộng đất, trong Cải tạo công thương nghiệp, trong Nhân văn Giai phẩm. Tuy nhiên, ông Huỳnh cùng gia đình vẫn được sống yên ổn trong suốt thời gian đó. Sau nghị quyết IX của BCH Trung ương Đảng (9.1963), ông Huỳnh và một số cán bộ trung cao cấp khác lại có bất đồng. Tôi nghĩ đó là chuyện bình thường, như bàn tay có ngón dài, ngón ngắn.

Tôi không thể ngờ vào đêm 18.10.1967 tai họa đã giáng xuống gia đình tôi. Công an ập vào bắt giữ chồng tôi và sau khi lục soát đã đem đi tất cả những tấm ảnh nhà tôi chụp chung với vác Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc, ở phố Hàng ngang những ngày Bác viết Tuyên ngôn Độc lập, ở Paris khi nhà tôi được Bác phong Đại tá cận vệ trong phái đoàn dự Hội nghị Fontainebleau. Vào thời điểm bị bắt, nhà tôi đã nghỉ hưu được 3 năm.

Ai có thể hiểu được nỗi cay đắng của tôi lúc đó ? Một người phụ nữ hai lần chứng kiến cảnh bắt bớ chồng mình ở hai chế độ đối kháng nhau : lần thứ nhất (1940) bị bắt và kết

**Hồ Chí Minh, Picasso  
và Vũ Đình Huỳnh...**

Đơn yêu cầu của bà quả phụ Vũ Đình Huỳnh, nhũ danh Phạm Thị Tè, đã trình bày rõ ràng trường hợp Vũ Đình Huỳnh, một trong những nạn nhân của vụ án xét lại chống Đảng gắn liền với tên tuổi của ông Hoàng Minh Chính.

Bên lề vụ án Vũ Đình Huỳnh, thiết tưởng cũng xin nêu lên một tội ác văn hoá nghiêm trọng. Theo lời kể của ông Huỳnh (đăng trên tạp chí Văn nghệ Quân đội), năm 1967, bộ máy an ninh đã tịch thu tại nhà ông một bức chân dung chủ tịch Hồ Chí Minh của Pablo Picasso. Bức chân dung này, Picasso đã vẽ tặng Hồ Chí Minh năm 1946, khi chủ tịch Việt Nam dân chủ cộng hoà đến thăm họa sĩ tại xưởng vẽ. Vẫn theo lời ông Huỳnh, Picasso và Nguyễn Ái Quốc đã quen nhau trong những năm 1920 ở Paris. Bức họa này hiện nay đâu rồi ?

án 3 năm tù khổ sai tại nhà tù Sơn La vì can tội hoạt động chống đối chế độ thực dân, lần thứ hai (1967) bị bắt và đưa đi biệt giam — không có án — ngay trong chế độ Dân chủ Nhân dân, một chế độ mà chính ông ấy đã góp xương máu tạo dựng nên, một chế độ “một triệu lần dân chủ hơn chế độ tu bản”.

Rồi “phúc bất trùng lai, hoạ vô đơn chí”, vài tháng sau ngày ông Huỳnh bị bắt, con trai tôi — Vũ Thư Hiên, biên tập viên Báo ảnh Việt Nam — cũng bị bắt trên đường về nhà, cũng bị biệt giam, cũng chẳng có một tòa án nào xét xử xem nó phạm tội gì? Hai bố con bị biệt giam mỗi người một nơi. Vũ Thư Hiên sau đó bị nhốt chung với tù hình sự. Đến 1976, sau 9 năm bị giam giữ không có án, con tôi mới được tha về.

Những năm sau đó, báo chí bị cấm không được nhắc tới cái tên Vũ Đình Huỳnh, cấm không được đăng ảnh Bác Hồ mà trong ảnh đó có ông Huỳnh. Các báo và các nhà xuất bản bị cấm không cho cái tên Vũ Thư Hiên được xuất hiện trên sách báo — dù chỉ là dịch giả “*truyện ngắn Pautopxki*” (tập truyện này theo yêu cầu của nhiều độc giả, đã được tái bản dưới tên Kim Ân, là vợ của Thư Hiên) — rồi một vài truyện ngắn của Thư Hiên được liệt vào “*dòng văn học tư sản phản động*”?

Tai hoạ liên tục giáng xuống gia đình tôi: cả chồng, cả con đều bị bắt. Lương hưu của nhà tôi, lương của con tôi bị cắt. Còn lại tôi với chín đứa con và một đàn cháu phải sống trong cảnh thiếu thốn khôn cùng. Nhưng thiếu ăn, thiếu mặc không khủng khiếp bằng nỗi khổ tinh thần: bạn mình, bạn chồng xa lánh vì sợ liên lụy, con cái bị trù dập. Nhà tôi trước đây lúc nào cũng đông khách mà sau đó chẳng còn ai lui vãng. Không khí khủng bố nặng nề, công an mật theo dõi ngay trước cửa 24/24 thì thử hỏi còn ai dám đến thăm?

Để duy trì cuộc sống cho gia đình và có điều kiện thăm nuôi chồng con, tôi phải bán dần đồ đạc, tài sản: xe cộ, bàn ghế, giường tủ... Đến khi cùng đường, không còn một thứ gì có thể bán được nữa, tôi dành phải bán hết tài sản cuối cùng của mình là ngôi nhà số 8 ngõ Tràng An, nhà này tôi mua từ trước Cách mạng (lúc bán được 2 cây vàng, nếu để lại đến nay đã có giá 100 cây). Ngôi nhà mà hiện nay gia đình tôi đang sống (5, Hai Bà Trưng) là nhà của anh ruột tôi cho ở nhờ và quản lý hộ.

Thế là sau mấy chục năm trời bỏ cả tín ngưỡng, nhà cửa, tài sản, hăng hái theo Đảng, theo Cách mạng, những tưởng cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn, nào ngờ tai bay vạ gió, gia đình tôi rơi vào cảnh trắng tay: không nhà cửa, không tài sản, danh dự bị bôi nhọ, bị vu oan là “chống Đảng — phản Cách mạng”.

Năm 1972, nhà tôi được tạm tha, nhưng không cho về Hà Nội mà bị buộc quản thúc tại Nam Định. Gian truân nối tiếp gian truân, nhưng cũng còn may mắn hơn một số người khác, không đến nỗi phải bỏ xác trong tù như ông Phạm Viết, hoặc được tha về để chết tại gia như ông Phạm Kỳ Vân (những người này cũng bị quy vào nhóm “chống Đảng” nói trên).

Đến năm 1975, nhà tôi mới được tha hẵn về Hà Nội để sống nốt những năm tháng cuối đời cho đến khi trút hơi thở cuối cùng 03.05.1990.

Những lần gặp ông Lê Đức Thọ trong tù, chồng tôi vẫn bảo lưu quan điểm của mình và một mục yêu cầu ông Lê Đức Thọ phải đưa vụ này ra công khai, xét xử theo Hiến pháp và pháp luật, không thể vin vào cớ “*bảo vệ Đảng chỉ xử lý nội bộ*” để bắt và giam giữ những người chưa được pháp luật định tội.

Trong những ngày cuối đời mình, ông Lê Đức Thọ có cho người đến đón nhà tôi lên gặp. Nhưng khi đó ông Huỳnh đã rất yếu, điếc nặng, trí nhớ giảm sút. Sau đó ông Thọ mời tôi đến. Trong câu chuyện, ông tỏ ý sẽ giải quyết riêng việc khôi phục danh dự cho nhà tôi trước. Tôi cảm ơn nhưng không chấp nhận vì vụ này liên quan đến nhiều người, không thể giải quyết riêng rẽ như vậy được. Tôi nói với ông Thọ: “*Anh giải quyết như vậy thì tôi còn mặt mũi nào nhìn thấy những người bị oan ức khác*”. Rõ ràng ông Thọ vẫn cho mình cái quyền tối thượng — nhân danh Đảng — tuỳ tiện bắt và giam giữ những người mà ông ấy cho là chống đối, rồi lại định khôi phục danh dự cho một cá nhân nào đó — coi như một sự ban ơn — mà chẳng cần đến luật pháp nào hết.

Không phải một mình ông Huỳnh nhà tôi chịu cảnh đày, các con tôi cũng phải chịu và lây hết sức vô đạo lý. Có hẳn những chỉ thị bằng văn bản từ Ban tổ chức Trung ương Đảng đưa xuống các cơ quan, hướng dẫn cần phải o ép con em những người trong “nhóm chống Đảng” như thế nào. Thiết nghĩ, chỉ kém cái kiểu “*tru di tam tộc*” dưới thời phong kiến không nhiều lắm.

Dù có viết hàng nghìn trang giấy cũng không nói hết những nỗi khổ ải, nhục nhàn, những gánh nặng oan khiên, day dứt của những người trực tiếp và gián tiếp bị dính vào vụ “*xét lại chống Đảng*”.

Hiến pháp và pháp luật, quốc hội và toà án, chính quyền dân chủ nhân dân và nhân quyền đã được ghi thành văn bản giấy trắng mực đen, là thành quả được đổi bằng núi xương sông máu của hàng triệu cán bộ đảng viên đã bị ông Lê Đức Thọ chà đạp không thương tiếc.

Ông Lê Đức Thọ đã nhân danh Đảng hành động như một nhà độc tài vô nhân đạo với ngay những người bạn, những người đồng chí đã cùng nhau chia sẻ gian lao trong nhà tù để quốc, những đồng chí đã cưu mang chính bản thân mình trong những năm tháng khó khăn nhất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc — chỉ vì họ đã suy nghĩ không giống mình và đã dám nói ra những suy nghĩ ấy. Thật là đau đớn và tôi nghĩ nỗi đau đó làm se lòng hàng triệu trái tim yêu Tự do và Công lý.

Tôi oán ông Lê Đức Thọ vô cùng, tôi cho rằng ông ấy là người độc ác và hạn hẹp về trí tuệ. Tôi càng uất ức hơn khi chồng tôi mất đi mà không kịp nhìn thấy ngày sự thật được đưa ra ánh sáng. Nhưng sau khi ông Thọ mất đi mà chẳng thấy những người kế tục lãnh đạo Đảng đưa vụ này ra công khai thì tôi hoàn toàn thất vọng. Tôi đồ rằng căn nguyên của vụ án này, cũng như biết bao vụ án khác chưa từng được bắt kỳ toà án nào xét xử, không phải ở một cá nhân Lê Đức Thọ. Căn nguyên của tất cả những vụ oan ức nói trên là hậu quả của sự độc quyền lãnh đạo của một số cán bộ cấp cao của Đảng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tại sao ở nước Mỹ, một đất nước “ *đầy bất công và bạo lực chỉ có dân chủ cho số ít giai cấp tư sản...* ” mà người ta vẫn có thể đưa một vị tổng thống ra toà vì bị phát hiện là phạm pháp ? Còn ở nước ta, trong một chế độ “ *một triệu lần dân chủ hơn* ” pháp luật lại không dụng đến lòng chân người lãnh đạo cao cấp khi chính người này phạm pháp ? Chúng ta đang sống trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX hay đang sống giữa thời trung cổ, khi người ta chỉ kết án một tên đạo phủ, còn đối với một “ *quý ông đạo phủ* ” thì không ?

Sau khi nhà tôi mất, ông Lê Đức Thọ có gửi thư chia buồn đến gia đình tôi. Ông Thọ viết : “ *Tôi rất thương và nhớ anh, anh là đồng chí tốt, khuyết điểm trong thời gian qua chỉ là nhất thời. Lúc anh ra tù trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và khi mới giành được chính quyền anh đã có công đóng góp phần mình vào công tác chung của Đảng. Đảng không bao giờ quên những đóng góp của anh trong thời gian đó.* ”

Có thể hiểu như thế nào về những điều ông Lê Đức Thọ đã viết trên ?

Nếu như ông Huỳnh có “ khuyết điểm ” như ông Thọ đã nói, thì với tư cách một đảng viên ông Huỳnh phải chịu kỷ luật của chi bộ Đảng nơi ông sinh hoạt dưới các hình thức : phê bình, cảnh cáo, khai trừ lưu Đảng đến khai trừ vĩnh viễn khỏi Đảng. Việc bắt người và giam giữ là việc của các cơ quan Pháp luật Nhà nước, sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục theo luật định : khởi tố, lập toà án xét xử và kết án.

Vậy vì lẽ gì mà chồng tôi, con tôi bị bắt, bị giam giữ gần cả chục năm trời không có án ?

Vì bất đồng quan điểm, vì “ *tư tưởng lệch lạc* ” chăng ? Chỉ vì những điều này thì chưa kết tội được bất kỳ ai.

Vì “ *xét lại* ” chăng ? Thế nào là “ *xét lại* ” ?

Vì “ *phản Đảng – phản Cách mạng* ” chăng ? Liệu có thể khép tội ông Huỳnh và các nạn nhân khác vào điều luật nào trong Bộ luật tố tụng hình sự ?

Nếu đã có thể khép tội nhà tôi và các nạn nhân khác theo pháp luật thì ông Thọ chẳng dại gì không sử dụng bộ máy hành pháp.

Nhưng theo lệnh của ông Lê Đức Thọ, việc bắt và giam giữ hàng loạt cán bộ vẫn được thực hiện trong bí mật.

Đó chính là điều phi pháp trong hành động của ông Lê Đức Thọ. Và đương nhiên, khi những người lãnh đạo cấp cao của Đảng không tôn trọng pháp luật, dẫn đến tình trạng bất công xã hội thì lòng tin của mọi tầng lớp nhân dân vào Đảng bị xói mòn nghiêm trọng, dẫn tới việc Hiến pháp và pháp luật chưa bao giờ được thực hiện nghiêm chỉnh.

Sau Đại hội VI của Đảng, cánh cửa dân chủ đã hé mở. Ông Huỳnh lại có thư gửi tới nguyên tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam — Nguyễn Văn Linh — một lần nữa yêu cầu ông Linh đưa vụ này ra ánh sáng.

Nhưng chỉ có sự im lặng từ phía những người cầm quyền, như thể yêu cầu của ông Huỳnh được gửi vào cõi hư vô.

Tuy nhiên, trong vài năm qua, tình hình đã có nhiều thay đổi. Năm 1992 Hiến pháp mới ra đời cùng hàng loạt các bộ luật khác trong nhiều lĩnh vực. Báo chí và các cơ quan

truyền thông thường xuyên kêu gọi nhân dân “ *hãy sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật* ”.

Đất nước có nhiều chuyển biến trong thời mở cửa. Đảng đã chấp nhận một xã hội đa thành phần kinh tế, đó là nền tảng của một thể chế dân chủ.

Nghe nói, sang năm 1994, Đảng và nhà nước chủ trương xây dựng một nhà nước pháp quyền dân chủ, chủ trương đoàn kết và hoà hợp dân tộc, kêu gọi tất cả các dân chúng Việt Nam ở trong và ngoài nước — *bất kể chính kiến* — cùng nhau góp sức xây dựng đất nước có công bằng xã hội và giàu mạnh.

Ông Lê Đức Thọ đã chết, song không phải vì thế mà vụ này vẫn tiếp tục bị vùi trong bóng tối. Không chỉ riêng chúng tôi, những người trực tiếp và gián tiếp là nạn nhân trong vụ này, mà tất cả những người có lương tri và yêu công lý đều yêu cầu đưa vụ này ra ánh sáng.

Giải oan cho những người bị oan úc là việc cần phải làm và không bao giờ muộn, nó sẽ đem lại lòng tin cho cả triệu người vào Đảng và Nhà nước. Xưa, vụ án oan úc “ *Lê chí viên* ” đã đẩy Nguyễn Trãi và tất cả những người ruột thịt của ông vào cảnh “ *tru di tam tộc* ” ; hơn hai mươi năm sau, vua Lê Thánh Tông lập đàn giải oan cho ông, để lại tiếng thơm muôn đời.

Vì đó là việc làm nhân nghĩa và hợp đạo lý.

Tôi khẩn thiết kêu gọi tình người nơi các ông — từ trái tim rỉ máu bởi nỗi đau oan úc của tôi, các con tôi và những nạn nhân khác. Tôi hy vọng các ông là những người có trái tim cũng biết đau nỗi đau đồng loại, hy vọng các ông là những con người có trí tuệ công minh và có đầy đủ nhân cách dân chủ.

Ông Vũ Đình Huỳnh — chồng tôi — một trong những nạn nhân của vụ “ *xét lại chống Đảng* ” đã chết. Còn tôi đã 83 tuổi, cuộc sống chỉ còn đếm từng ngày. Tôi làm đơn này không chỉ yêu cầu các cơ quan pháp luật đưa ra công khai vụ “ *xét lại chống Đảng* ”, xác định trắng đen rõ ràng, giải tỏa oan úc cho chồng tôi và những nạn nhân khác, mà còn hy vọng góp sức lực cuối cùng của mình vào quá trình xây dựng một nhà nước pháp quyền dân chủ thực sự.

Tôi hoàn toàn không muốn lá đơn này lại được trả lời bằng sự im lặng. Và nếu cái sự không mong muốn ấy lại đến, thì tôi dành phải nói với các con tôi rằng : “ *Chưa có dân chủ thật sự đâu, các con ạ* ”.

Và các con tôi sẽ lên tiếng. Nếu cả mươi đứa con tôi chết đi mà vụ này vẫn chưa được đưa ra công khai, thì đời cháu tôi và những thế hệ sau chúng sẽ tiếp tục đòi hỏi yêu cầu chính đáng này trong sự truyền nối.

Cuối cùng, xin gửi tới các ông lời chào trân trọng.

Hà Nội ngày 20 tháng 02 năm 1994

Nguyễn đơn

Công dân Phạm Thị Tè  
05, Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Roberto JUARROZ

# THƠ THẮNG ĐÚNG<sup>2</sup>

bản dịch của DIỄM CHÂU

15

Vì đâu chúng ta lại ở đây ?  
Đây không phải nơi chốn của chúng ta.  
Liệu có chăng một nơi chốn cho chúng ta  
ở một nơi nào khác.

Không có nơi chốn ở đâu hết  
có lẽ xác định chúng ta,  
như ánh sáng xác định ban ngày.  
Nhưng cũng xác định chúng ta để chúng ta có thể  
tạo ra một nơi chốn.

Và ta chỉ tìm ra được một điều gì đó  
ở một nơi mà ta tự tạo cho mình.  
Cả tôi tìm ra mình ở đó,  
nếu có thể tìm ra chính bản thân.

33

Các đám mây mất đi,  
có lẽ chỉ trừ một :  
cái đám mây đổi với sự mất mát.

Và mọi sự còn lại cũng mất đi :  
bông hồng, tinh khí, khuôn mặt em,  
cuộc đời, khung cửa, cái chết.  
Cả lời nói này nữa cũng mất đi,  
việc đọc nó lên, tiếng động của nó.

Chỉ còn một phương chạy chữa :  
biến sự mất mát thành đám mây.

51

Một bông hoa dưới cơn mưa  
tựa như một suy tưởng bị dìm dưới nước.  
Có điều gì đó không tương xứng.  
Như trong một khúc tay cụt mõ phỏng cái vuốt ve  
hay một bàn tay đầy bùn  
toan chùi một giọt nước mắt.

Có lẽ chúng ta nằm trong một hệ thống  
cần lầm lẫn.

(ba bài trên trích từ tập thơ  
*Thơ thắng đứng mười ba*

DÉCIMO TERCERA POESÍA VERTICAL  
của Roberto JUARROZ, bản dịch của DIỄM CHÂU  
Nhà xuất bản Trình Bầy, © Diễm Châu 1993)



Phương Sinh

## bản tin trong ngày

dài phát thanh cực lạc  
kính chào quý vị

quí vô thường xin tóm lược  
tin chính trong ngày

dám bồ tát vẫn bò quanh miệng chén  
bọn mù đã làm thịt con voi  
đẳng tối cao công con tìm chỗ đầu thai  
máu tràn tử cung trình nữ

tiếp theo là chương trình văn nghệ cứu đói thế giới  
bắt đầu với màn múa rối nước an nam

đây là dài phát thanh cực lạc

## nghĩa đen, một

các hố bom với lũ mộ chí  
đột ngột quyết định tái lập hòa đàm

sinh ngũ thịt  
cỗ ngũ xương  
chẳng còn ai hiểu mấy

cào bới giữa những lớp tro  
bọn luận lý gia cố gắng phân loại  
mức độ thoả hiệp của im lặng đồng loã  
quanh quĩ đạo nỗi đói  
mở đầu đạn rượt đuổi nhau mệt đuối  
ông thầy triết với bà giáo văn  
dạy cho tôi bây giờ  
là cái lưỡi rắn chẻ đôi

## happy end, ba

chấn song phủ nhận vách nhà tù :  
mày không phải phe tao

ổ khoá công kích còng sốt tám :  
biện pháp bọn bầy thô bạo

con lạc đà cuối cùng  
chui lọt trôn kim

tôi cố đút đầu  
vào hậu môn của nó

Nghĩa đen

Tủ sách thơ, Nhà xuất bản Trình bầy  
© Phương Sinh 1993

# Hội họa Việt Nam tại Pháp

Thành phố Aulnay - sous - Bois thuộc ngoại thành Paris về phía Bắc, đã mở cuộc triển lãm lớn về hội họa Việt Nam hiện đại tại trung tâm văn hóa Espace Jacques Prévert trong tháng 4 năm 1994. Cuộc triển lãm này do hội Đoàn Kết Y Học Pháp Việt ASMFV<sup>(1)</sup> khởi xướng, đã trưng bày hơn 70 tranh sơn dầu, sơn mài, lụa, màu nước của các họa sĩ Hồ Hữu Thủ và con trai là Hồ Hồng Linh, Nguyễn Lâm và con gái là Huyền Lam, cùng với Thọ Văn, Đào Trọng Lưu.

Cuộc triển lãm có quy mô lớn, vì phòng tranh rộng và thiết bị hiện đại, đã thành công về hai mặt nghệ thuật và thương mại. Buổi khai mạc, thứ năm 7.4.1994 rơi đúng vào ngày tổng đình công các phương tiện giao thông công cộng, nhưng vẫn có tới 200 khách đến dự, và ông thị trưởng, trong lời phát biểu, đã cho rằng phòng tranh có chất lượng cao ít khi đạt tới tại đây. Số tranh bán được nhiều nhất là của Nguyễn Lâm, rất đáng kể. Được vậy là nhờ nghệ thuật và giá tranh vừa với túi tiền quan khách, từ 2000 quan - 300 đến 1000 đô la, ngang ngang với thị trường Việt Nam.

Nguyễn Lâm, Hồ Hữu Thủ xuất thân từ trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, đã thành danh từ những năm 1960. Các anh vẽ sơn dầu đi dần về hướng trừu tượng hiện đại, và khi chuyển sang sơn mài – một phần, do nhu cầu kinh tế, khoảng 1980 – các anh đã đưa sơn mài, một kỹ thuật tạo hình truyền thống đi vào quỹ đạo nghệ thuật hiện đại, tạo cho chất liệu sơn mài một khả năng biểu hiện mới, một giá trị thẩm mỹ lạ, rực rỡ, gợi cảm, vừa cao sang vừa sâu lắng, những giá trị mà sơn dầu không đạt tới và sơn mài cổ điển không thể hiện. Biết đâu trong tương lai, các họa sĩ sẽ tạo ra được một trường phái hội họa hiện đại Việt Nam có tầm cỡ quốc tế, dựa trên sơn mài. Tranh Nguyễn Lâm, Hồ Hữu Thủ hiện nay ăn khách tại Việt Nam và các nước Đông Nam Á. Tuy nhiên, kỳ triển lãm này tại Pháp phương tiện chuyên chở không cho phép các anh mang theo những tác phẩm hoành tráng thật sự hiện đại, tiêu biểu và đặc ý. Nhưng mấy mươi bức vừa sơn dầu vừa sơn mài cũng hé mở cho chúng ta thấy được sức sống của hội họa Việt Nam hiện nay. Hồ Hồng Linh là họa sĩ trẻ trưởng thành sau 1975, đã tạo được những tác phẩm trong sáng, tươi trẻ, có rung cảm và sắc thái riêng. Huyền Lam vẽ đẹp tuy chưa đều tay và chưa tạo được phong cách, nhưng cả hai họa sĩ trẻ đều nổi được nghiệp nhà và cho phép chúng ta kỳ vọng rằng hội họa dần dần sẽ trở thành truyền thống bám rễ vào xã hội và tâm thức Việt Nam. Các họa sĩ Đào Trọng Lưu và Thọ Văn cũng là những nét bút tài hoa đáng khuyến khích.

Kinh nghiệm cho thấy một cuộc triển lãm ngoài thủ đô

(1) Association de Solidarité Médicale Franco - Vietnamienne, 125 Boulevard Massena, 75013 Paris

Paris có những thuận lợi riêng. Năm kia chị Diễm Phùng Thị bày tranh ở Fontenay - aux - Roses cũng thành công và gây tiếng vang lớn. Các họa sĩ trong nước cứ chăm chăm vào một Paris chưa chắc đã là cao kiến. Nhiều thành phố, tỉnh lỵ tại Pháp sẵn sàng lập kế hoạch giới thiệu nghệ thuật Việt Nam hiện đại trên quy mô lớn. Liệu các cơ quan Việt Nam có lập được – và thực hiện tới – kế hoạch gì không, ví dụ cho năm năm cuối cùng của thế kỷ hai mươi chẳng hạn.

Các anh Nguyễn Lâm, Hồ Hữu Thủ hiện có mặt tại Paris (cùng với Đào Trọng Lưu và Hồ Hồng Linh) hai anh cho biết sẽ triển lãm tại phòng tranh Bel Air, trung tâm Paris (khu Chatelet) vào thượng tuần tháng 7.1994.

Đặng Tiến (22.4.1994)

Chử Văn Long

## Con chim nhảy nhót

Em như con chim nhảy nhót trên đồng  
Anh giăng lưới tình yêu bắt được  
Rồi tháng ngày em quên tiếng hót  
Quên cả nụ cười, giọng nói ngây thơ

Anh dan chiếc lồng tình yêu thật đẹp  
Nhốt em vào và nhốt cả anh  
Ở trong ấy quên đời chật hẹp  
Và dần dần quên cả trời xanh

Con đường quê, màu hoa cỏ dại  
Bước sớm mai ta vẫn đi về  
Nhưng chẳng còn dừng chân để hái  
Chẳng còn thăm thì chờ đợi si mê

Cả những giọt nước mắt ướt vai anh em khóc  
Cũng đã bay mất hút khỏi lồng.  
(Văn Nghệ 4.12.1993)

Nguyễn Đình Thi

## Một ngày

Anh đi không vội vàng - Anh biết  
Con đò vẫn đang đợi  
Bóng ông lái đò cao lớn  
Chòng mái chèo đứng trong sương  
Ông bạn ơi có thấy  
Mặt đất cựa quậy xanh non  
Chiếc nón lá ướt loáng  
Cô bé nghiêng vai gánh trên đê  
Một gánh hồng vàng tím đượm mưa phùn  
Anh ném cát một mình  
Dòng sông vắng đào đạt  
Con đò ông lái đâu nhỉ  
Xa xa sóng núi nhấp nhô  
1993  
(Văn Nghệ số 5-6/1994)

# Võ Thị Hảo, vàng trăng mồ côi

Thuy Khuê

Võ Thị Hảo xuất hiện năm 1993 qua tập truyện ngắn *Biển Cứu Rỗi* do Nhà xuất bản Hà Nội phát hành. Tác phẩm đoạn tuyệt cuộc chiến đã qua và khai chiến với hòa bình hiện tại. Mười hai truyện ngắn với bút pháp chắc nịch, những nhân vật ròn ròn, diễn người, trong không khí hậu chiến của một đất nước ham sống, sợ chết, muốn vươn lên nhưng cứ rũ ra, gục xuống, ôm bụng cười sắc sẹa, cười ặng ặc trong bàn tay dùa dai của tử thần chơi trò ú tim bóp cổ.

Võ Thị Hảo thuộc thế hệ chối bỏ cổ tích, không tin “thần thoại chiến trường”. Chị viết với niềm tin của chị về một xã hội tan chiến nhưng chưa tàn chiến.

Người đọc có thể tìm thấy trong văn phong Võ Thị Hảo cái tàn nhẫn, chất huyền thoại phảng phất cơn mưa Nguyễn Huy Thiệp, bông mây Phạm Thị Hoài. Cay độc và ẩn dụ trở thành phong trào, thành phong cách thời đại, dấu ấn của thế hệ này. Đúng thôi. Nhưng ở Võ Thị Hảo còn có một hơi hướm khác : khó thấy tác giả nào cười nhiều như thế, mô tả cái cười kỵ càng như thế. Từ *nụ cười hoá đá* của người đàn ông tên Tiếu : “Đôi mắt biếu lộ một nỗi đau khổ bất thường như đã đông cứng. Còn cái miệng thì trơ trêu làm sao, luôn mỉm một nụ cười bất biến (...). Nụ cười ấy giữa khuôn mặt ấy, thật là một nghịch lý, như là đang khóc với nỗi đau xé ruột mà có kẻ tàn ác nào đó cứ nhất định cù vào nách cho ta phải cười rũ ra mới thôi” (trang 89, *Người gánh nước thuê*). Đến nụ cười lạnh như thép của người chính phủ không biết cười : “Người chồng cố hết sức để mỉm cười. Đã lâu lắm rồi anh không làm cử chỉ đó nén bấy giờ anh không biết bắt đầu một nụ cười như thế nào. Khó nhận lắm, anh mới nhớ ra rằng, khi cười, người ta phải để lộ ít nhất là một hàm răng. Anh nhếch môi, để lộ hai hàm răng cho khỏe”.

Nhưng anh quên rằng, khi người ta cười, chính đôi mắt cười trước, cái miệng cười sau, thậm chí chỉ cười bằng mắt cũng đủ. Mà đôi mắt muốn cười, trước hết tâm hồn phải cười đã, cho nên, cố gắng để mỉm cười, trông anh lại thêm vẻ dữ dằn đe dọa của một con sói” (trang 35, *Hồn trinh nữ*). Tội nghiệp cho anh, chiến tranh không chết, nhưng chính những năm hòa bình, phục vụ triều đình, sơn hào hải vị và cung cách giết nhau trong thời bình, đã giết anh, đã biến người thanh niên nhút nhát năm xưa thành người đàn ông có cái nhìn loé thép và cái miệng không biết cười.

Võ Thị Hảo đã đi sâu, quá sâu vào cõi cười. Cõi ấy âm u, lạnh lẽo, bất trắc, cô tịch và đáng sợ hơn cõi khóc.

Truyện đầu tiên, *Biển cứu rỗi*, truyện một người lính trở về, nhưng số phận không dành cho anh một nàng Tô Thị vọng phu. Mà đợi anh, chỉ có những đứa trẻ khóc bố, không cha, tàn tích của những cuộc giao hoan vội vã — trên con đường quốc lộ số một, động mạch của chiến tranh — của người vợ lạc loài, ngơ ngác, bán thân kiếm miếng lương khô độ nhật, chờ chồng.

Chờ anh, còn có *nụ cười hơi sữa*, đổi khác của đứa con gái ruột 15 tuổi, gấp bố mà không biết là cha. Nụ cười chào khách của nó đuổi anh ra khỏi cõi người, cõi thanh bình. Anh bèn về

với hoang đảo, sống như loài cầm thú, sống một cách bệnh hoạn và hoang loạn. Nói chuyện với bóng mình trong gương để *nghe rõ giọng nói lạ hoặc của chính mình*, giọng nói thời sau chiến, giọng nói của *những số phận quờ quạng đi cho hết nửa đường còn lại*.

*Vũ diệu địa ngục* là vũ diệu của bà mẹ diên, dơ tay với cầu vồng mà nhẩy. “Đó lên trời đó con ơi !” Bà tìm trên cái khung trời đỏ áu tội lỗi hình dáng người con gái đã chết — tự tử — vì thất nghiệp rã ròng, vì không còn máu để bán : Nàng đã hành nghề bán máu nuôi thân trong quãng thời gian ngắn ngủi nàng ở trọ cuộc đời.

Và *Rừng cười*, là cái cười méo mó man dại của chiến tranh, của những cô gái Trưởng Sơn mà “những dòng nước khe màu đen xanh thớ lợ đã dần dà vặt trụi tóc họ”. Ở đây không có liệt oanh, liệt sĩ, chỉ tuyển rùng với người vượn lõa thể, vừa cười vừa khóc, tay dứt tóc xé quần xé áo. Ở đây chỉ có những nụ cười sảng sặc quanh đặc lá cây của “những người đàn bà xác cày, cầm súng, đì lấp hố bom”, “bị buộc phải trở thành đàn ông”. Và người con gái duy nhất may mắn sót lại của rừng cười sẽ mãn kiếp bị loại khỏi vòng tình ái, chỉ sống với những giắc mơ triền miên về mái tóc đã bị rừng già cướp giật : “từ trong đám tóc rối ấy lấy ra hai giọt nước mắt trong veo và rắn cẳng như thủy tinh, đập mãi không vỡ”. (trang 77)

12 truyện ngắn, 12 mảnh đời nghiên nát dầm máu, khiếp dàm mà viết cứ như không, như chơi, như đùa. Cái đáng ngại của thế hệ này là thế. Thế hệ ba đời chồng mông chờ chồng, từ bà đến cháu, “Thế hệ chúng con đi đến tận cùng nên nhiều khi tàn nhẫn”. Thế hệ “hoãn chết” hay “cho vào cõi già cũng không chết”. Nụ cười của họ bật ra chỉ vì “cô thấy buồn buồn ở nách như bị ai cù, và cô bật tiếng cười”. Họ nhìn buồi chiều : “hoàng hôn chậm chạp thè chiếc lưỡi đỏ liếm lên vật đồi tranh”. Họ ngắm “rừng cười đã no nê máu và nước mắt”. Họ nhận diện những kẻ “lạm dụng ánh sáng để làm điều sằng bậy” và đồn đêm tối cho những kẻ bất hạnh, mù loà. Họ phanh phui thủ đoạn “thổi linh hồn vào nhiều thân xác” bằng những “bài ca kỳ dị chẳng tồn hơi sức bao nhiêu”, để tạc nên những hình nộm gỗ “có hàm răng trắng sáng loé lên trên khuôn mặt đầy nhựa cây đèn nhém”, loại hình nộm không tim. Tim vỡ.

Thế hệ ấy, nhìn về quá khứ của “cả một đất nước rùng rùng ra trận, chân đi dép lốp, tay cầm súng, ngực đeo những lá thư. Những trang văn nói về thư, bay cùng những lá thư thất lạc và không thất lạc, có người nhận và không còn người nhận cứ bay đầy trời như lá rụng. Và trong đó, tôi mới thấy rõ tôi, vàng bủng, đang chạy, đưa một phong thư lên miệng mút mút và hô “xung phong” trước khi ngã xuống.” (trang 65. Máu của lá).

Thế hệ ấy, viết nên những dòng như trên để già từ thế giới gian dối, chế tạo ảo tưởng bằng những lá tình thư, tình thư xung phong, tình thư giết người. Đem tình yêu làm bung xung cho một trò chơi tàn nhẫn. Thế hệ ấy “vĩnh biệt Hà Nội không phải của con”.

Đen tối như thế, dứt khoát như thế, bi quan và u uất như thế, nhưng thế hệ ấy lại bội phần hàn gắn, bội phần yêu thương và thơ mộng. Họ chơi trò *đêm mây*, họ chia cho nhau những mảnh mây, trong ánh mắt và họ tặng nhau một *vàng trăng mồ côi*. Thế hệ ấy, niềm cõi đơn bất hạnh và hoan lạc ấy có trong đôi mắt dầm mây của Võ Thị Hảo, trong tấm lòng thiết tha, nhân ái, đòi quyền sống cho ba thế hệ vọng phu và đấu tranh cho một tình yêu chưa thật sự được nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Tình yêu vẫn còn dãm lạnh ngòi sương chiến tranh và ánh sáng vàng vọt của thời thanh bình chưa đủ sức hoàn sinh tái tạo.

Paris 10.4.94

# Đỗ lang thang (không) Ка hát

Hàn Thuỷ

Đỗ này con cháu Đỗ Phủ. Tôi nói đại vây, biết đâu sau này hắn nỗi, mình được tiếng là đã khoái văn hán ngay từ đầu. Họ hàng ở chỗ lang thang, và viết, chứ còn cách nhau hơn ngàn năm ai biết được người ấy đâu thai lại sẽ viết gì. Lang thang cũng có nhiều thứ, cái lang thang mà Lâm Ngũ Đường trong “điều quan trọng trong việc sống” (*the importance of living ?*) đã nói “kẻ lang thang không biết đi về đâu, lang thang nhất là kẻ không biết mình từ đâu tới” là cái lang thang của Lão, Thiền. Còn đây là cái lang thang bụi đời, ở cũng nhiều loại bụi đời, thứ có máy ảnh và thứ không có máy ảnh. Bụi đời có máy ảnh mà biết chụp ảnh kẽ ra cũng hiếm, bởi vậy chỉ nhìn bìa trước bìa sau của *Cây gậy làm mưa*, đã thích rồi. Thích cả cái bìa sau, tác giả nhìn mình, mình nhìn tác giả qua ống kính. Khánh Trường — người trình bày bìa — giỏi thật. Khoan, phải nói trước tôi không thuộc cái nghiệp văn, triết. Thì cũng đọc sách đọc truyện như người ta, cũng lâu lâu viết tiếng Việt cho đỡ nhớ, nhưng phê bình văn có đầu có đuôi có gốc có ngọn có so sánh lịch đại và đương đại, thì không dám. Tôi chỉ muốn nói đọc Đỗ Kh. tôi khoái, vây thôi.

Tôi khoái cái cách hành văn như chụp ảnh, khó lầm chứ không dễ dâu. Nhớ lại hồi nhỏ, đệ thất đệ lục không nhớ, đại khái trong bài luận “tả cảnh trường em” gì đó, tôi có viết “tường bằng gạch trát vữa quét vôi...” bị thầy giáo phê bút đỏ một câu “đã trát vữa quét vôi sao em biết tường bằng gạch?” thật là ức, tường thì phải bằng gạch chứ! tôi bèn quyết chí học toán. Sau này mới biết có loại tường bằng đất bùn trộn rơm, lại có loại tường bê tông cốt sắt. Thầy giáo chắc lúc ấy đã là “fan” của Steinbeck, Chandler vân vân. Đã gọi là chụp ảnh thì chụp gì chẳng được, hơn nữa còn phải lang thang khắp hang cùng ngõ hẻm trên thế giới để chụp. Vú hồng, vú thâm, làm tình trên sân khấu, trong khách sạn, trong đầu, ngồi FNAC đọc BD, nằm ngủ lậu một mình trong ga xe lửa chỗ để hành lý (ngủ lậu trong ga tôi cũng đã làm lúc trẻ, nhưng khác: trèo mẹ nó vào một toa xe bỏ trống nào đó, rộng rãi khoẻ ru, có điều một lần không để ý sáng ra nó rực rịch chuyển bánh chả biết đi đâu. Báo hại thằng bé phải vội vã quo cái bị nhảy xuống đường rầy). Nhiều chuyện để chụp lắm. Chẳng hạn: “... Tôi đi lòng vòng bởi vì cái gì dính dáng đến ái tình, dù là ái tình sân khấu, ái tình biểu diễn di chăng nữa tôi cũng không ưa di thẳng. Tôi phải đi ngang một lượt, rồi lại đi vòng trở lại qua. Đô vài bạn, lúc thì giả đò trầm ngâm suy nghĩ, lúc thơ thẩn mạnh dạn nhìn vào rạp, tôi mới suy xét xong địa thế...” (*Ký sự đi Tây*). Chụp ảnh, quay phim phóng sự dù sao cũng có chọn lựa đối tượng thời gian và góc độ, nhưng không dàn cảnh, không giải thích. Nếu phải lý thuyết hoá thì xin phép xếp văn của Đỗ Kh. vào loại “phóng sự nội tâm”, chẳng biết đã có ai làm chưa.

Phóng sự nội tâm của một anh chàng lang thang thế giới, đã đủ khoái rồi. Lại là người Việt Nam Việt kiều thâm niên chính hiệu, còn muốn gì thêm nữa. Cùng thời đại, khác nhau

chùng chục năm thôi còn hiểu nhau được, chỉ khác cái thời tôi lang thang thì chưa có SIDA, chưa có vụ cầm cái bao cao su vẩy vẩy. Ở “tây con” đến vậy cũng hiếm, nhưng nói cho cùng, sex và tình yêu đã có từ ông Adon và bà Èva, có cái nói ra thế nào thôi. Kể ra một con người nhìn đời và nhìn mình kỹ như máy ảnh thì cũng khó chịu thật “...Bảy ngày Chúa cũng chán rồi / Cõ em náo chịu nỗi tội trọn tuần.” (*Chúa nhật, Thơ Đỗ Kh.*). Thế thôi, em không chịu nổi tôi, tôi không chịu nổi em, muốn dấm, thế nhưng, thế là, tình yêu. Tình yêu Việt kiều, tình yêu “tây con”, lúc thì em tây quá, lúc lại quá Việt nam, chắc là hắn cũng thế, chỉ tiếc không đồng bộ. À, bi kịch của những con người có hai nền văn hoá. Hắn bỏ đi lang thang, mười năm sau khi tìm gặp lại thì em đã lấy chồng, sáu tháng sau bỏ nhau, giữa hai người chắc cũng cùng một bi kịch tây-ta. Trước khi gặp lại trong cái đầu hắn hơi mát mad, nhìn ai cũng muôn “bề”. Thế là thế nào? nói thật hay nói chơi? cái thế hệ này phúc tạp thật. Nhưng theo tôi, theo tôi thôi, cái kẻ nhìn tường thấy bên trong có gạch, tôi thích phản ứng này, đoạn văn đó rất tục nhưng rất thanh, âm bản của sự rung động trong trào tinh thần đang cố nhận chìm trong tâm thức. Cũng như tay run run thì thò vào túi tìm bao thuốc, ở thời này có khi lại rút ra nhầm cái bao cao su. Nếu nhại lời Vũ Huy Quang thì sex không giết tình yêu, tình yêu không giết sex (nhưng sex cũng cần chút tình cảm, phải không). Bạn phải đọc cả hai truyện “Mười năm, dàn bà đầu vú thâm” (*Cây gậy làm mưa*) và “Người dàn bà bỏ chồng” (*Không khí thời chưa chiến*). Bạn sẽ thấy gì, bùn khô hay bê tông cốt sắt tôi không bao đảm.

Đọc Đỗ Kh. khoái ở nhiều mặt khác, ở cái sự xáo trộn văn hoá sống động giữa những con người rất “cool” đến từ Trung đông, Armenia, vân vân. Không phải thứ văn hoá “giống như là muối ướt, càng có ít lại càng phải trải rộng (trên bánh mì)” theo như khẩu hiệu của sinh viên Pháp nổi loạn năm 68, không, thứ văn hoá sống, phải đem ra kiểm nghiệm trong dụng độ hàng ngày, lõi mà điển cố nó bất thản tuôn ra trong đầu thì cũng không phải do cố ý, thứ văn hoá “là cái còn lại sau khi đã quên hết”. Cũng có nhiều loại “cool”, loại “phớt ảng lê” thực sự của những con nhà gia giáo, quyền quý, đời cần ta nhiều hơn ta cần đời, đại khái như là tốt nghiệp MIT, Harvard, hoặc Oxford, Cambridge, Sciences Po, Polytechnique vân vân, biết âm nhạc, thể thao, đủ bản lãnh để nói chuyện với thượng vàng hạ cám trên thế giới một cách khiêm tốn và đàng hoàng. Loại lý tưởng (để gả con gái con trai) này, tôi cũng thích, nhưng mà ít gặp. Loại “cool” thứ nhì thì cái thế hệ 70-80 sản xuất nhiều, biến thể của loại một, nghĩa là có văn hoá, nhưng bụi đời, vì các giá trị đảo lộn, nhận thức rằng không những đời chẳng cần ta, mà có lẽ đời đã đá ta nhiều lần. Thế thì đi lang thang, xem cho biết nó ra thế nào, lang thang nhưng chưa ca hát được, “Làm thơ khó bỏ mẹ” (*Thơ Đỗ Kh.*). Nhìn người khác, nhìn mình cùng với cặp mắt rất tinh quái, không bở qua cái gì nhưng chấp nhận với phần nào điều cợt, cái nhìn đó gấp trong những truyện rất hay như “Tubin or not Tubip” (*Cây gậy làm mưa*), như “Niềm vui sở hữu” (*Không khí thời chưa chiến*). Gặp nhau thì rất “cool” để mà thích ứng được với nhau trên những khía cạnh rất cơ bản như là sex, như là thuê nhà sống chung cho rẻ tiền, như là sống, theo cái nghĩa trần trụi là không chết. Thế nhưng, mỗi người vẫn phải mang theo cái nghiệp của mình, như cô Ana (*Anahita, Cây gậy làm mưa*) suốt đời thù người Thổ Nhĩ Kỳ. Như Đỗ Kh. suốt đời phải làm người Việt Nam. Cái chất Việt nam toát ra trong thơ, văn, nhất là ở nhịp điệu, nhất là ở những câu tây ta lẩn lộn. Mặc dù nhiều khi đau đớn chẳng hiểu “thế nào là Việt Nam?”. Cái này, tôi cũng chẳng hiểu nổi. ■

# **đọc sách đọc sách sách đọc sách đọc sách đọc sách đọc**

## Sách về chùa Việt Nam

Nhìn lại, trong vòng vài năm đã bao thay đổi trong nội dung và hình thức sách về chùa Việt Nam.

**M**ới năm 1988 đó thôi, sau bao năm vắng bóng sách về đề tài nói trên, thấy được **Chùa xưa tích cũ** của Nguyễn Bá Lăng, 222 trang, nhà xuất bản Lá Bối in lần thứ nhất tại San Jose, Hoa Kỳ. Màn mạc hương vị “ cuốn theo chiều gió ”. Tác giả “ *tập hợp những bài viết giới thiệu một số danh lam, thắng tích của Việt Nam, đã được đăng trong những tập san Vạn Hạnh, năm 1964 đến 1968, Phương Đông năm 1972 - 1973.* ” (Lời tựa) Và một ít bài viết về sau. Ghi lại “ *nhiều cuộc đi thăm viếng những chốn thắng cảnh, di tích lịch sử trước thế chiến thứ hai* ” Với những hình ảnh do tác giả chụp, hay vẽ, nét thủ bút ghi niêm đại trên một số bức như “ *Thần Quang tự (chùa Keo)... 1934* ”. Tả cảnh, chép lại tích cũ, hội chùa, một số thơ đề vịnh cổ... bằng bạc u hoài lưu luyến : “ *... chuyện cũ dễ bị lãng quên, cảnh cũ bị biến đổi, có khi đến tàn huỷ vì thế cuộc, vì chiến tranh như hồi mấy chục năm trước đây đã từng gây ra... vốn liếng của dân tộc đó mà không được bảo vệ, ghi nhớ để mất, để bị quên đi thì chẳng đáng tiếc lắm sao ?* ” (Lời tựa)

Vào thời đó mà đã xa xôi ấy, chỉ có thể hồi tưởng. Được cùng Nguyễn Bá Lăng hồi tưởng là lấy làm may mắn lắm rồi.

**N**hưng nào ai học được chữ ngờ ! Hai năm sau, 1990, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh in ra **Việt Nam danh lam thắng cảnh Những ngôi chùa danh tiếng**, 284 trang. Nguyễn Quảng Tuân soạn, ảnh Võ Văn Tường, sau một chuyến tham quan các chùa từ Nam tới Bắc. Giá trị văn chương các câu thơ, câu đối chọn lọc, các bài viết gọn, sáng sủa giới thiệu 56 ngôi chùa, làm ta chợt nhớ ra rằng Nguyễn Quảng Tuân là một nhà văn học.

Một ít ảnh màu, ngoài ra mỗi cảnh chùa được minh họa bằng một tấm ảnh đen trắng, to thì khổ 12x8,5 cm, nhỏ thì 8,5x5 cm. Ảnh in còn mờ, nhưng hiểu điều kiện in ấn trong nước năm đó, cầm sách trên tay thấy nặng những cỗ găng để quyển sách khiêm tốn ấy ra mắt bạn đọc.

**C**ũng năm 1990 ấy, một bất ngờ khác là quyển sách nhỏ 169 trang, **Chùa Hoa Thành phố Hồ Chí Minh**, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. Các tác giả : Phan An, Phan Yến Tuyết, Trần Hồng Liên, Phan Ngọc Nghĩa, chủ biên Phan An, hình ảnh Phan Ngọc Nghĩa.

Sách viết không rườm lời mà rõ ràng, sơ đồ bổ sung cho văn tự. Một con số mà không chắc ai ai cũng biết : một nửa số 30 chùa Hoa hiện còn, đã quá 100 năm. Phong thái Hoa, nhưng trên bao lam điện thờ không chỉ chạm khắc đào tiên tuyết lê mà còn hoa quả miền Nam, măng cầu, trái thơm... Phù điêu kể

truyện Trung quốc mà nhân vật cưỡi trâu, chài lưới trong cảnh sông nước đồng bằng Cửu Long.

Lần qua trang sách, khơi lên tâm sự những thế hệ nối tiếp văn nhân gốc Hoa, gởi gắm trên các hành phi, trường, liền :

*Bắc quốc niêm tiền ân, quân thần phụ tử  
Nam triều vi hậu vận, bằng hữu phu thê*

(câu đối ở Minh Hương Gia Thịnh, tạm dịch : Nhớ ơn xưa đất Bắc, vua tôi, cha con ; Dựng vận nay dưới trời Nam, bè bạn, vợ chồng)

Và người đọc chợt nhớ con người ấy đã tô điểm cho văn hoá nước ta với Trịnh Hoài Đức nhà viết địa phương chí, với Ngô Nhơn Tịnh, hai người nổi tiếng văn thơ, đương thời xứng tụng cùng với Lê Quang Định là Gia Định tam gia, và cũng là những công thần triều Gia Long, ghe phen di sứ Trung Quốc. Văn chương, bút tích Trịnh Hoài Đức còn lưu trên hai cột trong chính điện chùa Minh Hương Gia Thịnh.

Qua mươi cảnh chùa, người đọc bỗng nhận thấy mình ý thức sâu sắc hơn rằng chùa Hoa là một nét văn hoá đặc sắc của ta.

**1** 991, chùa Việt Nam được đề cập với cung cách khác.

**1** Như những thắng cảnh du lịch trong quyển **Việt Nam di tích và thắng cảnh** của Đặng Đức Siêu, Nguyễn Vĩnh Phúc, Phan Khanh, Phạm Mai Hùng, Nhà xuất bản Đà Nẵng. Từ trang 28 đến trang 92, mục chữ C, giới thiệu 34 ngôi chùa.

Với lối viết hướng dẫn du lịch maul mực, còn hiếm thấy ở Việt Nam, ngắn, gọn mà đầy đủ thông tin : địa chỉ, đường đi nước bước, lịch sử, những lần và niêm đại tu bổ, những nét chính về kiến trúc, nghệ thuật...

**1** 992, **Việt Nam danh lam cổ tự** của Võ Văn Tường,

**1** Nhà xuất bản Khoa học xã hội - Hà Nội, đánh dấu một phong cách mới. Sách khổ 19x27cm, dày 652 trang, bìa cứng, giấy đẹp, hình lớn chiếm trọn trang, chữ ít, mỗi chùa vài hàng chú thích, bằng bốn thứ tiếng : Việt, Anh, Pháp, Trung quốc. Sau những năm dài khắc khổ, hình màu được dịp khoe hòng phô lục...

Ngôn ngữ nhiếp ảnh thăng hoa, văn tự lui về địa vị tối thiểu, dành lời cho nghệ thuật hình ảnh, ngôn ngữ mà người nước nào cũng hiểu được. Và đương nhiên chấp nhận do giá trị sách bằng nghệ thuật nhiếp ảnh : cách nhìn, cảm xúc, diễn tả...

Xếp sách lại, ta không khỏi băn khoăn tự hỏi phải chăng tác giả mải bôn ba đi thăm “ *hơn 700 ngôi chùa* ”, chụp “ *20 000 pô ảnh* ” nên chỉ đủ thì giờ để thấu kính máy ảnh nháy những tấm carte postale đôi khi đẹp mắt mà chẳng mấy khi tĩnh tâm cho con tim nhìn thấu đến kích thước sâu xa hơn mặt ngoài ?

Nào đâu nghệ thuật người xưa ? Chẳng hạn như tài nghệ thể hiện trọn vẹn được niềm thanh thản của người đạt đạo trên nét mặt và trên toàn thân bức tượng Ja hán chùa Côn Sơn, chắp hai tay như thi lễ với người xem tượng, gương mặt tươi mà bình thản, cặp chân mày hơi nhướn lên cùng với nếp nhăn trên trán hiển hiện lòng ưu ái với người đứng trước tượng, với mọi chúng sinh ; đôi mắt nhắm : nhìn người và nhìn đời chẳng bằng đôi mắt thịt trần tục mà bằng cái nhìn trí tuệ... Những cảm xúc mà nghệ thuật nhiếp ảnh trầm mặc hơn của Lê Thành Khôi truyền được cho người xem.

Khi đã chán chường hàng loạt tượng xanh xanh đỏ đỏ, người đọc không khỏi thầm phục nhận xét của Tanizaki : cái ánh sáng trong không gian nửa sáng nửa tối các kiến trúc cổ của Nhật là một kích thước mà nghệ nhân xưa biết sử dụng thẩn tình. Chính trong ánh sáng mù ảo đó mà bóng dáng cách điệu các bức tượng thấp thoáng chợt loé lên chợt tắt đi, tạo cảm

xúc linh thiêng huyền bí cho người chiêm ngưỡng. Và ta thầm thia lý do vì sao các vị Phật, các Bà Dâu, Bà Dàn, Bà Tướng nghìn xưa cổ kính bỗng trở nên trơ trọi lả, khi lộ liễu dưới ánh đèn neon, khi bị sunlight nhiếp ảnh phơi trần !

Về một số hình ảnh của Nguyễn Văn Ký, Phạm Ngọc Long trong quyển **Chùa Việt Nam**, 401 trang, Nxb Khoa Học Xã hội, 1993, những nhận xét trên vẫn còn đúng. Nhưng nơi đây còn có ảnh thu được nếp thanh tịnh của cảnh chùa, diễn tả được không khí ngày hội, và nhiều tấm về mặt tư liệu có giá trị hơn của Võ Văn Tường. Chú thích đầy đủ hơn, nhưng số lượng 34 ngôi chùa ít hơn hẳn con số 171 trong **VN danh lam cổ tự**.

Phần lớn giá trị quyển sách nằm ở bài *Chùa Việt Nam* của Hà Văn Tấn. Một cái nhìn bao quát toàn thể vấn đề. Phần đầu, *Một cái nhìn chung*, về kiến trúc về bài trí tượng thờ, rõ ràng mà không sơ lược.

Phần hai, *Chùa Việt Nam trong các thời kỳ lịch sử* mang dấu ấn nhà sử học, vạch ra những nét phát triển của chùa chiền và Phật giáo Việt Nam theo dòng lịch sử, từ những buổi ban sơ khi "... đặt bàn thờ Phật vào các đền thờ Tứ Pháp, tức các đền thờ nữ thần nông nghiệp đã có từ trước. Và đến lượt, các nữ thần này được Phật hóa, trở thành các Phật Bà...". Thành quả các công trình nghiên cứu suốt mấy chục năm nay, các dữ kiện khảo cổ mới phát hiện trong vòng hai mươi năm gần đây (như di chỉ Tháp Nhạn đời Tuỳ Đường ở Nghệ An, cột kinh ở Hoa Lư, di chỉ chùa L้าm đời Trần trên đảo Thừa Công ở vịnh Báu Tứ Long...) được cô đúc nên những nhận định, những giả thuyết, những câu hỏi xác đáng. Đặc sắc !

Phần cuối dành cho " *ngôi chùa đang sống thật sự giữa các cộng đồng làng xã Việt Nam* ". Lời văn còn được minh họa bằng những tấm ảnh chụp trong vòng ít năm gần đây. Người xem có cảm tưởng được hoà mình trong đám " Trẩy hội chùa Láng năm Nhâm Thân (1992) " ; tuy nhiên nhìn tấm " Ngày hội chùa Lim " (tr. 78) không khỏi thắc mắc : hội thật hay chỉ là văn công đóng trò ?

Toàn bài chiếm có 82 trang. Sách hay chẳng luận viết dài !

**Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919**, Nhóm biên soạn : Ngô Đức Thọ (chủ biên), Nguyễn Thuý Nga, Nguyễn Hữu Mùi, Nxb Văn Học, 1027 trang, Hà Nội 1993.

Truyền thống " *đăng khoa lục* " ghi chép những người đỗ đạt qua các khoa thi thành đỗ có từ xưa, *Toàn thư* chép năm Hồng Đức thứ 15 (1484) triều đình sai ban sách **Đăng Khoa lục** cho các học sinh ở Quốc tử giám. Dựa vào các tư liệu khoa cử đó, nhóm biên soạn làm ra bộ " *Từ điển các nhà khoa bảng Việt Nam* " này (tr. 40). Công việc kiểm điểm, so sánh thư tịch Đăng khoa lục – chưa ai làm một cách đầy đủ và nghiêm túc như lần này – được trình bày trong lời nói đầu dài 50 trang " *Tổng quát về các khoa thi hội và các tài liệu đăng khoa lục đại khoa* ". Biên soạn có nhiều điểm nghiêm chỉnh : đối chiếu các nguồn tư liệu đăng khoa lục với các tài liệu ghi chép danh nhân địa phương, các bia tiến sĩ, có dị đồng dùng ký hiệu riêng để " *bảo lưu thông tin văn bản và tiện cho người đọc kiểm tra khi cần nghiên cứu* " và ghi rõ xuất xứ mỗi khi tra cứu thêm các bộ quốc sử về hành trạng nhân vật lịch sử (tr. 41). Địa danh xưa cũng được quy ra tên gọi làng xã ngày nay.

Khai thác Đăng khoa lục, quyển sách giữ nguyên lối trình bày các tài liệu xưa này : theo thứ tự thời gian các khoa thi và thứ bậc cao thấp trong mỗi khoa. Nhưng phải chăng vì ý định làm " *từ điển* " hay/và vì đã có những " *phiếu* " làm từ lâu về

mỗi cá nhân cho nên có sự nhắc đi nhắc lại năm đỗ những người cùng đậu một khoa ?

Máy vi tính cũng đã được sử dụng (tr. 43), xem mặt chữ thì đoán là các chữ Hán do máy vi tính viết ra. Thấy vậy không khỏi lấy làm tiếc rằng tham vọng làm " *từ điển* " không nhân khả năng máy vi tính mà triển khai thêm các đầu vào khác hơn là vốn vẹn chỉ có theo thứ tự thời gian và theo thứ tự a, b, c... kèm theo danh sách các vị tam khôi cùng thống kê các khoa thi tiến sĩ và tương đương.

Dẫu sao **Các nhà khoa bảng Việt Nam** cũng là một tài liệu tốt về 2896 người đã chiếm những học vị cao nhất suốt 10 thế kỷ khoa bảng. Triều này qua triều khác đài ngộ trọng hậu. Lê Quý Đôn đã từng nhận xét : " *Bản triều từ lúc trung hưng đến nay, đối với người đỗ khoa Tiến sĩ đài ngộ rất hậu, bố dụng rất cao...* ".

Xếp sách, điểm lại những nhà trước tác trong số gần ba nghìn vị đỗ đạt hiển vinh này, ta không khỏi bâng khuâng tự hỏi có gì liên quan giữa việc trọng vọng đài ngộ và hiện tượng tắc nguồn sáng tác hay chăng ?

**Văn khắc hán nôm Việt Nam, tuyển chọn - lược thuật**, nhóm biên soạn : Lâm Giang, Mai Xuân Hải, Đỗ Thị Hảo, Nguyễn Quang Hồng (chủ biên), Hoàng Lê (thư ký), Ngô Thế Long, Nguyễn Tá Nhí, Ngô Đức Thọ, Đinh Khắc Thuân, Nxb Khoa học Xã hội, 1142 trang, Hà Nội 1992.

Mô tả và lược thuật gần 2 000 văn bản khắc vào bia đá, chuông đồng, biển gỗ được chọn lựa từ hơn 12 000 đơn vị.

Cố nhất là bia tạo năm 618 đời Tuỳ ở đền làng Trường Xuân, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá, mới nhất bia đê năm 1974 ở nghĩa trang Thọ Nhì An thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Sắp xếp theo 6 phần : a) đình (kể cả hội quán) b) chùa c) đền miếu (kể cả am thờ và đạo quán) d) lăng mộ và từ đường e) văn chỉ và vũ chỉ f) chợ búa, cầu đờ, hang động và vách núi. Kèm thêm các bản sách dẫn và phụ lục khá tiện lợi : 1) sách dẫn niên đại 2) sách dẫn nhân danh bao gồm tên thật, tên hiệu, tên gọi theo chức tước, học vị... của các nhân vật chủ yếu được ghi ở các bản văn khắc 3) sách dẫn di tích cho biết nơi tồn tại hoặc lưu giữ các đơn vị văn khắc được mô tả và xếp số thứ tự trong sách 4) bảng kê các chữ kiêng huy 5) nguyên văn các bài thơ chữ nôm.

Sách được giải thưởng in đẹp năm 1993. Và là một tài liệu tham khảo. Lần đầu trang sách, người đọc có thể tìm thấy nhanh chóng nhiều điều thú vị về phong tục, về xã hội đời trước. Chưa kể rằng con cháu các cụ vẫn hay chữ tốt nói tiếng một thời – mà không ngại câu " *khôn văn tế đại văn bia* " – còn có thể bất ngờ tìm ra được trong quyển sách này một số văn bản của tổ tiên mà ngay giờ phả cũng không biết tới.

Tuy nhiên không khỏi lấy làm tiếc đôi chỗ sai sót trong một tư liệu có tính chất gần như một từ điển : ví dụ như tại số 1255, bia đền Độc cước, Đặng Huy Trú soạn, tên chữ Hán của ông nhầm thành Trần Trí Thuận, trong khi tại số 1254 cùng một soạn giả, người viết chữ là Trần Trí Thuận thì tên chữ Hán ông này viết nhầm ra Đặng Huy Trú ; số 1445, Phạm Phú Thứ *thần đạo bi*, do Nguyễn Tư Giản soạn thì trong sách dẫn nhân danh sau tên Nguyễn Tư Giản đáng lẽ ghi số 1445 lại lầm ra số 1435 là bia do Miên Thẩm soạn kể tiểu sử bà Thục夫人 vua Minh Mạng, không liên quan chút nào đến Nguyễn Tư Giản... Mong khi in lại sẽ không còn sót lầm lẫn nữa.

Nguyễn Thắng

# Cố Điện\*

Hoàng Xuân Hãn

Sau khi phong trào cản vương nổi dậy, bộ đội Pháp ở Bắc-kì, bấy giờ mạnh, tự cảng đáng bình định các miền thượng và trung du. Còn vùng Hải-dương, Bắc-ninh thì mượn thêm tay quan lại “ báohộ ”. Vì vậy mà Hoàng Cao-Khai, hàm chỉ mới đến tam phẩm (ánsát), mà được quyền sung chức tổng đốc Hải-dương, rồi tổng đốc Bắc-ninh, để dẹp phong trào văn hán vùng đồng bằng. Khi Nguyễn Hữu-Độ mất, vì Hoàng hàm bé quá, cho nên Đồng-khánh phải cho Trần Lưu-Huệ, tổng đốc Sơn-Hưng-Tuyên tạm quyền kinh lược Bắc-kì. Hoàng Cao-Khai mới được trao chức này từ ngày 15.8.1889, và lập “ võ công ” to là đã chiêu hàng được hai chúa tể đối địch : Đốc Tít (Nguyễn Đức-Hiệu) tại vùng Đông-triều, ngày 18.8.1889 ; và Đội Văn tại vùng Bắc-ninh ngày 20.3.1889. Cao-Khai là một nhà văn học, hiểu rõ rằng võ công thường nhờ mưu kế và vantừ dỗ dành người. Tính y cũng ôn hòa, cho nên không tàn ác như Nguyễn Thân trong khi dụng võ. Người Pháp cũng biết vậy. Toàn quyền Lanessan đã bảo y viết thư dỗ hàng người đồng làng và thàn cận là Phan Đình-Phùng. Vào tháng 10 năm Giáp-Ngo (tháng 11.1894), y nhờ em vợ, Phan Đình-Mân, mà cũng là anh con bác Phan Đình-Phùng (tên Mân đây theo sách **Phan Đình-Phùng** của Đào Trinh-Nhất, nhưng giaphả họ Phan chỉ chép tên hai em bà Thị-Điểu là Đình-Đàm và Đình-Nhu ; có thể một người đã đổi tên), mang một bức thư của mình gửi cho bạn cũ. Lời thư dỗ hàng dài, rất khéo. Y nhận việc làm của cụ Phan là phải ; ai cũng phải khen, kể cả người Pháp. Toàn quyền Lanessan cũng vậy, cho nên đã bảo mình viết thư lên khuyên bối chiến, và hứa hậu đãi an toàn. Tuy y không dám đưa những khái niệm thúc thởi, thực tế ra mà nói, nhưng y cũng hỏi lóng rằng “ Songle thời cuộc gần đây đã xoay xở ra sao, xin thử hỏi sự thế có làm được nữa hay không ? ” Nếu kéo dài kháng chiến thì giadinh, nhândân, xúsở tantanh. Trung hiếu cũng không đạt được.

Tự nhiên cụ Phan từ chối. Lời đáp ôn tồn nhã nhặn, nhưng chuachát, khiến Hoàng mất thể diện đối với mọi người. Đại ý nói : Vua gọi ra và giao việc cản vương ; không nghe lệnh và không cứu dân khỏi vòng nô lệ thì bất trung. Còn sự để huynh đệ tốt tiên, tàn phá gia đình, thì nếu không chống lại, ắt cả toàn dân sẽ bị khốn. Cụ lại chỉ trích những kẻ theo Tây, rằng nhândân bị khổ không chỉ tại chiến tranh, mà cốt tại những kẻ thừa nhục để vạ cho dân để vinh thân phì gia. Cụ lại đem quan niệm đạo nghĩa duy tâm, chơi lại quan niệm thiết thực duy vật của Hoàng : Trung-quốc giàu mạnh hơn ta và ở kề ta, mà không nuốt nỗi nước ta, huống chi quân Pháp ít, nước Pháp xa. Ta giữ được nước vì biết giữ lòng trung hiếu và kính Trời đã dành đất ta cho nhân dân ta. Kết luận bằng câu hỏi mà Hoàng, một bạn khoa cử, không thể trả lời được : “ Cố nhân nên lấy tâm sự và cảm hưng độ tôi, thử đặt mình vào mà suy nghĩ nên phải làm thế nào ? ”

\* Tiếp theo **Điển Đàn** số 27 (1.2.1994) 28 (1.3.1994) và 29 (1.4.1994)

Lúc tôi bé, còn nghe cha tôi nói : đã nghe chuyện Hoàng hối hận sau khi thấy Nguyễn Thân được khâm sai ra đốt xác cụ Phan và chém giết đáng nhẫn tại quê mình. Hình như y đã nói : “ Nếu biết thế, thì mình đã nghe lời Tây (Lanessan chẳng ?) về ép Cụ ra mà cứu bà con.”

Sự thật là Hoàng Cao-Khai thông minh, khôn khéo, không hề có ý dẫn quân Pháp về dẹp Cần-vương ở Trung-kì. Vả sau khi nhận thư của cụ Phan, Hoàng không còn thể diện nào về giữa văn hán Nghệ-Tĩnh. Sau khi Pháp bãi bỏ chức kinh lược Bắc-kì, Hoàng Cao-Khai được đưa vào Huế giữ chức phu chánh thứ hai, dưới Nguyễn Thân là phu chánh thứ nhất. Hai người rất ghét nhau. Người ta kể chuyện rằng : tại Huế, Nguyễn Thân đã sai người chúc đón xe Cao-Khai đi về qua cầu Trường-tiền, lúc đầu ban tối, để đâm chết ; nhưng nhờ trăng sáng mà những hộ vệ Cao-Khai đuổi được lũ sát nhân. Về sau, Nguyễn Thân trở về quê, làng Thạch-trụ (Quảng-nghĩa), rồi phát bệnh điên (người ta bảo rằng vì quả báo) mà mất (18.9.1914). Hoàng Cao-Khai có gửi câu đối điếu, ngũ ý chuyện này. Phần cuối hai vế là :

“ ... Thạch-trụ vẫn yên không diễu diễu ;  
... Trường kiều phong nguyệt thượng y y ”

nghĩa là núi làng Thạch-trụ mây khói bốc cao ngang ngút ; ... Cầu Trường-tiền (cũng có nghĩa là cầu dài) gió trăng còn như cũ.

Cao-Khai không gây oán thù tại quê hương ; trái lại còn che chở cho nhiều người đồng quan khỏi bị Tây bắt. Cho nên dân huyện La-sơn vẫn đứng vững trước thành công phú quý của y tại xứ Bắc : tước quan công, chức khâm sai, sắc cấp Thái-hà, hai con thượng thư : Hoàng Mạnh-Trí tổng đốc Nam-định, Hoàng Trọng-Phi tổng đốc Hà-đông. Trái lại, sếp Bối-kì giữ lòng khinh khi người tham vọng. Dương Bá-Trạc, trong thơ mừng tuổi thọ, đã mỉa mai :

“ Con cái một nhà hai tổng đốc ;  
Tây Nam hai nước một trung thần ”

Câu sách thì “ Trung thần bất sự nhị quân ” nghĩa là trung thần không thù hai vua. Khi y mất (1933), có nhosophi tinh Hung-yên cũng điếu, mỉa mai như vậy (theo **Tự điển nhân-vật lịch-sử Việt Nam**) :

“ Ông ra Bắc là may ! Chức Kinh lược, tước Quận công, bốn bề không nhà, mà nhất nhỉ ! ”

“ Cụ đi Tây cũng tiếc ! Trong Triều đình, ngoài Chính phủ, một lòng với nước, có hai đâu ! ”

Trong phái chống Pháp ở Huế, có hoàng giáp thượng thư Nguyễn Phiên, quê làng Liên-bạt, gần phía Tây Hà-nội. Con trai ông là Nguyễn Thượng-Hiền, sinh năm 1866, đậu cử nhân năm 19 tuổi (1884). Năm sau đậu hội, và đàng đậu đinh nguyên năm 20 tuổi. Xẩy ra việc Hàm-nghi bỏ Kinh thành, cho nên chưa kịp treo bảng thi đình. Thượng-Hiền lại là rể Tôn-thất Thuyết. Cho nên không được thi lại khoa hội năm 1889. Đến năm Thành-thái thứ 4 (khoa Nhâm-Thìn 1902) ông mới được phép thi trở lại. Bấy giờ vẫn trẻ, 27 tuổi ; ông đậu Hoàng giáp như cha, nhưng lần này, phải nhường thú vị đinh nguyên cho một chàng trai tuổi khác là thám hoa Vũ Phạm-Hàn. Thượng-Hiền bấy giờ đã chán quan trường trong chính thể Bách-hộ. Ông giao du với những danh sĩ có óc chính trị như Phan Bội-Châu. Nhưng vì cha còn, cho nên ông không nhập đảng gì, chỉ vui thú với văn chương, cho đến năm cha mất 1907. Bị tình nghi, ông phải trốn sang đất Thanh, bỏ lại giadinh ; và có gởi cho Cố Điện hai mẹ con bà vợ bé. Bị

đe dọa bởi mật thám Pháp, Phan Điện bèn lánh ra Bắc, ngồi dạy học, cất thuốc ở Cầu Đơ, tức thị trấn Hà Đông buổi sau. Cũng như một số người cựu đảng Cần Vương, ông ra dựa tiếng người làng cự Quận, khỏi bị tai trinh thám tòmò.

Hoàng được một lũ quan lại nịnh bợ, nhưng cũng biết rằng những nhوس chanchính chê và ghét mình, cho nên cố làm những việc có tính cách " ái quốc "; ví như trùng tu Quán Trần-vũ (Chùa Quan-thánh), bảo các thuộc hạ làm thơ vịnh và khắc biển treo trong quán. Từ khi được ban đất phong tước, y lập ra ấp Thái-hà (nhắc tên làng và tinh minh), xây dinh Kinh lược để ở. Y không quên rằng Hoàng Diệu đã tự ái trước đền Trung thần trong thành cũ Hà-nội. Y sai xây đền lại gần ấp Thái-hà và gò Đống-đa, đặt tên mới là miếu Trung liệt, thờ riêng ba vị liệt sĩ chống ngoại xâm Pháp : Nguyễn Tri-Phương, Hoàng Diệu và Nguyễn Cao. Nguyễn Cao, nguyên ánsát Thái-nguyên, theo Cần Vương chống binh đội Pháp. Bị thương ở bụng, và bị bắt đem về Hà-nội, được đưa vào nhà thương chữa ; nhưng ông mòi bụng, kéo ruột ra mà chết. Cao-Khai sống khá già dặn, tự xưng Thái-xuyên Hữu-tầu (ông già về nghỉ hiệu Thái-xuyên), hội những văn nhân như cụ Tam Nguyện Nguyễn Khuyến, để ngâm vịnh. Y làm thơ Hán và nôm vịnh sử và viết sách. Sách Việt sử yếu, bằng Hán văn, dừng lại cuối đời Lê ; tuy chỉ là để phổ thông, nhưng đối với đương thời, cũng có nhiều ý mới.

Tuy có kẻ nói ông có lúc được " vinh qui bái tổ ", nhưng theo tôi nghe biết thì ông không hề dám về quê hương. Nhưng vốn là vần La-sơn, ông chắc cũng có lòng quyến rũ. Cha tôi kể chuyện : một hôm có thầy đồ Nghệ tới dinh Thái-hà, xin yết kiến cụ Quận. Cụ khăn áo chỉnh tề, tiếp ở tú thất. Ông đồ thưa : " Tôi ra dạy học ngoài này đã lâu. Làng quê tantanh vì loạn lạc. Tôi nhớ quê Kẻ Hạ (Việt-yên-hạ), nay muốn về thăm. Biết Cụ lớn cùng quê, tôi tới xin Cụ lớn giúp. " Bất ngờ cho nên dodụ một chốc, rồi Cụ cười bảo : " Hãy làm thơ từ cảnh vịnh con chim hoan của tôi kia, để xem tài ông đồ Nghệ ". Ông đồ xin bút giấy, rồi viết, trình lên bài sau :

" Hoan, ai vẽ ra mi ? (Hoan là vẽ ; mi nghĩa là mày với mày)  
Sắc mi cũng đẹp, hót thì cũng hay (Hót, có nghĩa là nịnh)  
Ai đưa mi đến chốn này (ám chỉ Hữu-Dộ)  
Nước trong, gạo trắng, ngày ngày mi xơi  
Lồng son, ống sứ thảnh thoái (ám chỉ bị nô lệ sang trọng)  
Mi bay, mi nhảy, sướng đời nhà mi ! (bay nhảy là cùi chỉ làm quan)  
Khen cho mi cũng gấp thì  
Rừng Sâu, mi có nhớ gì nữa không ? " (ám chỉ Phan Đình-Phùng)

Mới liếc qua, Cao-Khai liền hiểu ý. Tái mặt, cười nhạt, rồi móc tiền, tiễn ông đồ về quê. Lúc lón lên, tôi hỏi Cố Điện có phải Cố đã làm bài ấy không ? Cố chỉ cười, không đáp. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng tuy tác giả cũng là một ông đồ Nghệ, nhưng vào thế hệ trước Cố.

Còn chuyện tôi sắp kể, chắc liên quan đến Cố. Miếu Trung liệt mà Cụ Quận đã xây lại, sau được đổi tên là Trung lương (Trung thần và lương tuong). Có lẽ bởi kẻ nịnh bợ họ Hoàng muốn sau này có thể thử thêm vào đền ấy cụ Quận coi như là một nhà cai trị giỏi (Chữ Tường đây là tết luong), cũng như Nguyễn Hữu-Dộ khi trước có đền Sinh-tù ở Hà-nội. Hồng-Liên và Đông-Tùng trong sách Một gia-dình Cách-mạng (Sài-gòn 1970, trang 82) kể chuyện rằng ông đầu xuôi Điện (có lần thi với các trò trong tỉnh, được đứng đầu) có đề vào tường bài thơ rằng :

" Các cụ liều thân bỏ chiến trường

Ai đem Trung liệt đổi  
Trung lương

Thờ bên trung trực, bên  
gianniinh

Thế cũng đền dài, cũng  
khỏi hương

Thơm thoảng lẫn nhau, mùi  
tắc họng

Ngọt ngào giảo đổi, lưỡi  
không xương

Nhà Nho lại có thằng nào  
đó

Luôn cúi vào ra bợ cụ  
Hoàng "

Vợ cả Cao-Khai, Phan Thị-Điểu, là chị con bác Cụ Đình. Bà sinh hai trai. Con đầu Mạnh-Trí, làm quan đến tổng đốc Nam Định, nhưng vợ và con cả ở lại trong làng. Con thứ, Trọng-Phu cũng cưới vợ họ Phan, con em gái cụ Đình ; nhưng khi vợ vừa có mang, thì y theo cha ra Bắc không trở về làng nữa. Mạnh-Trí theo nho học, thi đậu tú tài năm 1894, cử nhân 1897, lúc 24 tuổi. Cha cho theo học với các danh họa, vì muốn trong họ

Hoàng cũng có đại khoa. Nhưng người ta nói rằng các nhós Trung-kì ghét Cao-Khai cho nên con bị đánh hỏng. Trọng-Phu vì có Tây học, cho nên làm tổng đốc Hà Đông suốt cả đời quan. Còn Mạnh-Trí chỉ học chữ nho, cho nên, mặc dầu cha làm Kinh lược, cũng phải đợi lâu, mới lên chức tổng đốc Nam Định. Chỉ có ông về châm nom từ đường và dinh thự cụ Quận ở làng Đông-thái. Trong hơn 20 năm đầu thế kỷ 20, nhân dân La-sơn vẫn giữ thái độ thản nhiên đối với thân nhân cụ Quận. Vào khoảng năm 1922, 1923, xảy ra một chuyện, đối với ngày nay, thì không quan hệ ; nhưng vào buổi ấy, đã làm dao động dư luận đối với họ Hoàng. Vào năm ấy, bắt đầu xây dựng đường hoả xa Vinh - Huế. Hai cầu lớn gần nhau khởi công : cầu Yên-thái trên sông Cả, cầu Chợ Thượng trên sông La. Chợ Thượng vốn là nơi phồn hoa trong những ngày



Hoàng Cao-Khai và con thứ, Hoàng Trọng-Phu

phiên chợ. Với cùacái mọi nơi dở về, với nhânvật lịchsự mọi nơi kéo tới, Chợ Thượng bấy giờ thành chốn lịchsự ăn chơi, trên phô dưới thuyền. Gần cạnh phía Nam có làng Nghĩa-yên, nổi tiếng là sinh con gái đẹp. Làng đạo Datô. Các linh mục Pháp tới đó đã lâu đời. Dân thường bảo rằng nước da ngà của con gái Nghĩa-yên là nhờ ảnh hưởng những bức tranh các thánh ! Đang buổi ấy, một cựulítrưởng làng, cố Cựu Tri, có con gái, cô Năm, chưa chồng và nổi tiếng đẹp. Ai tới Chợ Thượng cũng tìm xem mặt cô. Gần cạnh phía Bắc có làng Yên-thái, có dinh Cụ Quận. Đến mùa hè, các cháu Cụ, cậu Đức, cậu Mô về quê thăm mẹ, thăm anh và hưởng thú mát của sông La-giang, núi Thiên-nhẫn. Các cậu có chiếc thuyền nhỏ để đi chơi và ngủ mát trên sông. Danh và sắc cô Năm Tri không thể không lọt vào tai mắt các cậu. Chợ Thượng dễ làm nơi, trước thì gắpగ, sau lại hẹn hò. Cuối cùng Cố dandiu với cậu Mô và chịu xuống thuyền cùng Cậu ngắm trăng hóng gió. Ở chốn quê, không chuyện gì dấu được. Dân quê tòmò mà lại thích châm biếm những kẻ có quyền hành. Không baolâu, trong huyện La-sơn, đi đâu cũng nghe những trai chăn trâu, những gái đi chợ, hát một bài về châm biếm. Lúc ấy, tôi còn ít tuổi ; mùa hè về nghỉ ở làng cách Chợ Thượng hơn 10 cây số, mà cũng được nghe hát và học theo. Lâu ngày tôi không nhớ hết, nhưng cũng nhớ ít nhiều câu, đủ nhắc lại chuyện này :

“ Nay ngồi gâm nhântinh thếcố  
Nực cười thay ! Phong thoả Nghĩa-yên (tên làng)  
Có nhà phúc đức vẹn tuyền  
Phong lulu phúchậu tiếng truyền mọi nơi  
Người vốn lại là người bỗn đạo (đạo Datô)  
Cố Cựu Tri danh hiệu rõ ràng (cựu lít rưởng)  
So bồ đài các cũng sang  
Trai thua Đậu Quế, gái nhường Tạ Ban (nghĩa : chủ thua những họ lớn)  
Bàn trà rượu nhà Ian sực mực  
Cũng là người tân túc cưng giao  
Nhớ nhơ một đoá yêu đào  
O Năm là gái mĩn miều thanh tân  
Trải mấy độ mưa xuân nắng hạ  
Nghĩa thân Cố đáng giá nghìn vàng  
Lại thêm nghiên bút thư hương  
Theo đòi nhiều ít với phường nghĩa quan (thầy có khoa cử)  
Thương ôi nỗi hồng han bạc phận  
Ép mặt hoa má phấn giòn mà  
Để cho ong bướm vâng lai  
Kẻ bàn thunguyệt, người nài xuân phong  
Cũng có kẻ văn phòng nho nhã  
Tôi vườn đào kiếm quả tìm hương  
Thư di tờ lại thường thường  
Lấy điều trà lá làm đường vâng lai  
Lại có kẻ chú cai thiền phán (Đồn Linh-cảm gần đó)  
Cũng tìm người kết bạn trăng hoa  
Nào người lục lộ hoả xa  
Cùng nhau cản tiễn trẻ già giàu sang  
Ở gần cạnh có làng Cụ Quận...

Tôi quên một đoạn dài, mà câu cuối này cũng không chắc. Nhưng độc giả cũng đoán rằng đoạn quên ấy kể chuyện tình duyên ngoại lệ giữa cô gái thôn quê và một công tử Hà thành vừa là cháu cụ Quận công người cùng tổng. Cuối cùng, tác giả đem luân lí ra dạy cả hai bên :

“ Mua thuyền về mà chơi cho chán  
Chơi chán rồi lại bán thuyền đi  
Ai về nhẫn cố Cựu Tri

O Năm như rứa (thế) trách gì cậu Mô !  
Chuyện trò kể mấy bồ cho xiết  
Trách mẹ cha không biết dạy con  
Sinh năm để bảy vuông tròn  
Chồng loan vợ phụng tiếng đồn ngợi khen  
Ở gần Cụ (cụ Quận) cũng nên uý cụ (sợ)  
Gần Cố (Cố đạo = linh mục) nên cõi thủ một lòng  
Lạ cho con giống của dòng  
Ra điều gái chợ trai đồng khổ coi... ”

Người trong xú tuổng tác giả bài này là Phan Điện, nhưng lầm. Văn Cố Điện cùcxúc, chứ không hào hoáng như văn bài này. Vả chính Cố cũng khẳng định điều ấy. Đây chắc cũng bởi một nhosū trong huyện làm ra. Trong hạt, Cố Điện không phải người độc nhất trong trường thanh lịch.

**D**ến lúc Hoàng Mạnh-Trí về hưu, trở về làng Đông-thái ở, dinh Cụ Quận mới có vẻ trang nghiêm. Nhà cửa được trang hoàng, vườngtược xây tường vây kín. Cửa vào vường dựng sát bờ sông La, sát đường cái rất thông hành. Cửa được quét vôi lại ; tê câu đồi hai bên những lối vào. Ngang trên cửa, cụ Thượng đề bốn chữ : DAI VĀNG TIĒU LAI (Lớn đi nhỏ lại). Những kẻ nho học biết rằng đó là “ chữ liền ” trong Kinh dịch. Tuy không trả người ta đi lại ngoài đường trước cửa hay ra vào qua cửa, nhưng một câu sách thích hợp khéo chọn đủ tỏ rằng chúnhan thuộc làng Nho. Những người tinh ý thì nhớ rằng bốn chữ ấy trả quẻ Bỉ gồm quẻ Càn (dương) ở trên và quẻ Khôn (âm) ở dưới : dương hết âm thay, điểm là xấu, là xui. Họ nghĩ : “ Thế mà Cụ không biết ! ” Kẻ bênh Cụ, lại nói : ai chẳng biết “ Bỉ cực Thái Iai ” (quẻ Bỉ xấu hết, thì quẻ Thái tốt lại), mà Thái là tên làng Đông-thái, hiệu cụ Quận là Thái-xuyên. Qua cửa này vào là khỏi Bỉ rồi gặp Thái. Còn cố Điện, tính ngang tàng, lại ghét Hoàng Mạnh-Trí. Cố chọc tức bảo : “ ĐẠI là đại tiện, TIỀU là tiểu tiện ; văn biển có nghĩa rằng : kẻ muốn đại tiện thì đi đây, kẻ muốn tiểu tiện thì lại đây ”. Ai nghe cũng bật cười mà sợ Cố.

Hoàng Mạnh-Trí là một người nghiêm nghị, một ông quan nghiêm khắc. Lúc đang làm quan đã phạt đánh em rể và phạt tiền ông thông gia mình. Lúc về hưu, ở trong làng quê, đối với vănthân, cũng không mềm mỏng. Sự cám túc nhất là họ Hoàng không có đại khoa, mà ban chúa tể nhà Thánh (nhà thờ Khổng-tử) trong tổng chỉ gồm những khoa mục ít nhất là phó bảng. Các nơi khác thì chỉ cần tú tài, hay đầu xú, đầu phủ, đầu huyên cũng đủ làm trưởng ban. Có lúc, cụ Thượng cầu lên, đòi đốt nhà thờ Vănthánh, và chửi bới kẻ đại khoa. Cố Điện, ra ngucu ở Bắc, có lúc về quê ; nghe kể những chuyện cụ Thượng ; lại biết khi Cụ làm quan thì, vì không biết tiếng Tây, cho nên Cụ sợ các “ quan Tây ”. Cố bèn làm bài thơ chênh lệch sau :

“ Điện ở Hà-dông mới lại nhà  
Nghe đồn Cụ Lớn thật chưa ngoa  
Lửa tâm dạ đốt toà Vănthánh  
Xuống miệng toan đào mà Đại khoa  
Ba chục thí cho con bố vợ  
Bảy mươi dành phạt cụ thông gia  
Đã hay Cụ Lớn thường hay quâu (cào cấu)  
Quâu được Tây đau mới gọi là ”

“ Tây đau ”, nói lái lại thành Tau dây, tiếng Nghệ-Tĩnh nghĩa là : tao dây, lời khinh mạn.

(xem tiếp trang 32)

# Làng của danh nhân

truyện ngắn của

NGUYỄN KHẢI



## 1

Ở làng Bồng Trung, còn gọi là Đông Biện, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, có hai nhân vật chống Pháp rất nổi tiếng, được ghi trong quốc sử là ông Tống Duy Tân và ông Lê Văn Điểm. Tổ tiên người làng Bồng là dân tú xứ tới dắp thành Tây Giai cho ông Hồ Quý Ly từ thế kỷ thứ XIV. Thời ấy mới chỉ là một xóm nhỏ sống nhờ một rèo đất phía đông làng Biện Thượng, còn gọi là Báo, đất phát tích của các chúa Trịnh sau này. Thời Lê Trung Hưng hai làng Bồng – Báo được xem là đất quý hương, trai tráng trong làng kéo nhau lên kinh đô, đăng lính nhà Chúa, thường gọi là lính Tam Phủ, là quân bất trị, thay vua đổi chúa ngạo ngược một thời. Chỉ bằng con mắt phàm tục mà nhìn ngắm cũng đủ biết kiểu đất ở đây dữ dằn và rất đẹp. Một bên là sông Mã, một bên là núi non trùng điệp, núi Phượng, núi Hùng Linh, núi Bền, núi Ngọc Linh. Bên kia núi là các huyện Cẩm Thuỷ, Bá Thước, Quan Hoá, rồi sang đến đất Lào. Trò chuyện về lịch sử từ đời Hậu Trần trở lại đây với những người có tuổi ở hai làng Bồng – Báo, cứ như nghe chuyện riêng trong một gia tộc. Vì tổ tiên của họ là Nguyễn Kim, là Trịnh Kiểm, là phó tướng của Trần Khắc Chân, là thượng tướng của Lê Lợi. Và cả Đỗ Phú, tri huyện Lương Giang, ra làm quan với nhà Minh, kẻ tử thù của Lê Lợi về chuyện đất cát mồ mả, cũng có một dòng con cháu ở làng Bồng.

Trung và nịnh, địch và ta, cháu chắt họ lại lấy nhau, thành bà con ruột thịt, ngày giỗ kỵ ồn ào kéo nhau đến các nhà thờ họ, quì vái khấn khứa, quên hẳn những bất đồng, những đối địch của một thời.

## 2

Bà mẹ ông Tống Duy Tân lúc mang thai ông đi chợ Kênh Thuỷ, buổi chiều về qua cây gạo Đồn, thấy hai đứa trẻ, một đứa mặc áo xanh, một đứa mặc áo đỏ đang vật nhau. Bà đứng lại can thì cả hai đứa đều hỏi : “Bà có nuôi bọn cháu không ?”. Bà trả lời : “Cơm gạo đâu mà nuôi được cả hai”. Lại hỏi : “Bà muốn nuôi đứa nào ?”. Bà đáp : “Tao nuôi thằng áo xanh”. Thằng áo đỏ có vẻ buồn, hỏi tiếp : “Vậy ai nuôi cháu ?”. “Tao sẽ bảo một nhà trong xóm đón may về”. Bà về đến nhà thì trở dạ, vẫn còn hỏi : “Cái thằng áo xanh theo tôi đi mô rồi ?”. Bà sinh ra ông nghè Tống, còn một bà khác rất nghèo trong làng, trong đêm ấy cũng sinh ra ông đế Điểm. Ông Tống được ăn học từ nhỏ, đậu tiến sĩ năm bốn chục tuổi đời Tự Đức, được triều đình bổ làm đốc học tỉnh Thanh, sau làm chánh sứ Sơn Phòng. Ông Điểm, tên tục ở nhà là Dốm, bố mẹ chết sớm, lớn lên ông sống bằng nghề gánh nước thuê và chở đò đồng chiêm. Ông không có tên trong sổ đinh vì lý trưởng không ghi để trốn thuế. Tới lúc lấy lính, một người nhà giàu trong làng thuê ông đi lính thay. Vì ông có sức khoẻ phi thường nên được chọn làm lính võ sinh. Được ít năm ông vào Huế dự thi võ tiến sĩ. Ông trúng tuyển nhưng không biết chữ nên chỉ được công nhận là phó bảng. Năm Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất, ông Điểm đã là đế đốc tỉnh Nam Định.

Ông Tống tuy là bậc đại khoa, là lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp, cha con đều hy sinh vì việc nước, nhưng người làng vẫn chê ông còn tiểu khí ở mấy việc. Xưa nay ông nghè thường có ý khinh ông đế là vô học, chỉ nhè có sức khoẻ mà ở ngôi cao. *Quan văn lục phẩm đã sang – Quan võ nhất phẩm còn mang gươm hầu*. Một lần ông nghè có việc qua Nam Định nhân tiện rẽ vào thăm bạn học cũ là tổng đốc Vũ Trọng Bình. Ông Bình mở tiệc mừng bạn có mời ông Điểm cùng dự. Trong bữa rượu, hai ông quan văn toàn nói chuyện văn thơ, để mặc ông quan võ ít chữ ngồi uống rượu suông một mình. Tan bữa tiệc, ông đế mời quan tiến sĩ của làng sang dinh mình hàn huyên và tặng ông nghè một món tiền vì biết bạn sống rất thanh bạch. Ông nghè cầm tiền rồi sai luôn lính hầu ra phố mua mấy đôi dép cho các cậu. Người có học mà xử như thế là khiếm nhã.

Thời còn trẻ ông nghè Tống với ông giáo Thọ cùng học cụ đốc Lê bên làng Báo. Văn chương giáo Thọ sắc sảo, diêu luyện hơn nghè Tống nên được thầy yêu. Có lần trời mưa, cả hai người đến thăm thầy, cụ đốc hỏi người nhà lấy dép của mình cho giáo Thọ đi, còn nghè Tống thì đi guốc của người con trai. Khi ngồi uống trà với thầy, cụ đốc Lê cho phép giáo Thọ ngồi ngang với mình, còn nghè Tống phải ngồi dưới. Một kỷ niệm không vui thời còn trẻ, lúc về già ông nghè vẫn không quên, vẫn tức bức. Khi ông nghè phụng chiếu Cần Vương đánh Pháp liền cho bắt giáo Thọ, vu là theo Pháp chống lại nghĩa quân. Ông Thọ sợ quá trốn về quê vợ, ông nghè cho lính tróc nã, bắt trói giải về sân đình Bồng Trung, đợi lệnh chém. Rất may có người chú ông nghè đi ngang qua lấy làm bắt bình, liền bảo tha, rồi đến tận nhà bảo thằng cháu : “Giặc thù chưa đánh đã giết lẫn nhau rồi !”

Khi vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương thì ông nghè đã từ quan về làng dạy học. Phong trào Cần Vương sục sôi khắp tỉnh nhưng cha con ông vẫn đóng cửa chong đèn đọc sách. Ông đốc Dền bên Yên Định cho nghĩa quân bắc loa ở đốc đò Bồng gọi rõ tên bố con ông nghè, rồi đọc chiếu Cần Vương đến hai ba lần nhưng ông vẫn làm thính. Thời vận chưa tới hoặc giả còn cân nhắc cái tài cái đức của riêng mình, không được rõ. Mãi sau ông đê đốc Trần Xuân Soạn phải đi đò sang gặp ông nghè Tống, ông mới chịu mộ hương binh, rào làng, đổi văn sang võ, thành một chiến sĩ chiến đấu bền bỉ, quyết liệt tới lúc ông mất. Sự lưỡng lự của ông nghè Tống được các bậc thúc giả ở làng khen, vì đánh Pháp là việc lớn, dứt bỏ một thời để bước sang một thời khác hẳn, không thể quyết định trong phút chốc. Nhưng đã làm là làm đến cùng, vợ con coi như bỏ, cái sống cái chết của bản thân cũng không tính nữa.

Đánh Pháp được sáu năm thì nghĩa quân tan tác cả, ông Tống phải trốn vào hang Nhân Kỷ thuộc huyện Bá Thước. Chẳng may lại bị đưa học trò cũ là Cao Ngọc Lễ làm bang biện, người làng Báo, đò tìm được dấu tích, báo quân Pháp tới vây bắt. Ông bị đóng cùi đưa đi đường sông về Thanh Hoá. Khi ông bị giam ở tỉnh Thanh, có người cháu gọi bằng bác tên là Tống Đông lên thăm, muốn ông bác uống thuốc độc tự vẫn cho khỏi khổ liền viết lại hai chữ Sinh Mẫu đưa ông coi (chữ Sinh chồng lên chữ Mẫu là chữ Độc). Ông cười nhạt rồi đuổi về. Khi Pháp đưa ông nghè Tống ra chém ở cầu Hạc, ông còn lấy móng tay vạch lên nền đất pháp trường hai câu thơ :

Nhi kim thuỷ liễu tiền sinh trái  
Tự cổ lưu truyền bất tử danh<sup>1</sup>

Đầu ông nghè vừa rơi thì Cao Ngọc Lễ được thăng tri huyện Cẩm Thuỷ, rồi lên đến án sát Nghệ An, gọi là án Báo. Dinh cơ án Báo bên làng Báo là một khoảnh đất rất đẹp, rộng đến năm sáu sào, cổng hai tầng, xây tường vây quanh, không xây bằng gạch mà bằng tiếu sành, hàng vạn cái tiếu do lò chum ở tỉnh dâng biếu. Khi án Báo chết, quan tài vừa khiêng ra khỏi cổng, thì một ông tú ở Bồng Trung dán luôn hai câu đối, mực viết còn ướt :

Vô địa khả mai Cao Ngọc Lễ  
Hữu tiền nan thục Tống Duy Tân<sup>2</sup>

Con cháu án Báo về sau cù bạc, rượu chè, nghèo túng quá liền phá tung mảng tường, moi tiếu sành đem bán. Đầu thứ năm là Kinh, làm nghè chụp ảnh, nghiện rượu nặng, ai tới chụp chỉ bấm máy không, rồi lấy tiền ứng trước mua phim, bữa sau họ tới lấy ảnh mới xin chụp lại. Con gái Kinh là Cao Thị Lan, thường gọi là Lan lừa, chuyên mua vàng đai về luyện lọc lại, pha với chì làm vàng giả. Lan lừa là nhân vật được nhắc nhiều trong vụ tai tiếng lớn nhất ở Thanh Hoá những năm 1987, 1988.

Ông nghè Tống bị Pháp giết năm 1892. Chín năm trước đó sau tết Quý Mùi ít ngày, Pháp đem quân đánh thành

Nam Định sau khi đã hạ thành Hà Nội vào tháng 3 năm trước. Tổng đốc Vũ Trọng Bình bỏ chạy, án sát Hồ Bá Ôn bị thương, còn ông đê Điểm chống giữ được nửa buổi thì bị đạn xuyên lồng ruột. Ông lẩy khăn quấn ngang bụng, cưỡi ngựa chạy đến Bình Lục thì đã mệt quá, liền rẽ vào một làng cạnh đấy, đánh trống mời dân ra nói chuyện. Ông xin dân nấu cho ông một nồi ba mươi cháo trắng, ăn xong, ông sai đào một cái huyệt rộng, lót ván bằng cánh cửa tam quan, bình thản nằm xuống rồi bảo lấp đất cấy lúa lên trên. Ba năm sau bà vợ ra nhặt xương chồng vẫn thấy con ngựa ông cưỡi quanh quẩn bên mộ. Nó cõng nấm xương của chủ trên lưng theo bà về Bồng.

Xem ra người làng Bồng thân thiết với ông Điểm hơn ông Tống. Vì ông đê Điểm vốn nghèo hèn hơn họ, ít học hơn họ thuở hàn vi. Lại thêm một đời ông không thay đổi cách sống, thay đổi bạn bè. Con cháu ông án Thân là bố vợ ông nghè Tống làm nhà thờ họ, ông biết chuyện liền xắn tay áo sang làm giúp. Ông khiêng xác còn khoẻ hơn một hiệp thợ, và cùng ngồi ăn cơm với thợ mỗi bữa. Cũng có một việc người làng chê là nhỏ bụng. Khi ông Điểm được thăng làm quan đầu tỉnh, bữa vông lòng về làng, ông cho lính gọi lý trưởng Nhã ra đình, bắt phải tự tay đốt bằng lý trưởng trước mặt ông vì cái tội đã dám đánh quan lớn mười roi lúc còn ở nhà.

Ngày đầu tiên tôi về Bồng Trung, ngồi chơi ở quán nước ngay phố chợ Bồng, thấy nhà bên kia đường người đông nghẹt, nhạc nhẩy xập xình, xe máy cả chục chiếc đậu ngổn ngang ở cửa. Một chàng trai rất cao ráo mặc áo phục đen, thắt cà vạt đen và một cô gái phấn son rực rỡ, áo voan trắng dài chấm đất đứng nép bên người con trai cười nói nhộn nhạo với bạn bè. Đám cưới ở nông thôn mà sang trọng quá, y hệt các đám cưới ở thành phố. Cũng là nhà có tiền đây. Nhà ai thế ? Ông chủ quán bảo :

– Nhà bên ấy là con cháu cụ đê Điểm.

### 3

Một buổi tối ngồi ăn cơm với mấy cụ già dãy về hưu, tầng lớp trí thức của làng Bồng, cụ già Đào bảo tôi có mấy anh thương binh muôn được gặp mặt nhà báo. Một lát có hai người tới, một người tên là Hưng họ Nguyễn, một người tên là Vinh họ Trịnh đều là dòng dõi thế gia cả. Hưng di bộ đội năm 1965, mười năm chiến đấu ở chiến trường miền Đông Nam Bộ mãi đến tháng 3 năm 1975 mới bị thương khi đi điều tra địch tình ở Xuân Lộc. Anh bị cưa một cánh tay rồi được đưa ra Bắc luôn, đã đến tận cửa ngõ Sài Gòn mà cho đến nay vẫn chưa biết Sài Gòn là gì. Vinh thì bị thương vào đầu năm 71 ở xã Mỹ Hạnh kề sát sân bay Tân Sơn Nhất. Cả hai đều hỏi tôi nằm ở xã dã mấy ngày có biết chuyện tham ô của cán bộ xã không ? Tôi nói có biết. Nhưng tôi không dám nói thật cái điều tôi đang nghĩ : một làng văn hiến dã sinh ra nhiều hào kiệt mà sao cái dung mạo hôm nay lại té nhạt, tầm thường ? Cán bộ thì đục khoét, dân chúng thì nhện nhục, rõ chán ! Lại hỏi, đã biết thì nhà báo có dám tố cáo giùm anh em không ? Tôi còn đang lúng túng chưa biết trả lời sao thì Hưng nói tiếp luôn :

– Có viết bài tố cáo cũng chẳng ăn thua gì. Mấy năm

<sup>1</sup> Ngày nay đã trả xong  
Nghìn năm còn để tiếng thơm với đời.

<sup>2</sup> Không dãy để chôn Cao Ngọc Lễ  
Có tiền khôn chuộc Tống Duy Tân.

nó họ còn sợ báo, chứ bây giờ cũng hết cả sợ. Cấp trên thì mệt mỏi, cấp dưới cứ lì ra, rút cuộc thằng dân phải chịu hết, chịu mãi cũng phải quen, không quen thì làm gì bây giờ.

Nói thế chứ họ đã dắt kéo nhau lên tinh, ra trung ương được vài lần rồi. Mỗi lần đi một người phải tiêu cả nửa tạ lúa. Ấy là đã mang theo gạo mắm, nồi niêu và cá củi, ăn đâu nấu đó, lúc nhảy tàu, lúc đi xe, lúc cuốc bộ, lôi thôi lếtch thêch như một lũ ăn mày. Đơn từ của dân ôm một cặp, nói năng lý lẽ đã bần tính với nhau cả tháng, nhưng người nghe vẫn hờ hững thế nào, cứ nhìn con mắt họ cũng đủ biết, họ chỉ muốn mòi ra cho nhanh cái đám người ồn ào hay làm phiền và dễ gây rối.

Vinh có vóc người to lớn nhưng không khoẻ, da mặt anh vàng bủng, giọng nói hơi nhíu, vào mùa hè anh hay bị chứng động kinh do vết thương ở đầu nên cả chục năm nay chỉ ăn bám vào vợ. Vinh nói ấm úc :

– Bảo là phải chịu cho quen nhưng cứ nghĩ tới cái cung cách làm tiền của mấy ông ở xã lại uất đến ứa nước mắt. Nó ngang ngược quá, bất cần quá.

Nghe chuyện quả là ngang ngược, bất cần thật. Toàn bộ tài sản của hợp tác xã nông nghiệp gồm một đàn trâu bò cày kéo, một đàn trâu bò sinh sản cả trăm con, rồi xe kéo, rồi máy bơm nước, xã đem bán cho dân tuốt tuột nhưng bán được bao nhiêu xã viên không được quyền biết. Huyện kêu gọi đi dân vào làng Đa Bút, hộ nào đi được nhận vật liệu để làm nhà, bí thư chi bộ nhận đủ mọi thứ nhưng đem bán lại cho người khác và không đi nữa, đã sao ? Kế hoạch chuyển cư là năm chục hộ nhưng chỉ đi có chín hộ, vậy số vật liệu xây dựng của bốn mươi mốt hộ kia ai cầm nhỉ, không biết ! Thủ kho để thiếu hụt mười tấn lúa, một tấn dầu máy nổ, chuyện vỡ lở ông ta đền có ba trăm năm chục ngàn, tức là ba tạ lúa theo giá bấy giờ, và cũng chỉ đền có thể rồi giờ tay cười xoà : tôi hết nhẫn rồi. Còn nhiều nữa, nhiều nữa. Họp chi bộ, họp hội đồng nhân dân, cãi cọ nhau một chặp thì người đứng ngoài bị lôi vào vành móng ngựa, kẻ vốn đứng trong vành móng ngựa lại hớn hở nhảy tot ra ngoài. Trường hợp của Hưng là thế vì anh là đảng viên, lại đang làm việc ở ủy ban, có chuyện gì xảy ra giữa thương binh với lãnh đạo là do anh xúi bẩy, anh cầm đầu, anh tiết lộ bí mật. Cũng đủ để khai trừ ra khỏi Đảng rồi. Vào Đảng trong bom đạn, ra Đảng chỉ vì những mèo vặt của mấy anh ăn cắp thì uổng quá. Nên anh lại nín nhịn. Nín nhịn mãi hoá ra người hèn, tự anh cũng biết thế. Hưng thở dài, nghiêng mặt về phía tôi mà nói, vì tôi là người lạ :

– So với các cụ thời xưa ở làng này thì bọn tôi như hèn đòn hơn, nhợt nhạt hơn, có phải không ? Thật ra không đến nỗi thế. Cụ Điểm mới đánh Pháp có một trận đã bị bắn lủng ruột, còn tôi đánh Mỹ cả trăm trận trong suốt mười năm chỉ bị thương vào trận cuối. Không đám nói là hơn người xưa nhưng cũng không thể bảo là kém. Chẳng qua cứ lúng túng né ném chuột sợ bể lọ nên mới phải nhẫn nhục cho tới bây giờ.

### Nguyễn Khải

[*Sư già chùa Th้า và ông đại tá về hưu*  
tập truyện, Nhà xuất bản Hội nhà văn, 1993]

## Cố Điện

(tiếp theo trang 29)

**C**huyện Cố Điện chắc còn nhiều, trở thành những chuyện vui, tượng trưng sự trí thức chống đối cường quyền trong xã hội ta xưa, hay đàn anh xuphụ thuyetdân. Muốn đọc giả hiểu sâu hơn ý nghĩa sự châm biếm ấy, tôi đã nhắc lại vắn tắt rõ ràng đoạn sử bidát nước nhà, từ trạng thái độc lập đến trạng thái nô lệ. Kẻ cầm vận mệnh quốcdân đã không biết lo xa, làm sai lầm không suachữa. Lúc đã lỡ bước, dù hối hận, gõ cũng không ra. Dù dũng cảm, gandạ, nghiahkhí đến đâu, nếu khígidi và hoả lực kém xa địch, thì nhântâm dần kém, lòng theo cơ hội ngày tăng, một dântộc vốn có lúc anhhùng, thành một đàn gà chuồng cắn đá lẩn nhau, hoặc chỉ còn khítết thôthan, mihamai người, tức là tự mihamai mình, như Cố Điện.

Cố Điện, tức là Phan Điện, sinh vào khoảng 1875 tại xã Tùng-ảnh (xem bản đồ), có lẽ là hậu duệ ông nghè Phan Tam-Tỉnh, một danh thần triều Minh-mạng. Ông vào hàng nhosĩ Nghệ Tĩnh chống chế độ tách họ Pháp, cho nên ông đã đặt tên cho hai trai của ông là Phan Anh và Phan Mĩ, là hai chínhtrigia hồi đầu cáchmệnh giảiiphóng rất trẻ và rất hăng. Đời sinhviên của hai cậu trẻ này cũng nhiều phen điêuđứng với ông cha khó tính, vừa duyêt vừa thủcụ, chống với mọi hànhđộng mà ông coi là quá tânthời. Trước 1939, Phan Anh đi Paris bảo vệ thuyếttrình luậtthọc ; khi về, đem về một vịnhonthê dượccsĩ, cô Đỗ Thị-Thao. Anh đã gặp nhiều khókhăn, vì cha, vì lễ cưới. Sau, vợ chồng Phan Anh có con trai bị cảm bệnh : cố Điện nhấtđịnh chữa bệnh cho cháu bằng thuốc Bắc, mặcdầu mẹ nó là chuyennôn thuốc tây.

Một sự khác khókhăn cho Phan Anh là muôn một bạn hoasĩ nổi tiếng, Tô Ngọc-Vân, vẽ một bức truyềnthần cho cha mình. Con phải dỗdành, giảnggiải mãi, cố Điện mới chịu ngồi yên để Tô Ngọc-Vân hành nghệ. Tháng 3.1947, sau khi trungđoàn Thủđô, với toàn dân ta bỏ khu trungđường Hà-nội, tôi liền tìm tới nhà Phan Anh, cũng là hiệu thuốc tây Hàng Bạc. Rào bằng sắt và gỗ che hiệu thuốc bị phá, đỗđạc trong nhà bị lấy hết. Nhà trong và nhà ngoài đều có ráirác những ngô khoai và bị đay rỗng. Tôi đoán rằng ban phòng thủ khu phố này đã biến hiệu thuốc thành kho lươngthực. Một điều lạ là trong phòng vứt nhiều bộphận phátđiện dùng cho xe đạp. Đã có tin đồn rằng bộđội ta hay gài mìn ở các nơi mà dùng bộphận phátđiện này, để ai táymáy đến xoay đầu ống thì mìn nổ. Tôi nhìn quanh tường : bọn thoprishi chỉ để lại những sách luật của trạngsu Phan Anh, và, treo trên tường cao, chân dung Cố Điện. Giữa cảnh hoang tàn bãygiờ, mà thấy khuôn mặt gânguốc của Cố, như đang còn túctối với ngoạixâm và tui cầu danhlợi khoác tiếng Andân, không ngầnngại, tôi đã tìm mọi cách hạ được bức tranh ấy xuống ; rồi đưa cất về nhà, để giao lại cho bạn Phan Anh mà tôi chắc có ngày gặp lại. Mùa thu năm 1954, khi chínhphủ về đóng ở thủđô, tôi đã vắng mặt, nhưng đã dặn gianhân đem tấm chânđung Cố Điện giao lại cho bạn. Ở Paris, khi tôi nhìn bức tranh Van Gogh tựhoạ lúc đã “về già”, thì tôi không khỏi nhớ đến bức tranh chânđung Cố Điện, do Tô Ngọc-Vân vẽ. Mấy năm sau đây, Phan Anh có dịp tới dự hộiinghị luậtthọc UNESCO tại Paris, ANH đã cảm ơn tôi, và khen tôi đã có con mắt “tinh đời”, chọn cái độcnhất đáng cứu, để bảo tồn vừa phuongdan hoasĩ, vừa dienmạo, khiphách của một thânlinh của Bạn.

Paris ngày 27.2.1994

Hoàng Xuân Hãn